

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	viii
PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG	xi
1. Bối cảnh chung:	xi
2. Những phát hiện chính trong quá trình triển khai tự đánh giá:	xvi
PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	1
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường đại học	1
Mở đầu	1
Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của Trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.	1
Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.	4
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:.....	7
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	9
Mở đầu	9
Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường Đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường.	9
Tiêu chí 2.2: Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường.	12
Tiêu chí 2.3: Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.	15
Tiêu chí 2.4: Tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể trong Trường hoạt động hiệu quả và hàng năm được đơn vị cấp trên đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể thực hiện theo quy định của điều lệ.	18
Tiêu chí 2.5: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.	21
Tiêu chí 2.6: Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường, có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Trường.....	24
Tiêu chí 2.7: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quan, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Trường.	26
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:.....	28
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	30
Mở đầu	30
Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo của các Trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham	

gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.....	30
Tiêu chí 3.2: Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.	33
Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.	37
Tiêu chí 3.4: Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.	39
Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.	41
Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.	43
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:.....	45
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1: Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người học theo quy định.....	48
Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển qui trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.	51
Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.	53
Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.....	57
Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường.....	60
Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.	62
Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra Trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:.....	68
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	69
Mở đầu:	69
Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.	70

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong Trường học	72
Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.	75
Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.	77
Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên cơ hữu để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.	79
Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng nhu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.	81
Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định.....	83
Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.	86
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:.....	88
Tiêu chuẩn 6: Người học.....	90
Mở đầu	90
Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.	91
Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, TDTT và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường.	93
Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.	97
Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.	99
Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.	102
Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Trường cho người học.	106
Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.....	108
Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành đào tạo.	111
Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng của trường đại học trước khi tốt nghiệp.	114
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:.....	117
Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	119
Mở đầu	119

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường đại học.	119
Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.	121
Tiêu chí 7.3: Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Trường đại học.	122
Tiêu chí 7.4: Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.	124
Tiêu chí 7.5: Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của Trường đại học dành cho các hoạt động này.	126
Tiêu chí 7.6: Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các Trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của Trường.	128
Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.	130
+Kết luận về Tiêu chuẩn 7:	131
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế.....	133
Mở đầu	133
Tiêu chí 8.1: Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.	133
Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi GV và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.	135
Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.	138
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:.....	141
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác.....	142
Mở đầu	142
Tiêu chí 9.1: Thư viện của Trường Đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả.	142
Tiêu chí 9.2: Có đủ số lượng phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.	146
Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu các ngành đào tạo.	148
Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý.	150
Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.	153
Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định.....	155

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.	156
Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường.	159
Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự an toàn cho các cán bộ quản lý, GV, nhân viên và người học.	162
Kết luận về Tiêu chuẩn 9:.....	164
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính	165
Mở đầu	165
Tiêu chí 10.1: Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học. .	165
Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo quy định.	168
Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.....	170
Kết luận về Tiêu chuẩn 10:.....	172
PHẦN IV: KẾT LUẬN	173
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	174
PHẦN V: PHỤ LỤC.....	176
A. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng giáo dục.....	176
I. Thông tin chung của Trường.....	176
II. Giới thiệu khái quát về Trường.....	176
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường.....	185
IV. Người học.....	188
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	194
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	198
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	199
B. Các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.....	201
C. Kế hoạch Tự đánh giá	210
D. Danh mục minh chứng.....	214

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Diễn giải	Ghi chú
1.	BCH	Ban Chấp hành	
2.	BGH	Ban Giám hiệu	
3.	CB-VC	Cán bộ - Viên chức	
4.	CD	Cao đẳng	
5.	CLC	chất lượng cao	
6.	CNTT	Công nghệ thông tin	
7.	CSVC	Cơ sở vật chất	
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo	
9.	CTSV	Công tác sinh viên	
10.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng	
11.	ĐH	Đại học	
12.	ĐHCQ	Đại học chính quy	
13.	ĐTCLC	Đào tạo chất lượng cao	
14.	ĐTTX	Đào tạo từ xa	
15.	GD&ĐT	Giáo dục vào Đào tạo	
16.	GDDH	Giáo dục đại học	
17.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng	
18.	GDTC	Giáo dục Thể chất	
19.	GDTX	Giáo dục thường xuyên	
20.	GV	Giảng viên	
21.	HC-QT	Hành chính – Quản trị	
22.	HTQT	Hợp tác Quốc tế	
23.	KĐCL	Kiểm định chất lượng	
24.	KH-CN	Khoa học Công nghệ	
25.	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo	
26.	LĐTB&XH	Lao động Thương binh và Xã hội	
27.	NCKH	Nghiên cứu khoa học	
28.	PGS-TS	Phó Giáo sư-Tiến sĩ	
29.	QLĐT	Quản lý đào tạo	

TT	Từ viết tắt	Diễn giải	Ghi chú
30.	QLHTTT	Quản lý Hệ thống Thông tin	
31.	SV	Sinh viên	
32.	TC-KT	Tài chính - Kế toán	
33.	TC-NS	Tổ chức - Nhân sự	
34.	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp	
35.	TDTT	Thể dục thể thao	
36.	ThS	Thạc sĩ	
37.	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh	
38.	TS	Tiến sĩ	
39.	TTCP	Thủ tướng Chính phủ	
40.	TTg	Thủ tướng	
41.	UBND	Ủy ban Nhân dân	
42.	VHVN	Văn hóa Văn nghệ	
43.	VLVH	Vừa làm Vừa học	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm thực hiện các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục trường ĐH, CĐ, TCCN theo các văn bản: Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Trường ĐH Mở TP.HCM đã thực hiện tự đánh giá lần thứ nhất vào tháng 08/2009 và lần thứ hai vào tháng 05/2015 đã có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT.

Năm 2016, Trường tiến hành rà soát báo cáo tự đánh giá năm 2015 để tiến hành đánh giá ngoài nhằm xem xét xác định thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo cùng một số vấn đề liên quan khác, từ đó điều chỉnh nguồn lực, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng. Các kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo được xây dựng và triển khai, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn. Tự đánh giá lần thứ hai còn là một hoạt động nhằm giúp Trường thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường.

Quy trình và nội dung tự đánh giá đều tuân thủ theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT theo các văn bản:

- + Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;
- + Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ GD&ĐT có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;

+ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

+ Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

+ Công văn số 527/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học;

+ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.

Ngày 14/03/2014, Hiệu trưởng Trường ban hành Quyết định số 194/QĐ-ĐHM về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá bao gồm 28 thành viên, Ban Thư ký tổng hợp gồm 06 thành viên; 12 nhóm chuyên trách.

Ngày 25/03/2014, Hiệu trưởng Trường ban hành văn bản số 254/KH-ĐHM về việc lập Kế hoạch tự đánh giá để tổ chức thực hiện.

Công tác tự đánh giá được tiến hành qua 12 giai đoạn, theo hướng dẫn của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT:

- **Giai đoạn 1:** Hợp phân công công việc (Ban Giám hiệu);
- **Giai đoạn 2:** Ban Thư ký tổ chức tham quan thực tế (lần 1) và mời chuyên gia tập huấn công tác tự đánh giá;
- **Giai đoạn 3:** 12 nhóm công tác dưới đây tiến hành thu thập minh chứng theo lĩnh vực nhiệm vụ;
- **Giai đoạn 4:** Ban Thư ký tổng hợp minh chứng từ 12 nhóm công tác, tiến hành phân loại minh chứng theo tiêu chí, mã hóa minh chứng;
- **Giai đoạn 5:** Ban Thư ký tổ chức tham quan thực tế (lần 2);

- **Giai đoạn 6:** Căn cứ minh chứng do Ban Thư ký cung cấp, nhóm được phân công viết Phiếu đánh giá tiêu chí tiến hành viết Phiếu đánh giá tiêu chí;
- **Giai đoạn 7:** Ý kiến góp ý của chuyên gia, Ban Thư ký thu thập thông tin bổ sung;
- **Giai đoạn 8:** Nhóm viết báo cáo tự đánh giá phân tích minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí;
- **Giai đoạn 9:** Ban Thư ký tổng hợp – Dự thảo báo cáo tự đánh giá – Tổ chức tham quan thực tế lần 3;
- **Giai đoạn 10:** Các đơn vị tiến hành góp ý cho dự thảo – Ban Thư ký tổng hợp, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- **Giai đoạn 11:** Công bố báo cáo tự đánh giá chính thức;
- **Giai đoạn 12:** Lưu trữ - Gửi báo cáo Bộ GD&ĐT.

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

1. Bối cảnh chung:

Là trường đại học theo mô hình mở đầu tiên tại Việt Nam, Trường ĐH Mở TP.HCM ra đời để thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người với nhiều cấp bậc học, nhiều hình thức đào tạo với phương thức truyền tải linh hoạt và thuận tiện cho người học. Trải qua hơn 26 năm hình thành và phát triển, Trường đã có hệ thống các cơ sở, các đơn vị liên kết rộng khắp khu vực phía Nam, từ Quảng Ngãi đến Cà Mau, tại các tỉnh miền núi Tây nguyên và vùng hải đảo như Côn Đảo, Phú Quốc.

– Ngày 15/6/1990, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 451/TCCB về việc thành lập Viện Đào tạo Mở rộng trực thuộc Trường Cán bộ quản lý Đại học – THCN và dạy nghề, đây là tên gọi đầu tiên của Trường;

– Ngày 26/7/1993, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 389-TTg thành lập Đại học Mở Bán công TP.HCM;

– Ngày 22/6/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg về việc chuyển loại hình trường đại học, cao đẳng bán công và Trường được mang tên Trường Đại học Mở TP.HCM cho tới hôm nay;

– Ngày 12/6/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 850/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017.

Ngay từ ngày đầu thành lập, Trường đã xác định sứ mạng của mình “là cơ sở đào tạo đại học có các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ, đào tạo tại các điểm vệ tinh, ... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật cho đất nước”. Trên cơ sở sứ mạng và mục tiêu đã xác định từ khi thành lập, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010 – 2015 tầm nhìn đến 2020, sau đó, khi bắt đầu nhiệm kỳ mới của lãnh đạo Trường, được điều chỉnh thành Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn

2013 – 2023. Kế hoạch chiến lược phát triển đã xác định tám mục tiêu phát triển của Trường:

[1] Có hệ thống chất lượng đào tạo cao hướng đến phục vụ xã hội học tập, bao gồm cơ cấu đào tạo hợp lý; CTĐT hiện đại, thực tiễn và có tính liên thông cao; phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm; hệ thống học liệu đầy đủ; hệ thống đánh giá thúc đẩy chất lượng đào tạo; và hệ thống đảm bảo chất lượng hữu hiệu.

[2] Thực hiện các hoạt động NCKH hiệu quả trên các phương diện nghiên cứu phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu phục vụ cho cộng đồng.

[3] Công tác SV thiết thực, bao gồm hệ thống dịch vụ SV thuận tiện; các hoạt động SV sôi nổi và bổ ích, và mạng lưới cựu SV rộng.

[4] Gắn bó với cộng đồng thông qua các hoạt động hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức khác, các hoạt động HTQT và các hoạt động vì lợi ích xã hội.

[5] Nguồn nhân lực đủ năng lực và phẩm chất, bao gồm đội ngũ GV và đội ngũ chuyên viên đáp ứng được mục tiêu phát triển của Trường.

[6] Cơ sở vật chất thuận tiện và đầy đủ, bao gồm không gian học tập và các phương tiện phục vụ giảng dạy, nghiên cứu đạt chuẩn; hạ tầng CNTT hiện đại và hệ thống thư viện hữu ích.

[7] Thiết lập quy trình quản trị và quản lý chuyên nghiệp; xây dựng văn hóa và môi trường làm việc hiệu quả, sáng tạo và thân thiện.

[8] Đảm bảo tài chính cân bằng và phát triển, đáp ứng được yêu cầu phát triển của Trường và nâng cao đời sống GV, cán bộ, nhân viên.

Bộ máy tổ chức của Trường bao gồm Ban Giám hiệu với Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng, Hội đồng Trường gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên; có 33 đơn vị chức năng, cụ thể gồm 01 Khoa Đào tạo Sau đại học, 11 Khoa đào tạo trình độ đại học, 10 Phòng, 02 Ban, 06 Trung tâm, 01 Tạp chí khoa học, 01 Thư viện và 01 Trạm y tế, 03 Ban Quản lý tại các tỉnh, cùng Đảng bộ và các Đoàn thể. Tại thời

điểm 30 tháng 6 năm 2016, đội ngũ CB-VC của Trường là 582 người, trong đó có 3 Giáo sư (0,52%), 14 Phó Giáo sư (2,41%), 91 Tiến sĩ (15,64%), 297 Thạc sĩ (51,03%), 147 cử nhân (25,26%) và trình độ khác là 30 người (5.15%), trong đó có 72 người có bằng tiến sĩ và 90 người có bằng thạc sĩ do nước ngoài đào tạo. Đội ngũ CB-VC, GV của Trường có đạo đức, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn vững vàng, đảm bảo chất lượng cho công tác quản lý, giảng dạy, phục vụ người học. Đội ngũ này không ngừng được bổ sung, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động trong mọi mặt của Trường. Trường đã xây dựng được một tập thể đoàn kết, thống nhất, dân chủ, hoạt động rất năng động. Các đoàn thể được tạo mọi điều kiện hoạt động, người lao động được chăm lo về vật chất tinh thần, được đảm bảo các quyền lợi theo Luật lao động, GV được tạo mọi điều kiện để giảng dạy tốt, để học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, được cấp kinh phí, trang thiết bị cần thiết để NCKH và được hưởng nhiều quyền lợi khác.

Tại Trường, người học là trung tâm của quá trình đào tạo, được cung cấp đầy đủ các điều kiện để học tập tốt, được đảm bảo an toàn, có môi trường năng động, thân ái để rèn luyện, được hướng nghiệp, tư vấn việc làm, được khuyến khích và khen thưởng kịp thời khi đạt thành tích tốt trong học tập, NCKH, hoạt động Đoàn thể, hoạt động tình nguyện, VHVN-TDĐT. Các dịch vụ phục vụ, các tiện ích công nghệ thông tin không ngừng được cải tiến, phát triển để phục vụ tốt nhất cho người học. Trường luôn lắng nghe, đồng cảm, hỗ trợ người học, ghi nhận những ý kiến phản hồi của họ để xây dựng CTĐT, cải thiện CSVC, cải tiến công tác giảng dạy và phục vụ, đáp ứng tốt nhu cầu của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận mọi quy định của Trường.

CTĐT ở các bậc học và ở mọi hình thức đều được xây dựng nhằm đáp ứng được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ và tạo điều kiện để người học tìm được việc làm sau tốt nghiệp. Khi xây dựng các chương trình này, Trường đã tham khảo chương trình của các trường đại học uy tín ở các nước tiên tiến và trong nước, đồng thời luôn tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan sử dụng lao động, các chuyên gia, các GV uy tín, các tổ chức nghề nghiệp và cựu sinh viên. Hiện nay, Trường đang đào tạo để cấp bằng tiến sĩ cho 02 chuyên ngành, cấp bằng thạc

sĩ cho 06 chuyên ngành, cấp bằng cử nhân-kỹ sư cho 18 ngành ở trình độ đại học, cấp bằng cử nhân đại học chương trình chất lượng cao cho 05 ngành, và cấp bằng cử nhân, kỹ sư cho 15 ngành GDTX.

Về hợp tác quốc tế, Trường là thành viên tích cực của Hiệp hội các trường đại học Mở Châu Á (AAOU – Asian Association of Open Universities) và Hội đồng Giáo dục Mở và Từ xa Thế giới (ICDE – International Council for Open and Distance Education). Trường đã thỏa thuận hợp tác với nhiều trường đại học uy tín của các nước như Bỉ, Đức, Úc, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Canada, Thụy Điển, Singapore, New Zealand, các tổ chức quốc tế, các tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ.... Các hoạt động hợp tác bao gồm liên kết đào tạo cao học, liên thông đại học, trao đổi giảng viên, sinh viên, tổ chức và tham gia hội thảo khoa học, thực hiện các dự án, giao lưu học thuật, trao đổi học hỏi kinh nghiệm quản lý,...

Về NCKH, NCKH được xác định là nhiệm vụ song hành cùng hoạt động đào tạo. Bằng các kế hoạch triển khai cụ thể, trong thời gian qua, nhiều công trình khoa học của GV, SV đã được thực hiện và đạt được nhiều giải thưởng. Các hội thảo khoa học, các chương trình học thuật được đầu tư về chất lượng, nhiều thỏa thuận liên kết trong hoạt động khoa học được thực hiện với các tỉnh, thành phố, các cơ quan trung ương và địa phương.

Về cơ sở vật chất, Trường có đầy đủ các phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ đảm bảo dạy và học tốt. Hiện nay, tất cả các phòng học của Trường đều được trang bị máy lạnh. Đây là một cố gắng rất lớn của Trường trong điều kiện Trường phải tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động. Phòng học ngày càng khang trang, hiện đại. Quy mô sinh viên/1 lớp học được giảm dần để đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo. Thư viện của Trường có nguồn sách, báo, tạp chí, tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài khá phong phú, là nơi lý tưởng để GV, SV đến tham khảo, tra cứu và làm việc. Trường cũng quan tâm tới các phòng ốc, sân bãi nơi người học tham gia các sinh hoạt VHVN-TDĐT.

Về tài chính, Trường đảm bảo các khoản chi phù hợp, tuân thủ các nguyên tắc tài chính, kế toán đáp ứng tốt cho học tập, NCKH, hoạt động VHVN, TDTT, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất, đảm bảo đời sống của người lao động từ nguồn thu hợp pháp. Từ tháng 6/2015, Trường thực hiện công tác tự chủ trong đó có tự chủ tài chính theo Quyết định số 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017. Tuy còn gặp nhiều khó khăn về tài chính do phải tự lo nguồn thu của mình, Trường vẫn nỗ lực đảm bảo cho mọi hoạt động diễn ra tốt, các mặt hoạt động của Trường ngày càng nâng cao, đào tạo nhân lực có chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu xã hội.

Với mong muốn góp phần thúc đẩy xã hội học tập phát triển, trong những năm qua, Trường đã liên tục cải tiến để tạo nền tảng vững chắc hơn trong phát triển đào tạo từ xa, với phương châm tạo sự linh hoạt và thuận tiện nhất cho người học. Trường không ngừng cải tiến phương pháp và hình thức truyền tải kiến thức thông qua phát thanh, truyền hình, mạng internet, tài liệu in và điện tử, xây dựng hệ thống hướng dẫn và chăm sóc tận tình để người học có thể tận dụng mọi cơ hội tự học, nâng cao trình độ, tìm được việc làm và thăng tiến trong công việc. Trong những năm qua, Trường đã đầu tư rất nhiều để phát triển học liệu các loại. Trường đã chủ trì biên soạn 390 tài liệu học tập và hướng dẫn ôn tập để giúp người học từ xa tự học. Trường đã thu hình, biên tập hoàn chỉnh thành các video clip và upload lên website của Trung tâm Đào tạo từ xa là 71 môn với 916 clips; có 30 môn học được thu thanh và được biên tập hoàn chỉnh thành 291 tập tin audio có thời lượng 30 phút/1 tập tin và được sử dụng để phát trên các đài phát thanh TP.HCM và Vĩnh Long. Đối với các môn học online, Trường cũng đã xây dựng hoàn chỉnh nội dung 51 môn học để đưa lên Hệ thống quản lý học tập (LMS – Learning Management System).

Đến nay, đã có hàng chục nghìn sinh viên từ xa nhận bằng tốt nghiệp từ Trường, góp phần đáp ứng nguồn nhân lực ở các địa phương phía Nam.

Nhiều năm qua, nhiều tập thể, cá nhân của Trường đã được tuyên dương khen thưởng, nhiều SV tiên tiến, điển hình trong học tập và rèn luyện đã được vinh danh, khen thưởng, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tuy đã nỗ lực rất nhiều để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, nhưng Trường vẫn còn một số ít hạn chế nhất định liên quan tới NCKH, chuyển giao công nghệ, hoạt động cựu SV, tỉ lệ SV/GV ở một số ngành, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học của GV đáp ứng theo yêu cầu về tiêu chuẩn GV hiện nay. Điều này đòi hỏi Trường phải tiếp tục đầu tư, cải tiến để giữ vững uy tín của Trường, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

2. Những phát hiện chính trong quá trình triển khai tự đánh giá:

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, sáu phát hiện chính như sau:

Thứ nhất: Về sứ mạng và mục tiêu của Trường (Tiêu chuẩn 1): Các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, các kế hoạch công tác thường xuyên hay chuyên đề đều bám theo sứ mạng, mục tiêu của Trường đề ra trong từng giai đoạn. Sứ mạng và mục tiêu đúng đắn của Trường đã được khẳng định bằng thành quả trong suốt 26 năm qua.

Thứ hai: Về công tác tổ chức quản lý (Tiêu chuẩn 02): Từ lần tự đánh giá thứ nhất năm 2009 đến nay, đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên (Tiêu chuẩn 05) đã tăng lên mạnh mẽ, từ 376 lên 582, tăng 54,79%, trong đó đội ngũ GVCH tăng từ 178 lên 409 tăng 129,78% (trong đó 3 Giáo sư, 14 Phó Giáo sư, 91 Tiến sĩ, 295 Thạc sĩ), nâng tỷ lệ GV có trình độ sau đại học từ 74,30% năm 2009 lên 98,53% trong năm 2016. Trong 5 năm 2011-2016, Trường đã tuyển dụng mới 3 giáo sư, 1 phó giáo sư, 80 tiến sĩ (55 người đào tạo ở nước ngoài), 169 thạc sĩ (82 người đào tạo ở nước ngoài). Các cán bộ quản lý mới bổ sung trẻ, có trình độ cao, tốt nghiệp nước ngoài. Nhờ vậy, công tác quản lý được cải tiến nhiều theo hướng tích hợp CNTT trong quản lý, giảm hẳn việc xử lý công việc thủ công. Tuy nhiên, một số ngành có giảng viên cơ hữu còn dưới 70% như ngành Đông Nam Á học, ngành Xã hội học, ngành Công tác xã hội, ngành tiếng Nhật.

Thứ ba: Về chương trình đào tạo (Tiêu chuẩn 03) và hoạt động đào tạo (Tiêu chuẩn 04): Số ngành được phép đào tạo đã tăng lên và trình độ đào tạo tăng lên đã khẳng định uy tín Trường ngày càng cao. Từ 2012, Trường đã bắt đầu đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, năm 2016, bắt đầu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ ngành Kinh tế, đào tạo thêm 02 ngành trình độ đại học, 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, Bộ GD&ĐT cho phép triển khai 05 ngành đào tạo chất lượng cao trình độ đại học và Trường không tuyển sinh bậc cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp từ năm 2012. Việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ở bậc đại học/cao đẳng chính quy, đại học không chính quy và sau đại học đã khá thành công. Các CTĐT được rà soát một cách thường xuyên với sự tham gia của người sử dụng lao động, các tổ chức nghề nghiệp, GV và cựu sinh viên. Việc quản lý hoạt động giảng dạy của GV đã đi vào nề nếp, thực hiện hiệu quả việc lấy ý kiến phản hồi của người học về GV, về môn học. Công tác kiểm tra, đánh giá người học ở mọi hình thức đào tạo được đổi mới, nâng cao chất lượng.

Thứ tư: Về người học (Tiêu chuẩn 06): Trường đã chú trọng xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống tư vấn hỗ trợ sinh viên học tập. Dịch vụ hỗ trợ sinh viên tốt là một trong những mục tiêu tạo nên sự khác biệt của Trường. Bên cạnh đó, các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn việc làm, hoạt động văn thể mỹ, ngoại khóa, thiện nguyện phục vụ cộng đồng cũng được đẩy mạnh giúp sinh viên phát triển toàn diện, tăng cường kỹ năng sống. Tuy nhiên, hoạt động cựu sinh viên chưa phong phú, chưa phát huy được tiềm lực của cựu sinh viên trong việc hỗ trợ sinh viên hiện tại.

Thứ năm: Về NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (Tiêu chuẩn 07) và hợp tác quốc tế (Tiêu chuẩn 08): Trường đã thiết lập tốt mối quan hệ với các trường đại học uy tín trên thế giới, tạo điều kiện cho CB-VC, GV đi học nâng cao trình độ tại nước ngoài. Các chương trình liên kết đào tạo được người học đánh giá cao. Trường đã tổ chức tốt và đem lại hiệu quả cao trong NCKH sinh viên. Tuy nhiên, do khối lượng giảng dạy phải đảm nhiệm lớn nên GV không có nhiều thời gian tham gia NCKH. Vì vậy, kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ còn hạn chế, nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ chưa nhiều.

Thứ sáu: Về Thư viện, cơ sở vật chất, trang thiết bị (Tiêu chuẩn 9): Trong thời gian qua, Trường có sự đầu tư mạnh mẽ cho CSVC với việc đưa vào khu hiệu bộ 35-37 Hồ Hảo Hớn – Quận 1, cơ sở học tập 371 Nguyễn Kiệm và khu học GDQP-GDTC tại cơ sở Long Bình – Đồng Nai. Bên cạnh sự nỗ lực đáp ứng phòng học, trang thiết bị dạy học, sách vở, tài liệu, Trường cũng đã tập trung nguồn lực xây dựng các cơ sở đào tạo, ký túc xá, khu vui chơi giải trí, sinh hoạt VHVN-TDĐT cho người học, đầu tư về học liệu cho đào tạo từ xa, xây dựng các phòng thu - phát hiện đại, xây dựng hệ thống phục vụ đào tạo trực tuyến.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường đại học

Mở đầu

Trường Đại học Mở TP.HCM được Bộ GD&ĐT thành lập vào năm 1990 theo Quyết định số 451/TCCB ngày 15/06/1990 với tên gọi đầu tiên là Viện Đào tạo Mở Rộng II TP.HCM, nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hóa và xã hội hóa giáo dục, tạo cơ hội học tập cho mọi người, kịp thời đáp ứng nguồn nhân lực trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở của Viện Đào tạo Mở Rộng II TP.HCM, năm 1993 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập Đại học Mở bán công TP.HCM và đến năm 2006 được Thủ tướng cho phép chuyển đổi thành trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở TP.HCM từ đó đến nay. Trên cơ sở các quyết định thành lập, sứ mạng của Trường đã được nghiên cứu và xác định nhằm phù hợp với tình hình thực tế của Trường và sự phát triển của xã hội.

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của Trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả:

Trong quyết định thành lập Trường, nội dung được quy định tại Điều 2 Quyết định số 389/TTg ngày 26/07/1993 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ của Trường được ghi như sau: “là cơ sở đào tạo đại học có các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ, đào tạo tại các điểm vệ tinh,... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật cho đất nước”. Như vậy, ngay từ khi thành lập, sứ mạng của Trường là mở rộng các loại hình và phương thức đào tạo ở các địa bàn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của nhân dân. Có thể nói, việc ra đời của Trường và của hai đại học mở ở Việt Nam nói chung cũng nằm trong xu thế chung về phát triển xã hội học tập trên thế giới. Từ khi ra đời cho đến nay, Trường luôn tuân thủ theo sứ mạng này để phát triển [H01.01.01.01].

Tiếp đó, trong Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” được ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ quan điểm giáo dục và đào tạo của nước ta cũng như nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Cụ thể, một trong bảy nhiệm vụ, giải pháp của đề án là đẩy mạnh hình thức đào tạo từ xa và học qua mạng bằng giải pháp phát triển Trường Đại học Mở TP.HCM trở thành trung tâm dẫn đầu về phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa, trung tâm phát triển học liệu, trung tâm bồi dưỡng cán bộ, giảng viên phục vụ học tập suốt đời. [H01.01.01.02].

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Trường Đại học Mở TP.HCM đã tiếp thu, hoàn thiện chiến lược phát triển Trường. Trường đã tổ chức nhiều buổi hội thảo, trao đổi, lấy ý kiến góp ý, tham khảo nhiều tài liệu nghiên cứu có liên quan ở trong và ngoài nước để tiến hành rà soát và điều chỉnh, bổ sung và khẳng định sứ mạng, mục tiêu của Trường cho phù hợp hơn trong tình hình thực tế và xu thế phát triển trong nước và thế giới. Kết quả là Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2013 – 2023 đã được ban hành, trong đó khẳng định sứ mạng của Trường Đại học Mở TP.HCM là “góp phần thúc đẩy xã hội học tập phát triển thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt và thuận tiện nhất cho người học” [H01.01.01.03-05].

Để cụ thể hóa sứ mạng và mục tiêu, Trường xây dựng và phát triển các CTĐT, hình thức đào tạo phù hợp; đồng thời kết hợp với các địa phương xây dựng mạng lưới đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế và gắn kết với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước nói chung và các địa phương nói riêng. Trường Đại học Mở TP.HCM quyết tâm phấn đấu trở thành trường đại học công lập đa ngành hàng đầu ở Việt Nam với định hướng ứng dụng, phổ cập kiến thức, phục vụ cộng đồng [H01.01.01.06-08].

Trên cơ sở tình hình thực tế và kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, sứ mạng nêu trên là hoàn toàn phù hợp với điều kiện nguồn lực, chức năng nhiệm vụ,

định hướng của Trường và gắn liền với chủ trương của Đảng và Nhà nước [H01.01.01.09-10].

Để có thể hoàn thành sứ mạng của mình thông qua sự chung tay, góp sức của toàn thể CB-VC của Trường, lãnh đạo Trường đã phổ biến nội dung của sứ mạng Trường đến các CB-VC qua văn bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường, các kế hoạch trọng tâm, kế hoạch năm học trong các cuộc họp, hội nghị và đặc biệt là cụ thể hóa vào các nhiệm vụ, chức năng của các đơn vị trong Trường. Ngoài ra, Trường còn công bố rộng rãi sứ mạng đến người học, cộng đồng xã hội bằng việc đăng tải trên website Trường tại địa chỉ www.ou.edu.vn, các tư liệu, clip, video, treo băng rôn, biểu ngữ trong khuôn viên của Trường [H01.01.01.11-13].

2. Điểm mạnh:

Trường đã thực hiện tốt sứ mạng của mình trong khi nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho Trường còn ít. Chính sự năng động, sáng tạo, dám đổi mới, đồng tâm hiệp lực của tất cả thầy cô Trường qua nhiều thế hệ đã tạo nên thành quả đó. Các phương thức đào tạo của Trường phát triển hết sức đa dạng; các bậc học có từ đại học đến thạc sĩ, tiến sĩ và cả bồi dưỡng ngắn hạn; các ngành học đa dạng từ các ngành Kinh tế - Quản trị đến các ngành Khoa học - Kỹ thuật và các ngành Khoa học xã hội – nhân văn; liên kết đào tạo trên địa bàn rộng từ Bình Định tới Cà Mau để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân. Đội ngũ GV và chất lượng đào tạo không ngừng được nâng lên. Trường đứng đầu về đào tạo từ xa ở phía Nam và luôn tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ đào tạo từ xa mới. Trường đã góp phần đáng kể vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương phía Nam và cho đất nước, đóng góp vào mục tiêu xây dựng xã hội học tập của Đảng và Nhà nước.

3. Tồn tại:

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đã làm cho các phương thức đào tạo mới, nhất là qua mạng internet, thay đổi rất nhanh. Mặc dù Trường đã rất cố gắng nhưng sự thay đổi chưa bắt kịp với trình độ chung của các nước. Hạ tầng công nghệ và đội ngũ thầy cô giáo của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh đào tạo trực tuyến. Vì vậy, tính thuận tiện và linh hoạt cho người (cả hệ chính quy và không chính quy) chưa được phát huy tốt. Điều này nếu không khắc phục thì

dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện sứ mạng của Trường là góp phần thúc đẩy xã hội học tập phát triển bằng các phương thức linh hoạt và thuận tiện nhất.

4. Kế hoạch hành động:

Để khắc phục tồn tại trên, đào tạo trực tuyến được Trường xác định là mô hình phổ cập kiến thức, phục vụ cộng đồng phù hợp với sứ mạng của Trường và xu thế phát triển của khoa học công nghệ hiện nay. Do đó, Trường đã quyết tâm triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến (đào tạo qua mạng). Đến nay, bước đầu Trường đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đào tạo trực tuyến, đã chiêu sinh với 02 ngành đầu tiên vào tháng 10/2016 và 05 ngành vào tháng 03/2017. Các ngành còn lại Trường chuẩn bị triển khai trong những năm học tiếp theo.

Trường sẽ tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo, không chỉ các hình thức đào tạo cấp bằng mà còn mở rộng sang các hình thức đào tạo cấp chứng chỉ, nhất là đào tạo cấp chứng chỉ trực tuyến. Đây là xu hướng đang phát triển mạnh ở nhiều nước và phù hợp với sứ mạng của Trường.

Trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và chuyển giao kỹ thuật để rút ngắn khoảng cách với các nước.

Trường sẽ đầu tư nhiều hơn vào cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, đội ngũ nhân lực và phát triển hệ thống học liệu để đẩy nhanh phát triển đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa và sử dụng các nguồn lực này để hỗ trợ việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo chính quy thông qua việc phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo, tự học của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả:

Bám sát những mục tiêu chung của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học, Trường Đại học Mở TP.HCM đã xác định mục tiêu chiến lược trong giai đoạn từ 2010 – 2015 dài hạn đến 2020 là “trở thành một trung tâm đào tạo – bồi dưỡng kiến

thức và NCKH có chất lượng phù hợp với nhu cầu xã hội, thực hiện đào tạo CD – ĐH – SDH đa ngành, đa dạng hóa các loại hình đào tạo (CQ, liên thông, văn bằng 2, GDTX, bồi dưỡng kiến thức), đóng vai trò trọng yếu trong việc cung cấp nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực cũng như của đất nước” [H01.01.02.01-02].

Tiếp tục cụ thể hóa và điều chỉnh, bổ sung mục tiêu phát triển trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2023, Trường đã xác định tầm nhìn là “phấn đấu đến năm 2023 trở thành trường đại học công lập đa ngành hàng đầu ở Việt Nam với định hướng ứng dụng, phổ cập kiến thức và phục vụ cộng đồng, trong đó hoạt động đào tạo từ xa phát triển ngang tầm khu vực”. Trường đã xác định 08 mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực phải đạt được trong Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2023 trên nền tảng của sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi [H01.01.02.03].

Với sứ mạng của Trường là *“góp phần thúc đẩy xã hội học tập phát triển thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt và thuận tiện nhất cho người học”* thì việc xác định tầm nhìn chung phát triển thành Trường đa ngành, phục vụ cho số đông người học với định hướng ứng dụng, phổ cập kiến thức và phục vụ cộng đồng là phù hợp. Về ĐTTX, hiện nay Trường đi đầu ở khu vực phía Nam và cả nước nên mục tiêu đặt ra là phải hướng đến ngang bằng khu vực Đông Nam Á là phù hợp. Mục tiêu của Trường luôn được rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật trong từng giai đoạn phát triển của Trường, luôn bám sát mục tiêu về GDDH được quy định trong Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học. Các mục tiêu chiến lược này đã được Trường phổ biến để lấy ý kiến phản hồi, đóng góp của tập thể CB-VC nhằm đảm bảo cho toàn bộ đội ngũ CB-VC của Trường đều hiểu biết và cùng quyết tâm thực hiện [H01.01.02.04].

Hàng năm, Trường đều cụ thể hóa mục tiêu chiến lược thành các mục tiêu trọng tâm và các mục tiêu cụ thể khác thông qua các kế hoạch, nhiệm vụ năm học cho các đơn vị chức năng triển khai. Sau mỗi học kỳ và năm học, Trường đều có tổng kết việc

thực hiện mục tiêu. Từ đó, các mục tiêu của Trường luôn được rà soát và bổ sung định kỳ qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế [H01.01.02.05-06].

Định kỳ, các khoa đào tạo trong Trường đều xây dựng kế hoạch phát triển với những mục tiêu cụ thể phù hợp với nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Trường. Tất cả các đơn vị trực thuộc Trường đều xây dựng kế hoạch công tác năm học với những công việc trọng tâm trong năm mà Trường giao và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện vào cuối năm học [H01.01.02.07-09].

Các mục tiêu của Trường luôn được rà soát và bổ sung định kỳ qua các Nghị quyết của Hội nghị CB-VC hàng năm [H01.01.02.10].

2. Điểm mạnh:

Trường có mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể phù hợp với sứ mạng của Trường và của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, các quy định khác có liên quan. Có sự thống nhất cao giữa Đảng ủy, BGH và các đoàn thể từ việc xây dựng chiến lược đến việc thực hiện các mục tiêu cụ thể, nhận được sự đồng thuận của toàn thể CB-VC Trường. Các mục tiêu đề ra có tính khả thi và đều có các giải pháp đi kèm để thực hiện các mục tiêu đó. Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch trọng tâm để triển khai nhất quán các mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường. Kế hoạch trọng tâm được triển khai đến từng đơn vị thuộc Trường và lãnh đạo đơn vị triển khai đến từng người trong đơn vị. Kết quả triển khai công việc trọng tâm trong năm là căn cứ chính để đánh giá thi đua và trả thu nhập cho lãnh đạo đơn vị và từng người trong đơn vị. Nhờ cơ chế động lực này mà các mục tiêu của Trường đề ra được thực hiện khá tốt qua các năm.

Các mục tiêu được rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của Trường, bối cảnh và xu thế của GDĐH trong nước và trên thế giới.

3. Tồn tại:

Một số mục tiêu của Kế hoạch chiến lược phát triển Trường chưa có các đề án để triển khai chi tiết nên kết quả thực hiện còn chậm hoặc lúng túng khi thực hiện.

Một số chỉ số phần đầu trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2023 không còn phù hợp trong bối cảnh Trường đã được thí điểm tự chủ theo Quyết định số 850/QĐ-TTg 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ nhưng Trường chưa điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động:

Dự kiến khi ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển điều chỉnh, bổ sung thì Trường sẽ xây dựng các đề án thực hiện gắn liền với các mục tiêu cụ thể. Nội dung này đã được lãnh đạo Trường truyền đạt đến lãnh đạo các đơn vị trong Kế hoạch trọng tâm của năm học 2016-2017.

Trường tiến hành rà soát tất cả chỉ số phần đầu trong Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2023 cho phù hợp với tình hình mới.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Ngay từ khi thành lập, sứ mạng của Trường là mở rộng các loại hình và phương thức đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của nhân dân. Việc ra đời của Trường nằm trong xu thế chung về phát triển xã hội học tập trên thế giới, trong đó giáo dục mở đóng vai trò quan trọng. Từ khi ra đời cho đến nay, Trường luôn tuân thủ theo sứ mạng này để phát triển. Dựa trên sứ mạng đó, trong từng giai đoạn phát triển, Trường luôn có sự chủ động điều chỉnh kịp thời các mục tiêu cho phù hợp với bối cảnh chung về chủ trương, chính sách, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện của Trường. Các mục tiêu của giai đoạn sau đặt ra luôn cao hơn giai đoạn trước để nâng tầm phát triển của Trường và yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Các GV đã nỗ lực không ngừng để thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Trường đã thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu của mình trong khi nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho Trường còn ít. Chính sự năng động, sáng tạo, dám đổi mới, đồng tâm hiệp lực của tất cả CB-VC, GV của Trường qua nhiều thế hệ đã tạo nên thành quả đó. Trong 05 năm qua, tất cả các mặt về đào tạo, NCKH, hợp tác trong và ngoài nước, phát triển đội ngũ, phát triển CSVN, xây dựng học liệu, phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chuẩn bị cho đào tạo trực tuyến, hệ thống quản lý, hệ thống phục vụ sinh

viên,... đều có bước tiến đáng kể và đã giúp nâng cao uy tín, vị thế Trường, góp phần đáp ứng nguồn nhân lực cho các địa phương phía Nam và cả nước, cụ thể hóa chủ trương xây dựng xã hội học tập và tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người. Những tồn tại trong việc xây dựng kế hoạch, củng cố nguồn lực để đáp ứng sứ mạng và thực hiện các mục tiêu chi tiết sẽ sớm được giải quyết trong thời gian tới.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **02** tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu

Thực hiện Luật Giáo dục đại học năm 2012, Nghị định 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ Trường Đại học được ban hành theo QĐ số 70/2014/QĐ-TTg ngày 12/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Trường triển khai việc tổ chức và quản lý tại Trường theo đúng các quy định của pháp luật: vai trò lãnh đạo của Đảng được đảm bảo; hoạt động của các đơn vị trực thuộc luôn thực hiện đúng quy định; các tổ chức Đoàn thể được tạo điều kiện tối đa để hoạt động và đã đạt được những thành tích xuất sắc, được các cơ quan trung ương và địa phương ghi nhận. Việc tổ chức quản lý hiệu quả, đúng pháp luật đã tạo nên một tập thể đoàn kết, trách nhiệm, thống nhất, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra.

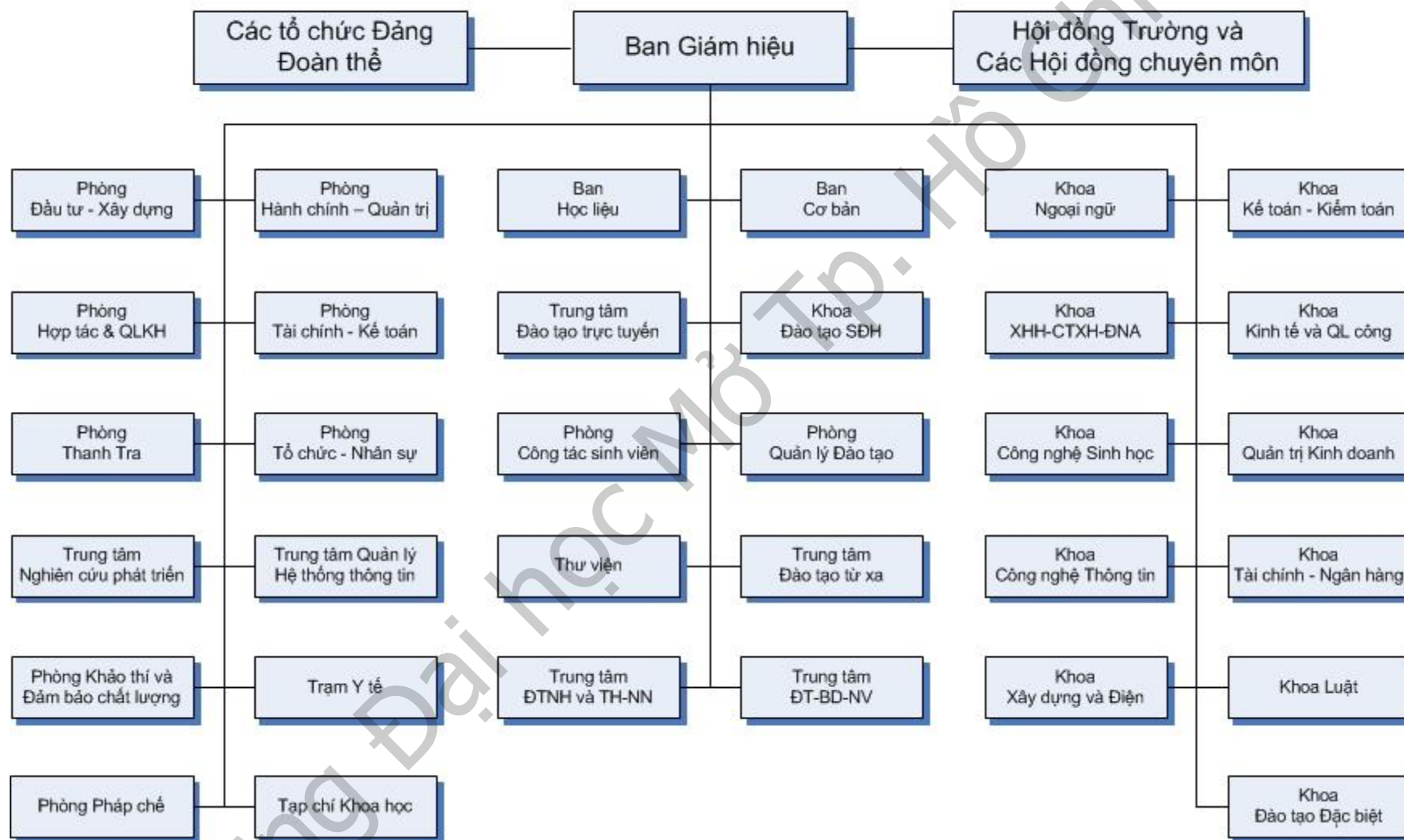
Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường Đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường.

1. Mô tả:

Trải qua hơn 26 năm hình thành và phát triển, hiện nay cơ cấu tổ chức của Trường có 33 đơn vị chức năng, cụ thể gồm 12 khoa, 10 phòng, 2 ban, 6 trung tâm, 1 tạp chí khoa học, 1 thư viện và 1 trạm y tế; và các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Qua các thời kỳ, trường có sự thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển và các quy định của Điều lệ trường đại học, các phòng ban chức năng, khoa, trung tâm được sáp nhập, chia tách, đổi tên và thành lập mới như: năm 2007, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh được tách ra thành hai khoa là Khoa Kinh tế và Khoa Quản trị kinh doanh; đến năm 2015, Khoa Kinh tế và Luật được tách ra thành Khoa Kinh tế và Quản lý công và Khoa Luật; năm 2010, tách Khoa Kế toán – Tài chính thành Khoa Tài chính - Ngân hàng và Khoa Kế toán - Kiểm toán [H02.02.01.01].

Mô hình tổ chức của Trường được thực hiện theo sơ đồ sau [H02.02.01.02]:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM



Trên cơ sở các quy định của Điều lệ trường đại học do Thủ tướng Chính phủ ban hành, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường. Năm 2015, Trường cũng đã được Bộ GD&ĐT cho phép thành lập Hội đồng Trường. Hội đồng Trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động, huy động và giám sát việc sử dụng nguồn lực của Trường có hiệu quả. Đối với BGH Trường thì có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, có chế độ giao việc, phụ trách lĩnh vực và ủy nhiệm đúng quy định của pháp luật. Đối với các đơn vị trực thuộc, chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa bằng các quy chế hoạt động rõ ràng [H02.02.01.03-05].

Bên cạnh đó, Trường cũng thành lập các hội đồng chức năng để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn của trường. Cụ thể là: Hội đồng Khoa học và đào tạo, Hội đồng Tuyển dụng, Hội đồng Xét công nhận chức danh GV, Hội đồng Xét thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng Kỷ luật [H02.02.01.06].

Về cơ cấu hoạt động của các ban ngành, đoàn thể, Trường có Quy chế phối hợp công tác giữa BGH với BCH Công đoàn cơ sở; Quy chế làm việc giữa Đảng ủy và Ban Giám hiệu [H02.02.01.07].

2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức hợp lý và phù hợp với mô hình trường đào tạo đa ngành, được cụ thể hóa trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường theo đúng quy định của Điều lệ Trường Đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường được quy định rõ ràng, phù hợp.

Có sự lãnh đạo, phối hợp tốt giữa tổ chức Đảng, đoàn thể và chính quyền trong mọi hoạt động của Trường. Tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh và các đoàn thể hoạt động rất tốt trong những năm qua đã góp phần vào sự ổn định và phát triển của Trường.

3. Tồn tại:

Trường dự trù về cơ cấu tổ chức đôi khi chưa theo kịp sự phát triển ở một vài đơn vị thuộc Trường, dẫn đến sự lúng túng trong bố trí, sắp xếp nhân sự và quy định chức năng, nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2017, Trường sẽ xem xét bổ sung, hoàn thiện cơ cấu tổ chức Trường khi Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2023 được điều chỉnh, bổ sung. Lập kế hoạch trước về khả năng phát triển nhanh ở một số đơn vị để chuẩn bị về mặt tổ chức cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.2: Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường.

1. Mô tả:

Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào tình hình thực tế, Trường đã ban hành hệ thống các văn bản về các lĩnh vực hoạt động của Trường nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn việc thực hiện các quy định, nội quy một cách có hiệu quả, đảm bảo chính xác, cụ thể và thuận lợi.

Về công tác tổ chức - quản lý, Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, của các đơn vị trực thuộc Trường và Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường làm cơ sở định hướng cho công tác tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường. Về công tác tổ chức - nhân sự, Trường đã xây dựng và ban hành các quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, quy định về tuyển dụng, tập sự, đi học, nâng lương, nghỉ việc. Về công tác đào tạo có các quy định về tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, chứng chỉ, CTĐT, mở ngành đào tạo. Về công tác tài chính - kế toán có Quy chế chi tiêu nội bộ, các quy trình, biểu mẫu thanh quyết toán. Về công tác hợp tác và NCKH có các quy định về Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, NCKH của GV, NCKH của SV, về giao

kinh phí thực hiện đề tài. Về công tác hành chính, văn thư, lưu trữ có các quy định về tổ chức hoạt động văn thư, về quản lý và sử dụng tài sản, về nội quy nơi làm việc. Về công tác sinh viên có các quy định về đánh giá rèn luyện, xét học bổng. Về công tác đảm bảo chất lượng, đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án Kiểm định chất lượng Trường. Về công tác thanh tra - tiếp công dân có Quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và khiếu nại điểm thi của sinh viên - học viên Trường, quy chế tiếp công dân [H02.02.02.01].

Với hệ thống các văn bản nêu trên, có thể thấy hệ thống văn bản của Trường là một tập hợp các văn bản có mối liên hệ mật thiết với nhau từ cấp đơn vị đến cấp trường. Các văn bản, quy định giúp Ban Giám hiệu vận hành mọi hoạt động của Trường một cách hữu hiệu, các đơn vị chức năng vận dụng để thực thi theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, CB-VC và người học có thể hiểu rõ được quyền lợi và trách nhiệm của mình.

Văn bản khi ban hành được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB-VC của Trường thông qua các hình thức như sao gửi cho các đơn vị, đăng tải trên website của Trường (<http://home.ou.edu.vn> thay thế cho <http://egov.ou.edu.vn>) và phần mềm quản lý văn thư lưu trữ [H02.02.02.02].

Các quy chế, quy định liên quan đến sinh viên được tập hợp trong Sổ tay sinh viên và một đĩa CD “Những thông tin sinh viên cần biết” và được phổ biến cho sinh viên trong tuần sinh hoạt đầu khóa đầu năm học để nắm rõ các quy định liên quan đến việc học tập, rèn luyện và các chế độ chính sách liên quan [H02.02.02.03].

Trên mỗi website của các khoa và các phòng, ban chức năng đều có các mục đăng tải các thông tin, văn bản liên quan trực tiếp đến lĩnh vực đơn vị phụ trách và liên quan đến sinh viên [H02.02.02.04].

Trường đã thành lập Phòng Pháp chế (trước là Tổ Pháp chế) để hỗ trợ, tăng cường công tác cập nhật, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật cũng như thẩm định, rà soát các văn bản của Trường trước khi ban hành. Sau thời gian hoạt động, Phòng Pháp chế đã thể hiện được vai trò quan trọng giúp các hoạt động của Trường được đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật [H02.02.02.05].

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của Trường cũng được đặc biệt quan tâm. Các phần mềm chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý của từng lĩnh vực đã được đưa vào sử dụng [H02.02.02.06].

Ngày 12/6/2015, Trường đã trở thành trường đại học thứ 4 ở TP.HCM và thứ 7 trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ ký phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015-2017 theo Quyết định 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017. Theo đó, Trường được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nội dung thực hiện nhiệm vụ đào tạo và NCKH; tổ chức bộ máy và nhân sự; tài chính; chính sách học bổng, học phí; đầu tư, mua sắm; cơ chế giám sát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định liên quan. Đây cũng là kết quả của việc tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường qua nhiều năm được đánh giá đạt hiệu quả [H02.02.02.07].

2. Điểm mạnh:

Việc tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường được cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản rõ ràng, phù hợp với các quy định của Nhà nước, phù hợp với Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường.

Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường được phổ biến kịp thời, chính xác đến toàn thể CB-VC của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau và được tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của Trường thông qua các phần mềm đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác.

3. Tồn tại:

Hệ thống quản lý văn bản nội bộ chưa có các tệp dữ liệu để có thể xem và trích xuất. Việc cập nhật văn bản vào hệ thống còn chậm và chưa đủ.

4. Kế hoạch hành động:

Định kỳ hàng năm, các đơn vị rà soát lại các văn bản để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy định trên cơ sở quyền hạn của Trường và các quy định pháp luật hiện hành.

Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản nội bộ để nâng cao hiệu quả sử dụng. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3: Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả:

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 sửa đổi năm 2009 và Điều lệ Trường đại học năm 2010, Trường đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-ĐHM ngày 28/01/2011 quy định tạm thời về chức năng–nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường. Bắt đầu từ nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2013–2018, thực hiện Luật Giáo dục đại học năm 2012, Trường đã điều chỉnh, bổ sung và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHM ngày 20/02/2014. Trong đó, quy định rõ về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chế độ làm việc của từng đơn vị [H02.02.03.01].

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận, từng chức danh trong Trường cũng được phân định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H02.02.03.02], cụ thể:

- Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Trường. Hội đồng Trường có 01 Chủ tịch, 01 Thư ký và các thành viên. Hội đồng Trường quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phương hướng đầu tư phát triển; phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục; phương hướng thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức thuộc Trường; quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; thông qua kế hoạch, quy chế về số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm, phương án tuyển dụng, quản lý, sử dụng, phát triển đội ngũ viên chức, người lao động của Trường [H02.02.03.03].

- Ban Giám hiệu (BGH) gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng là người đại diện cho Trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành các hoạt động của Trường. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng; thay mặt Hiệu trưởng giải quyết công việc được giao và chịu trách nhiệm đối với những công việc đó. Các thành viên trong BGH được phân định nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng và cụ thể hóa trong Quyết định về việc phân công trách nhiệm và quyền hạn trong BGH và được thông tin rộng rãi đến tất cả các đơn vị và toàn thể CB-VC [H02.02.03.04].

- Khoa là đơn vị chuyên môn trực thuộc Trường. Mỗi Khoa có Trưởng khoa, các Phó Trưởng khoa, các GV và viên chức hành chính. Trưởng khoa thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Khoa, thực hiện các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật. Khoa được tổ chức Hội đồng KH&ĐT khoa để tư vấn cho Trưởng khoa thực hiện nhiệm vụ được giao. Khoa cũng có thể thành lập Hội đồng Tư vấn ngành để tư vấn cho

Trường khoa về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ xã hội, hợp tác quốc tế.

- Phòng, Ban, Trung tâm và các tổ chức khác thuộc Trường là các đơn vị chuyên môn, có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao. Chế độ làm việc của lãnh đạo từng đơn vị được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường. Đồng thời, Hiệu trưởng cũng ủy quyền cho lãnh đạo các đơn vị ký các văn bản theo chức năng – nhiệm vụ [H02.02.03.05].

- Hội đồng Khoa học và đào tạo là tổ chức tư vấn có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về việc hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức; mở ngành và phát triển các CTĐT; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng Trường; các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá GV; đánh giá việc tổ chức và QLĐT, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong Trường.

- Các Hội đồng Tư vấn khác có thể được thành lập để tư vấn về một số công việc cần thiết, liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường. Hội đồng Tư vấn làm việc theo vụ việc khi có yêu cầu của Hiệu trưởng.

- Trách nhiệm và quyền của CB-VC, GV cũng được quy định trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường. Đối với GV, trách nhiệm và quyền được cụ thể hóa trong Quy định về chế độ làm việc của GVCH [H02.02.03.06].

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào Kế hoạch chiến lược phát triển Trường và tình hình thực tế, Trường xây dựng Kế hoạch công tác năm học và Kế hoạch triển khai công việc trọng tâm của năm làm cơ sở để phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị vào cuối năm. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, lãnh đạo các đơn vị triển khai nhiệm vụ cụ thể hàng năm cho CB-VC, GV trong đơn vị và căn cứ vào nhiệm vụ được giao này, lãnh đạo đơn vị, BGH tiến hành

đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua khen thưởng CBVC ở cuối năm học [H02.02.03.07].

Quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu và Công đoàn cơ sở Trường ĐH Mở TP.HCM được sử dụng làm cầu nối để giám sát việc thực thi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động và Trường [H02.02.03.08].

2. Điểm mạnh:

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, của CB-VC được phân định rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện cho các hoạt động của Trường được triển khai có hiệu quả, phối hợp tốt trên mọi lĩnh vực.

Định kỳ hàng năm có tổ chức nhận xét, đánh giá và phân loại CB-VC, xét thi đua, khen thưởng, trả thu nhập dựa trên kết quả công việc được giao đã tạo động lực làm việc cho CB-VC trong toàn Trường.

Việc giao việc và đánh giá một cách rõ ràng, minh bạch, khách quan, công tâm từ cấp Trường xuống cấp đơn vị đã tạo ra sự đoàn kết, tin tưởng trong nội bộ Trường, là cơ sở để Trường ổn định và phát triển.

3. Tồn tại:

Đề án vị trí việc làm chưa hoàn chỉnh.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2017, hoàn thiện Đề án Vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.4: Tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể trong Trường hoạt động hiệu quả và hàng năm được đơn vị cấp trên đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể thực hiện theo quy định của điều lệ.

1. Mô tả:

Chi bộ Đảng của Trường được hình thành từ ngày đầu thành lập Trường và được nâng cấp thành Đảng bộ cơ sở theo sự phát triển của quy mô Trường. Các tổ chức Đoàn thể cũng được thành lập sau đó. Từ năm 2011 đến 2016, Đảng bộ luôn được công nhận trong sạch vững mạnh, riêng năm 2015 và năm 2016 được công

nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu trong toàn Đảng bộ Khối các trường ĐH-CD-TCCN TP.HCM; Công đoàn Trường được xếp loại vững mạnh xuất sắc; Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên được đánh giá xuất sắc [H02.02.04.01].

Đảng ủy Trường, Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và Hội Cựu chiến binh Trường đã tổ chức đại hội, hội nghị, kiện toàn BCH, việc bầu cử và công nhận kết quả bầu cử đúng Điều lệ. Các tổ chức Đảng và Đoàn thể đều có ban hành quy chế hoạt động, trong quy chế có nêu rõ chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của từng tập thể, cá nhân và các ban chuyên môn của những tổ chức này. Ngoài ra, trong quy chế cũng nêu rõ chế độ hội họp, công tác khen thưởng, kỷ luật liên quan tới việc tuân thủ theo quy chế [H02.02.04.02].

Với vai trò là hạt nhân chính trị, Đảng bộ Trường đã lãnh đạo kịp thời và hiệu quả việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, các quy định về giáo dục của Bộ GD&ĐT. Đảng ủy ban hành các kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo và các tài liệu tuyên truyền về công tác chính trị, tư tưởng. Các tổ chức Đoàn thể đã ban hành các kế hoạch hoạt động đúng với chỉ đạo của Đảng ủy và các tổ chức Đoàn thể cấp trên. Hàng năm, Đảng bộ Trường đều có đánh giá, báo cáo sơ kết và tổng kết năm, sơ kết và tổng kết các chuyên đề, Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và Hội Cựu chiến binh đều có tổ chức đánh giá tổng kết công tác của năm học và lập kế hoạch định hướng hoạt động cho năm tiếp theo [H02.02.04.03].

Đảng bộ Trường đã tổ chức hoạt động, lãnh đạo đúng với quy định của Điều lệ, đã thể hiện tốt vai trò lãnh đạo của mình trong toàn bộ các hoạt động của Trường thông qua các Nghị quyết lãnh đạo; Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện tốt chế độ làm việc, chấp hành và lãnh đạo bằng Nghị quyết theo quy định, đặc biệt trong việc định hướng phát triển và cho ý kiến về tổ chức cán bộ. Đảng ủy Trường họp định kỳ 1 tháng/lần và họp đột xuất khi cần thiết. Lịch sinh hoạt định kỳ của các Chi bộ trong Trường là một tháng một lần, lãnh đạo và cho ý kiến đánh giá công tác của các đơn vị trong tháng qua và chỉ đạo trọng tâm công tác tháng tới,

đảm bảo vai trò của tổ chức Đảng tại cơ sở và dân chủ trong Chi bộ Đảng. Ngoài ra, mỗi quý tổ chức sinh hoạt chuyên đề 01 lần ở tất cả các Chi bộ. Chế độ kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc. Trong những năm qua, nhiều cán bộ, GV và SV đã không ngừng phấn đấu và rèn luyện để được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam [H02.02.04.04].

Công đoàn Trường luôn có kế hoạch hoạt động và họp định kỳ hàng tháng để triển khai các hoạt động cụ thể. Đặc biệt, Công đoàn luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống tinh thần và vật chất của CB-VC trong các dịp Lễ, Tết và những ngày kỷ niệm khác của đất nước và của ngành giáo dục. Các Tổ Công đoàn cũng tổ chức sinh hoạt định kỳ để triển khai các kế hoạch của Công đoàn Trường hàng năm như phong trào quyên góp vì người nghèo, ủng hộ đồng bào ở các vùng bị lũ lụt, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, triển khai các chương trình hành động và sinh hoạt tập thể, hội diễn văn nghệ, thể thao, nữ công và các lễ tổng kết báo cáo [H02.02.04.05].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường cũng có các sinh hoạt định kỳ. Hiệu quả trong các hoạt động Đoàn thể được thể hiện qua các chương trình lớn như cuộc vận động “Học tập và làm theo lời Bác”, “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam”, phong trào thanh niên tình nguyện, Phong trào “SV 05 tốt”. Những hoạt động này đã tạo nên một môi trường sinh hoạt, rèn luyện bổ ích cho SV, nhiều gương SV tiêu biểu, SV 05 tốt đã xuất hiện, nhiều mô hình tiên tiến điển hình được tuyên dương [H02.02.04.06].

Trường có bố trí cán bộ chuyên trách công tác Đảng tại Văn phòng Đảng ủy, cán bộ chuyên trách Công đoàn tại Văn phòng Công đoàn, cán bộ chuyên trách Đoàn Thanh niên tại Văn phòng Đoàn – Hội. Những cán bộ chuyên trách này đã hoàn thành nhiệm vụ của mình và được công nhận đạt danh hiệu thi đua hàng năm [H02.02.04.07].

2. Điểm mạnh:

Đảng ủy Trường, Chi ủy các Chi bộ trực thuộc đã hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng, đã thể hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi mặt hoạt động của

Trường và đảm bảo thực hiện tốt các quy định của Đảng. Đảng bộ Trường là một đảng bộ đoàn kết tốt. Từ năm 2011 đến 2016, Đảng bộ luôn được công nhận trong sạch vững mạnh, riêng năm 2015 và năm 2016 được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu trong toàn Đảng bộ Khối các trường ĐH-CD-TCCN TP.HCM.

Công đoàn Trường đã làm tốt vai trò đại diện và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, chăm lo tốt đời sống tinh thần, vật chất của CB-VC, GV trong Trường. Liên tục nhiều năm liền Công đoàn Trường được xếp loại vững mạnh xuất sắc.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên hoạt động đúng Điều lệ Đoàn, Điều lệ Hội, làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, tổ chức phong trào và thực sự là người bạn của thanh niên. Liên tục nhiều năm liền Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên được đánh giá xuất sắc.

3. Tồn tại:

Công tác giám sát và việc thực hiện quy chế làm việc của BCH Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên còn chưa thực hiện tốt, do phần lớn thành viên là SV.

4. Kế hoạch hành động:

Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên, Ban Thư ký Hội Sinh viên Trường tổng kết đánh giá và xây dựng kế hoạch cải thiện và tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của BCH Đoàn Thanh niên, BCH Hội Sinh viên của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.5: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

1. Mô tả:

Bộ phận Khảo thí được thành lập từ năm 1994, thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi và tham mưu cho BGH và lãnh đạo các khoa về đánh giá kết quả học tập, đề xuất

các giải pháp nhằm nâng cao việc kiểm soát chất lượng đào tạo của Trường, khởi đầu gồm 03 cán bộ quản lý. Tháng 02/2012, Trung tâm Khảo thí được đổi tên thành Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Tháng 5/2016, Phòng Khảo thí và KĐCL được đổi tên thành Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. [H02.02.05.01].

Đội ngũ nhân sự về công tác Khảo thí và ĐBCL của Trường hiện nay gồm 03 lãnh đạo và 15 chuyên viên. Đội ngũ thực hiện công tác ĐBCL gồm 01 lãnh đạo và 02 chuyên viên, trong đó có 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên đã được cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên. Các thành viên tham gia công tác tự đánh giá đã được tập huấn về chuyên môn để tiến hành triển khai việc tự đánh giá. Trường cử nhân sự tham gia đầy đủ các buổi Hội thảo, tập huấn liên quan đến công tác ĐBCL do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức. [H02.02.05.02].

Từ năm 2014, Phòng Khảo thí và ĐBCL đã tổ chức triển khai đến các đơn vị thực hiện Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng thường xuyên. Bộ phận ĐBCL đã từng bước định hướng, hình thành văn hóa chất lượng bên trong [H02.02.05.03].

Tháng 10/2008, BGH Trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường gồm 13 thành viên, 05 Nhóm Chuyên trách và 09 thành viên Ban Thư ký, đã hoàn tất Báo cáo Tự đánh giá tháng 8/2009 (lần 1) và gửi báo cáo Bộ GD&ĐT nhưng chưa đăng ký đánh giá ngoài. Tháng 3/2014, BGH Trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường (lần 2), các Nhóm công tác chuyên trách và Ban Thư ký theo Hướng dẫn tự đánh giá Trường ĐH của Cục Khảo thí và KĐCLGD và đã báo cáo Bộ GD&ĐT theo đúng quy định. Hiện nay, Trường rất chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhân sự được phân công thực hiện công tác ĐBCL thường xuyên, tiến hành cập nhật thông tin, minh chứng phục vụ cho việc đăng ký đánh giá ngoài [H02.02.05.04-05].

Từ tháng 6/2016, Trường đã triển khai sử dụng Phần mềm Quản trị minh chứng đến tất cả các đơn vị trong Trường. Hiện nay, tại mỗi đơn vị đều đã bố trí

lãnh đạo và chuyên viên thực hiện nhiệm vụ ĐBCL, chịu trách nhiệm cung cấp minh chứng định kỳ [H02.02.05.06].

2. Điểm mạnh:

Trường đã quan tâm công tác kiểm định chất lượng từ rất sớm với báo cáo tự đánh giá được thực hiện lần đầu năm 2009. Từ năm 2014, công tác ĐBCL trong Trường đã được cải tiến nhiều và được các đơn vị thực hiện thường xuyên, liên tục, bước đầu hình thành văn hóa chất lượng trong Trường, ngày càng hướng đến yêu cầu cao hơn.

Trường đã xây dựng Phần mềm Quản trị minh chứng và tiến hành thu thập minh chứng định kỳ, tạo điều kiện thuận lợi cho BGH trong quá trình giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện công việc.

Nhân sự được phân công thực hiện công tác ĐBCL, được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các buổi tập huấn, báo cáo, hội thảo có liên quan.

3. Tồn tại:

Chưa có sự phân bổ kinh phí thường xuyên hàng năm cho công tác ĐBCL.

Nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng còn chưa đủ.

Trường vẫn còn đang trong quá trình xây dựng văn hóa chất lượng.

Phần mềm Quản trị minh chứng nội bộ tại cơ sở Võ Văn Tần chưa đáp ứng được một số yêu cầu khi các khoa chuyển sang làm việc tại cơ sở Hồ Hảo Hớn do việc truy cập không thuận tiện, giao diện của phần mềm chưa thân thiện.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, BGH tăng cường đội ngũ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách thực hiện công tác ĐBCL, nhằm tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch ĐBCL giáo dục năm 2016 đã đề ra, thông qua việc triển khai kế hoạch công việc trọng tâm của các đơn vị.

Phòng TC-KT phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cụ thể cho Bộ phận ĐBCL, cấp kinh phí tương ứng với các kế hoạch BGH yêu cầu triển khai trong

năm, cấp bổ sung thù lao cho đội ngũ được phân công thực hiện công tác ĐBCL thường xuyên tại các đơn vị.

Bộ phận ĐBCL thực hiện báo cáo BGH về công tác thu thập minh chứng tại các đơn vị vào cuối mỗi tháng.

Bộ phận ĐBCL tiếp tục nghiên cứu và nâng cấp Phần mềm Quản trị minh chứng hiện đang sử dụng thành Phần mềm trực tuyến.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác ĐBCL. Bộ phận ĐBCL thực hiện tham mưu cho BGH, cử nhân sự tham gia đầy đủ các buổi hội thảo, tập huấn do các Trung tâm KĐCL giáo dục tổ chức. Định kỳ hàng năm, Bộ phận ĐBCL tổ chức các buổi tập huấn dành cho đội ngũ được phân công thực hiện công tác ĐBCL tại các đơn vị.

Tiếp tục nâng cấp Phần mềm Quản trị minh chứng.

Trường xây dựng kế hoạch ĐBCL cho giai đoạn 2017-2023.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.6: Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường, có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Trường

1. Mô tả:

Chiến lược và kế hoạch phát triển được xem là nội dung cụ thể hóa sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường phù hợp với các điều kiện trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Năm 2012, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2015 và dài hạn đến năm 2020, tập trung vào những vấn đề lớn của Trường trong công tác đào tạo, NCKH, HTQT, phát triển nguồn nhân lực, phát triển CSVC phục vụ đào tạo, phát triển nguồn tài chính. Năm 2013, Trường đã rà soát Kế hoạch chiến lược phát triển thông qua việc tổng kết công tác nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2008-2013 và căn cứ vào Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 mà Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI) đã thông qua “Về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng

yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, căn cứ vào Luật Giáo dục đại học năm 2012, các văn bản khác của ngành, Trường đã điều chỉnh và phổ biến rộng rãi Dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2023 khẳng định sứ mạng và định hướng phát triển của Trường đến toàn thể CB-VC, các tổ chức Đảng, các đoàn thể tham gia góp ý kiến và đã chính thức ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2023 [H02.02.06.01].

Nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược, Trường đã cụ thể hóa trong kế hoạch chiến lược ngắn hạn được thể hiện qua Kế hoạch công tác năm học của Trường, tập trung vào các lĩnh vực QLĐT, công tác SV, HC-QT, TC-NS, tài chính, đầu tư xây dựng, khảo thí và ĐBCL, NCKH, hoạt động các đoàn thể và công việc của từng khoa. Trong kế hoạch này, Trường đã triển khai danh mục cụ thể các công việc trọng tâm cho từng đơn vị để thực hiện [H02.02.06.02].

Trường cụ thể hóa kế hoạch chiến lược thông qua việc xây dựng công tác trọng tâm cho từng đơn vị trong từng năm. Trường đã thực hiện chính sách và biện pháp giám sát thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng, cuối học kỳ để các đơn vị báo cáo tiến độ việc thực hiện công tác trọng tâm. Kết luận của các cuộc họp định kỳ nêu rõ nhiệm vụ cần thực hiện, nhắc nhở tiến độ những việc chưa hoàn thành và được công bố rộng rãi đến từng đơn vị. Trường thành lập Hội đồng đánh giá thi đua khen thưởng vào cuối năm học để đánh giá thông qua các chỉ số của công tác trọng tâm và tiến độ thực hiện trong các báo cáo tổng hợp từ các đơn vị chức năng liên quan. Mục đích của Kế hoạch trọng tâm hàng năm là để triển khai nhất quán các mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường. Kế hoạch trọng tâm được triển khai đến từng đơn vị thuộc Trường và lãnh đạo đơn vị triển khai đến từng CB-VC, GV trong đơn vị. Kết quả triển khai công việc trọng tâm trong năm là căn cứ chính để đánh giá thi đua và trả thu nhập cho lãnh đạo đơn vị và từng CB-VC, GV. Ngoài ra, Trường tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết hàng năm việc thực hiện các công tác trọng tâm; tổ chức Hội nghị CB-VC; Hội nghị sơ

kết và tổng kết công tác Đảng nhằm đánh giá những việc đã làm được, kiểm tra và tháo gỡ khó khăn của những việc chưa làm được, đưa ra giải pháp để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện và điều chỉnh, bổ sung các chiến lược và kế hoạch phát triển Trường cho phù hợp. [H02.02.06.03-09].

2. Điểm mạnh:

Có các Kế hoạch chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường;

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường và các kế hoạch thực hiện được triển khai một cách khoa học, rõ ràng, nhất quán từ cấp Trường xuống cấp đơn vị.

Có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, cấp Trường và cấp đơn vị đều có họp kiểm tra, đánh giá, thúc đẩy tiến độ thực hiện công việc. Kết thúc học kỳ và năm học đều có tiến hành sơ kết và tổng kết.

Kết quả thực hiện công việc trong năm là căn cứ để đánh giá thi đua, khen thưởng và trả thu nhập cho từng CB-VC, GV.

3. Tồn tại:

Một số chỉ tiêu kế hoạch chưa được điều chỉnh kịp thời khi bối cảnh đã thay đổi nhiều (từ khi có Quyết định số 850/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm tự chủ). Một số chỉ tiêu chưa xây dựng được các đề án chi tiết để thực hiện.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Trường sẽ điều chỉnh, bổ sung chiến lược và các kế hoạch liên quan, trong đó có điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp với bối cảnh mới. Trường sẽ triển khai thực hiện một số đề án quan trọng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.7: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quan, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Trường.

1. Mô tả:

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý trực tiếp Trường. Ngoài ra, Trường chịu sự quản lý của các Bộ, Sở có liên quan và sự quản lý hành chính theo địa phương của Ủy ban Nhân dân TP.HCM. Trường giao cho Phòng Hành chính – Quản trị nhiệm vụ tổng hợp và thực hiện báo cáo chung của toàn Trường [H02.02.07.01].

Trong năm học 2011-2012, Trường đã triển khai dự án xây dựng Phần mềm Quản lý và lưu trữ văn bản. Các văn bản được mã số hóa để quản lý và phục vụ tốt hơn công tác tra cứu văn bản, giúp công tác tổng hợp và lưu trữ đầy đủ các báo cáo có hệ thống thuận tiện hơn. Chuẩn bị cho nhiệm kỳ Hiệu trưởng mới, năm 2012, Trường chủ động xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống dữ liệu 10 năm giai đoạn 2003-2012. Đến nay, hệ thống này vẫn được duy trì cập nhật dữ liệu thường xuyên nhằm phục vụ tốt việc thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT bao gồm: Báo cáo thống kê định kỳ cuối năm đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, công tác tuyển sinh, về hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, báo cáo quyết toán cuối năm và các lĩnh vực hoạt động khác của Trường [H02.02.07.02 - 08].

Ngoài các báo cáo định kỳ, Trường thực hiện đầy đủ các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Cục Đào tạo với nước ngoài, Cục Báo chí, Sở GD&ĐT tại Bình Dương, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước khác [H02.02.07.09 - 15].

Các báo cáo được lưu trữ đúng thời hạn theo quy định của Luật Lưu trữ quốc gia và quy định của Trường [H02.02.07.16].

2. Điểm mạnh:

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ với Bộ GD&ĐT và các Bộ, Sở tại TP.HCM và các tỉnh có cơ sở học tập của Trường.

Đưa công nghệ thông tin vào sử dụng để quản lý và lưu trữ có hệ thống, thực hiện đầy đủ các báo cáo của Trường.

3. Tồn tại:

CSVCL dành cho hệ thống lưu trữ văn bản cần thiết còn hạn chế, chưa có phòng lưu trữ quy mô theo đúng tiêu chuẩn.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2016-2017, Phòng HC-QT cải tạo khu làm việc tại cơ sở Võ Văn Tần sau khi các đơn vị dời sang cơ sở mới, xây dựng thêm Phòng lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi năm 2009, Điều lệ Trường Đại học năm 2010 và 2014, Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và các quy định có liên quan khác và đã được cụ thể hóa trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường.

Việc tổ chức quản lý của Trường được cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản theo quy định và phù hợp với mục tiêu, điều kiện của Trường. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ phận, các CB-VC và GV được phân định rõ ràng bằng một hệ thống quy định, hướng dẫn chi tiết.

Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của Trường được tổ chức và hoạt động đúng theo điều lệ và quy định liên quan, các thành tích trong hoạt động được các cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp trên ghi nhận và biểu dương.

Công tác ĐBCL được Trường chú trọng từ khá sớm. Phòng Khảo thí và ĐBCL chuyên trách về công tác ĐBCL GDĐH, có đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên viên có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường; có chính sách và biện pháp triển khai thực hiện, giám sát, đánh giá thường xuyên việc thực hiện các kế hoạch của Trường.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ với Bộ GD&ĐT, các Bộ Ngành và các cơ quan liên quan về các hoạt động và có chế độ lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Trường.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số ít nội dung cần điều chỉnh sớm như: cải tiến Phần mềm Quản trị minh chứng; Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm có quy định chuẩn hóa, mô tả từng vị trí công tác tại các đơn vị.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **07** tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu

Trường hiện đang đào tạo cấp bằng TS 02 chuyên ngành; cấp bằng ThS cho 06 chuyên ngành; cấp bằng cử nhân-kỹ sư trình độ ĐH cho 18 ngành; cấp bằng cử nhân-kỹ sư trình độ ĐH chương trình chất lượng cao 05 ngành; cấp bằng đại học GDTX cho 15 ngành. Việc đào tạo được triển khai thực hiện theo đúng chương trình mà Trường đã ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời bám sát với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng của thị trường lao động. CTĐT ĐHCQ và GDTX được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Các CTĐT ngành/chuyên ngành được Trường xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện theo từng khóa học, năm học, học kỳ.

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT được Trường thực hiện định kỳ hai năm một lần trên cơ sở khảo sát, ghi nhận ý kiến đóng góp của các chuyên gia, tổ chức nghề nghiệp, cơ quan sử dụng lao động, GV có kinh nghiệm, cựu SV và tham khảo CTĐT của các trường có uy tín trong nước và thế giới.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo của các Trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Tính đến tháng 6 năm 2016, Trường được phép đào tạo cấp bằng TS 02 chuyên ngành; cấp bằng ThS cho 06 chuyên ngành; cấp bằng cử nhân-kỹ sư trình độ ĐH cho 18 ngành; cấp bằng cử nhân-kỹ sư trình độ ĐH chương trình chất lượng cao 05 ngành; cấp bằng đại học GDTX cho 15 ngành [H03.03.01.01].

Năm học 2011-2012, Trường sử dụng bộ CTĐT được xây dựng mới từ năm học 2009-2010. Các quy định hiện hành về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT đều

được tuân thủ như tham chiếu chương trình khung, khối lượng các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất. Bên cạnh đó, CTĐT cũng tuân thủ theo quy định tại Điều 2 Chương I - Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT [H03.03.01.02-05]. CTĐT được xây dựng với sự tham vấn của chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong lĩnh vực giáo dục. Trường cũng đã tham khảo các CTĐT của Ferris State University (Hoa Kỳ), Mahidol University International College (Thái Lan), Trường Đại học Cần Thơ trong quá trình xây dựng bộ CTĐT [H03.03.01.06-09].

Giai đoạn năm 2011-2015, Trường xây dựng CTĐT ngành Quản lý xây dựng và Luật học. Quy trình xây dựng các CTĐT thực hiện theo Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng. Chương trình ngành Quản lý xây dựng có tham khảo CTĐT cử nhân Quản lý Xây dựng của Northumbria University (Anh), Kingston University (Anh), Queensland University of Technology (Úc) và chương trình của đại học uy tín trong nước là Trường Đại học Xây dựng. Chương trình Luật học có tham khảo CTĐT của Trường Đại học Luật TP.HCM, Trường Đại học Luật Hà Nội. Cả hai chương trình mới đều được lấy ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, nhà quản lý, người sử dụng lao động, người tốt nghiệp [H03.03.01.10-13].

Năm 2016, theo hướng dẫn tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Trường đã ban hành CTĐT các ngành Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế và Quản trị nhân lực. Các CTĐT này được xây dựng có sự tham khảo CTĐT các Trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có sự tham gia

của các nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, người tuyển dụng lao động và người tốt nghiệp [H03.03.01.14-15].

Bên cạnh các chương trình đại trà đã liệt kê ở trên, năm 2016, Bộ GD&ĐT có công văn 863/BGDĐT-GDĐH ngày 09/3/2016 xác nhận đề án đào tạo chất lượng cao (ĐTCLC) trình độ đại học của Trường. Các ngành ĐTCLC gồm: ngành Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Quản trị Marketing), ngành Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành Ngân hàng), ngành Kế toán (chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành Kiểm toán), ngành Luật kinh tế, ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại). Các CTĐT chất lượng cao được xây dựng theo quy định về ĐTCLC ban hành kèm theo Thông tư 23/2014/TT/BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, có tham khảo CTĐT có uy tín trong và ngoài nước, có ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động và cựu sinh viên [H03.03.01.16-18].

2. Điểm mạnh:

CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy của Trường được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có tham khảo CTĐT của các Trường đại học uy tín trong nước và thế giới, có sự tham gia của các nhà khoa học, GV, cán bộ quản lý, đại diện người sử dụng lao động và người tốt nghiệp (đây là thành phần chính của các HĐKH&ĐT của các Khoa). Trường đã tổ chức tập huấn và hướng dẫn căn cứ quy trình xây dựng CTĐT thông qua các buổi làm việc với chuyên gia, học tập kinh nghiệm của các trường bạn.

3. Tồn tại:

Trong công tác xây dựng CTĐT các năm trước 2016, việc tham khảo ý kiến từ các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, từ người đã tốt nghiệp còn hạn chế, chưa rộng rãi để mang tính đại diện cao.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2016-2017, khi xây dựng CTĐT của các ngành đào tạo mới, Trường thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT và sẽ đảm bảo đầy đủ các yêu cầu của tiêu chí, trong đó có việc lấy ý kiến của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, từ người đã tốt nghiệp phải đầy đủ, toàn diện.

Công tác khảo sát, lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, GV, người quản lý, các tổ chức nghề nghiệp, người tuyển dụng lao động, cựu sinh viên được các Khoa chuyên môn thực hiện thường xuyên hơn. Việc khảo sát, tổ chức hội thảo, xin ý kiến phản biện về chương trình, đề cương môn học được yêu cầu thực hiện hàng năm để rà soát, đánh giá, cập nhật các CTĐT đang vận hành và xây dựng chương trình mới.

Đến năm học 2017-2018, Trường sẽ tiến hành thiết kế lại các CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3.2: Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

Mục tiêu của các CTĐT xác định lĩnh vực nghề nghiệp, phản ánh sứ mạng, mục tiêu của Trường, nhu cầu của người sử dụng lao động, các kiến thức, kỹ năng mà người học sẽ được trang bị. Chính mục tiêu đào tạo xác định nội dung của CTĐT, vì vậy các mục tiêu chương trình phải đảm bảo yêu cầu rõ ràng và cụ thể.

Mục tiêu các chương trình đào tạo của Trường được viết thành hai phần: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung mô tả các yêu cầu chung của CTĐT; Mục tiêu cụ thể được viết chi tiết hơn về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mục tiêu về

kiến thức, kỹ năng thay đổi phù hợp với từng ngành đào tạo. Trên cơ sở mục tiêu CTĐT, Trường đã cụ thể hóa chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo đại học [H03.03.02.01].

Chuẩn đầu ra trình độ đại học của Trường được xây dựng năm 2009, thực hiện theo Chỉ thị số 7823/CT-BGDĐT ngày 27/10/2009 của Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ trọng tâm của GDĐH năm học 2009-2010 và Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo [H03.03.02.02-05].

CTĐT của Trường được cấu trúc từ các môn học thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Đây là cấu trúc hợp lý theo Quy chế 43 với khối lượng kiến thức của giáo dục đại cương chiếm không quá 40% khối lượng kiến thức toàn khóa. Khối lượng của các chương trình thay đổi từ 125 tín chỉ (các ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh) đến 145 tín chỉ (các ngành Ngôn ngữ - Kỹ thuật) đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học [H03.03.02.01].

Trên cơ sở sứ mạng, tầm nhìn, các mục tiêu chính của Trường và định hướng phát triển của Khoa, CTĐT của từng ngành được thiết kế một cách hệ thống theo quy trình xây dựng CTĐT chặt chẽ và hợp lý gồm 8 bước, cụ thể như sau:

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ đại học theo ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT trình độ đại học cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT;

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các môn học theo CTĐT đã xác định;

Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về CTĐT;

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Bước 8: Tiến hành các thủ tục thẩm định CTĐT, ban hành CTĐT và đưa vào áp dụng [H03.03.02.06].

Theo quy trình này, chương trình được thiết kế một cách hệ thống từ xây dựng mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra đến thiết kế chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, tham khảo chương trình các trường đại học có uy tín và tham khảo ý kiến các bên liên quan cho đến việc thiết kế cụ thể đề cương từng môn học có mục tiêu và chuẩn đầu ra đáp ứng chuẩn đầu ra chung của chương trình.

Tính hệ thống trong việc thiết kế chương trình còn được thể hiện từ việc triển khai kế hoạch thiết kế từ Phòng QLĐT đến Khoa, đến Bộ môn và các GV trong việc thiết kế đề cương môn học [H03.03.02.07].

Chương trình được thiết kế hệ thống cũng thể hiện ở các môn học chung trong các chương trình. Ngoài các môn Lý luận Mác-Lênin, Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục Thể chất, các môn học Tiếng Anh không chuyên, Ngoại ngữ phụ, Tin học được thiết kế chung cho các ngành nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra về trình độ Ngoại ngữ, Tin học của SV tốt nghiệp. Chương trình của các ngành cùng nhóm: Kinh tế-Quản trị kinh doanh, Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán hoặc Luật và Luật kinh tế, Xã hội học và Công tác xã hội cũng được thiết kế với các môn cơ sở ngành như nhau, đảm bảo việc tổ chức đào tạo thuận lợi cho sinh viên học theo hệ thống tín chỉ [H03.03.02.01].

Để đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, các CTĐT của Trường được thiết kế theo hai hướng, đào tạo đại trà và đào tạo chất lượng cao (ĐTCLC).

CTĐT đại trà được thiết kế theo hướng, ngoài các kiến thức, kỹ năng chung, còn tập trung vào các kiến thức, kỹ năng theo hướng ứng dụng, nhằm giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ kiến thức và kỹ năng vào làm việc ngay tại các doanh nghiệp. Nội dung các môn học được thiết kế gắn với các tình huống thực tế, các vấn đề thực tiễn, nhất là của Việt Nam vào trong chương trình. Những người đang hoạt động thực tiễn cũng được mời tham gia giảng dạy và các hoạt động khác của Trường. Sinh viên được tham gia nhiều hoạt động gắn kết với thực tiễn bên ngoài Trường. Việc thường xuyên tham khảo ý kiến người sử dụng lao động, tham khảo ý kiến các Hiệp hội Nghề nghiệp trong quy trình thiết kế, cập nhật đánh giá CTĐT giúp các chương trình của Trường luôn gắn với nhu cầu thực tế về nghề nghiệp của xã hội [H03.03.02.01], [H03.03.02.08].

CTĐT CLC được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT nước ngoài nhằm tăng cường năng lực Ngoại ngữ (Tiếng Anh) cho sinh viên bên cạnh các kiến thức chuyên ngành. Các CTĐT CLC vì vậy được tăng cường 32 tín chỉ Tiếng Anh nhằm đáp ứng Chuẩn đầu ra Tiếng Anh của sinh viên ĐTCLC là đạt bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. CTĐT có các môn học được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh, giúp sinh viên được ĐTCLC có khả năng nắm vững kiến thức chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Các sinh viên tốt nghiệp từ ĐTCLC đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập [H03.03.01.17], [H03.03.02.09].

Từ các minh chứng kèm theo có thể thấy CTĐT của Trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh:

CTĐT được xây dựng với mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Cấu trúc CTĐT được thiết kế hợp lý trên cơ sở Khung chương trình do Bộ GD &ĐT quy định.

CTĐT được thiết kế một cách hệ thống theo quy trình quy định của Trường. Theo quy trình này, CTĐT được xây dựng qua nhiều bước, có tham khảo CTĐT các Trường có uy tín trong và ngoài nước, có đầy đủ các thành phần như các nhà khoa học, các GV có kinh nghiệm, các nhà quản lý, người sử dụng lao động, cựu sinh viên tham gia vào việc xây dựng chương trình, đảm bảo CTĐT đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của xã hội.

3. Tồn tại:

Các chuẩn đầu ra của Trường khi được xây dựng chưa tham khảo rộng rãi ý kiến của người sử dụng lao động, nhất là các tổ chức Hiệp hội nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Trường đã ký kết hợp tác với một số tổ chức hội nghề nghiệp và sẽ mở rộng sự hợp tác này. Khi xây dựng, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, Trường sẽ tham khảo ý kiến của các tổ chức hội nghề nghiệp và của người sử dụng lao động một cách rộng rãi, khoa học nhất.

Bên cạnh việc thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo đang triển khai, trong năm học 2016-2017, công tác tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra, thiết kế đề cương môn học... đang được triển khai liên tục. Sau khi tổ chức tập huấn cho lãnh đạo các Khoa, đơn vị, GV, kế hoạch trong năm học 2017-2018 Trường sẽ triển khai công tác xây dựng chuẩn đầu ra các chương trình, cập nhật các chương trình đang thực hiện theo chuẩn đầu ra này nhằm đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định AUN-QA.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả:

Tùy theo từng thời điểm xây dựng CTĐT, tất cả các CTĐT đều được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường.

Trước năm 2011, các CTĐT hệ chính quy của Trường được xây dựng theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT, bao gồm cả các môn lý luận chính trị, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục Thể chất [H03.03.01.02].

Từ năm 2011 đến 2015, các CTĐT đại trà hệ chính quy được xây dựng theo khung chương trình quy định tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007, Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 và Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 [H03.03.02.01], [H03.03.01.03], [H03.03.01.10].

Các CTĐT hệ chính quy trong giai đoạn này được xây dựng với phần mô tả sơ lược các môn học. Phần thực hiện CTĐT tuân thủ các quy định về môn học tiên quyết và môn học trước, sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng, cơ sở trước khi tiếp thu kiến thức chuyên ngành, đảm bảo chất lượng đào tạo [H03.03.01.02].

Năm 2015, Trường cũng xây dựng các CTĐT CLC theo quy định của Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/07/2014 của Bộ GD&ĐT quy định về ĐTCCLC trình độ ĐH. Theo quy định này, các CTĐT xây dựng trên cơ sở học tập các CTĐT nước ngoài, có ý kiến của 02 phản biện là các nhà khoa học, GV có uy tín trong ngành đào tạo ở 02 cơ sở đào tạo ngoài Trường [H03.03.01.16-18].

Từ năm 2016, CTĐT đại trà hệ chính quy của Trường được xây dựng theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. CTĐT được ban hành kèm theo đề cương từng môn học cụ thể. Đề cương thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của môn học, số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo và

điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ môn học [H03.03.01.14], [H03.03.02.01].

Trường có Trung tâm ĐTTX quản lý hình thức giáo dục thường xuyên bao gồm: ĐTTX và VLVH. CTĐT của GDTX là CTĐT hệ chính quy, có thay đổi phương thức giảng dạy và thời lượng giảng dạy [H03.03.03.01-03].

2. Điểm mạnh:

CTĐT chính quy và thường xuyên được thiết kế theo đúng những quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ở từng giai đoạn, đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại:

Tuy áp dụng CTĐT chính quy cho giáo dục thường xuyên nhưng Trường chưa quản lý chặt chẽ các phương pháp kiểm tra đánh giá, giám sát công tác giảng dạy của GDTX như đào tạo chính quy.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2016-2017, Trung tâm Đào tạo từ xa tập trung xây dựng và triển khai Đề án nâng cao chất lượng phục vụ sinh viên ngoài chính quy, triển khai khảo sát thông tin phản hồi của học viên về GV, môn học... nhằm mục tiêu điều chỉnh phương pháp giảng dạy, phục vụ phù hợp hơn cho GDTX, đảm bảo chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3.4: Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả:

Năm 2009, Trường xây dựng mới toàn bộ CTĐT theo hệ thống tín chỉ, Các CTĐT này được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo các chương trình của quốc tế và trong nước [H03.03.01.02], [H03.03.01.07-09].

Trong giai đoạn 2009-2014, các Khoa thường xuyên có các thay đổi, cập nhật CTĐT theo các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý, đại diện các Hiệp hội nghề nghiệp, người sử dụng lao động... [H03.03.04.01].

Bên cạnh tham khảo ý kiến của những người có chuyên môn thông qua các cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường tổ chức khảo sát sinh viên tốt nghiệp hàng năm về CTĐT. Các đánh giá về chương trình được các Khoa tham khảo để cập nhật chương trình thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội [H03.03.04.02].

Năm 2014-2015, Trường có một đợt rà soát CTĐT lớn theo Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT hệ chính quy kèm theo Quyết định số 216/QĐ-ĐHM ngày 19/03/2014. Các báo cáo rà soát CTĐT được thực hiện công phu, chi tiết, có tham khảo các CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên. Căn cứ trên các báo cáo rà soát CTĐT, năm 2015 Trường đã ban hành CTĐT của tất cả các ngành học trong trường. Các CTĐT được ban hành năm 2015 của Trường tuân thủ các quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT về cập nhật CTĐT [H03.03.04.03-04], [H03.03.02.01], [H03.03.01.05].

2. Điểm mạnh:

CTĐT của Trường được thường xuyên cập nhật, thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Các thay đổi cập nhật chương trình đều căn cứ trên các ý kiến đóng góp của các GV, nhà khoa học, người quản lý, người sử dụng lao động, cựu sinh viên, ... nhằm có một CTĐT tốt, đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Công tác rà soát CTĐT năm học 2014-2015 của Trường là một công tác quan trọng. Ngoài các ý kiến phản hồi từ các GV, người tuyển dụng lao động, cựu sinh viên... các khoa còn tham khảo các CTĐT tiên tiến của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước. CTĐT năm 2015 với các đề cương môn học ban hành kèm

chương trình là cơ sở để Trường đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại:

Việc tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, các Hiệp hội nghề nghiệp chưa được tổ chức rộng rãi, mang tính đại diện.

4. Kế hoạch hành động:

Trường đã ký kết hợp tác với một số tổ chức hội nghề nghiệp và sẽ mở rộng sự hợp tác này. Khi xây dựng, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, Trường sẽ tham khảo ý kiến của các tổ chức hội nghề nghiệp và của người sử dụng lao động một cách rộng rãi, khoa học nhất.

Từ năm học 2016-2017, Trường sẽ tổ chức khảo sát ý kiến định kỳ các nhà tuyển dụng lao động về CTĐT thông qua các ngày hội nghề nghiệp được tổ chức hàng năm nhằm đảm bảo thông tin phản hồi có tính tin cậy cao hơn. Bên cạnh đó, các phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp (ngay sau khi tốt nghiệp và sau một năm tốt nghiệp) sẽ được bổ sung thêm các câu hỏi về CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả:

Đào tạo chính quy tại Trường có các bậc học/trình độ đào tạo sau đây: đại học (đại học chính quy, bằng thứ hai, liên thông từ cao đẳng lên đại học) [H03.03.01.02], [H03.03.05.01].

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm học 2009-2010, CTĐT các ngành, các bậc học trong Trường được thiết kế đảm bảo liên thông giữa các bậc học, các ngành học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp bậc học cao đẳng học thêm lên bậc đào tạo cao hơn hoặc sinh viên các ngành cùng nhóm ngành học trả nợ các môn học bị rớt hoặc đăng ký học trước chương trình [H03.03.01.02].

Các môn học lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng, an ninh trong khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức theo nội dung quy định của Bộ GD&ĐT. Trường thống nhất Khung đào tạo Ngoại ngữ không chuyên – Tiếng Anh, Tin học không chuyên chung cho tất cả các ngành học. Các môn Toán cao cấp được thiết kế nội dung chung cho từng nhóm ngành (khối Công nghệ kỹ thuật - máy tính và Công nghệ thông tin (Toán A), khối Kinh doanh và quản lý – Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – kiểm toán, Quản trị - quản lý (Toán C) [H03.03.01.03], [H03.03.05.02].

Ở khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, các môn thuộc kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành cũng được thống nhất nội dung và do một khoa (theo phân công cụ thể của Trường) chịu trách nhiệm quản lý [H03.03.05.03].

Việc thiết kế liên thông giữa các ngành đào tạo cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên đăng ký học hai ngành theo quy chế học vụ của Trường [H03.03.01.04].

Bên cạnh việc thiết kế liên thông giữa các ngành, CTĐT của Trường cũng được thiết kế liên thông giữa các bậc học và hình thức đào tạo. Các CTĐT đại học của cùng một ngành được thiết kế sao cho sinh viên đã hoàn tất chương trình cao đẳng chỉ cần học các môn chuyên ngành để lấy bằng đại học.

Giáo dục thường xuyên trình độ đại học của Trường sử dụng CTĐT trình độ đại học của hệ chính quy cũng là điểm mạnh về liên thông. Sinh viên dễ dàng chuyển đổi hình thức theo học từ đào tạo chính quy sang đào tạo thường xuyên khi không có điều kiện theo học hệ chính quy [H03.03.05.04].

Ngoài việc thiết kế CTĐT có các môn học liên thông giữa các bậc học, ngành học, các hình thức đào tạo, Trường còn ký kết các biên bản thỏa thuận tổ chức đào tạo liên thông với Swinburne University of Technology, University of South Wales [H03.03.05.05].

2. Điểm mạnh:

CTĐT được thiết kế liên thông giữa các ngành học, bậc học, hình thức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học theo hệ thống tín chỉ.

Trường đã ký các thỏa thuận đào tạo liên thông với các trường đại học nước ngoài có uy tín.

3. Tồn tại:

Trường không ký kết được các chương trình liên thông với các trường đại học với các cơ sở đào tạo trong nước. Còn thiếu các văn bản hướng dẫn việc học liên thông giữa các ngành, các bậc, các hình thức đào tạo trong Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2016-2017, Trường đã giao nhiệm vụ trọng tâm cho các đơn vị, theo đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Phòng QLĐT là tổ chức rà soát cập nhật CTĐT theo hướng dẫn của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 và quy định về CTĐT của Trường. Căn cứ vào văn bản này, Phòng QLĐT sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể vào tháng 8/2016 và kèm theo hướng dẫn thực hiện. Bản hướng dẫn sẽ đề cập rõ ràng hơn về việc thiết kế liên thông giữa các ngành học, bậc học và các hình thức đào tạo để khắc phục thiếu sót trước đây.

Liên quan đến việc thiết kế CTĐT liên thông với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài, Trường sẽ đẩy mạnh triển khai.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Giai đoạn từ năm 2011 đến 2014, CTĐT các ngành thường được đánh giá và cải tiến chất lượng tại các hoạt động của khoa thông qua các cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Thành phần của Hội đồng KH&ĐT Khoa bao gồm các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các GV có uy tín tại các cơ sở đào tạo khác nhau, người sử dụng lao động, đại diện hiệp hội nghề nghiệp [H03.03.04.01].

Tại các cuộc họp này, chương trình được thay đổi, bỏ bớt hoặc bổ sung một số môn học hoặc các môn học được cập nhật nội dung đáp ứng sự thay đổi của xã hội và nhu cầu của người tuyển dụng lao động.

Từ năm học 2014-2015, Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp nhằm đánh giá mức độ thích ứng của sản phẩm đào tạo của Trường với nhu cầu của thị trường lao động. Phiếu khảo sát bao gồm 6 phần, trong đó, phần 4 đánh giá về CTĐT với các câu hỏi như: chương trình sát với yêu cầu công việc; có nhiều môn học lựa chọn phù hợp với công việc; nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu xã hội; trình tự các môn học được sắp xếp hợp lý; kiểm tra, đánh giá phù hợp với nội dung môn học. Phần 6 - Đánh giá về kết quả đào tạo với các câu hỏi: SV tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu; ứng dụng được kiến thức vào công việc thực tiễn; ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn; khả năng sử dụng Ngoại ngữ trong công việc; khả năng sử dụng Tin học trong công việc. Các báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát được thực hiện 2 lần/năm học và cung cấp cho các khoa làm cơ sở cải tiến CTĐT [H03.03.04.02].

Cũng trong năm học 2014-2015, Trường đã có một đợt rà soát, đánh giá CTĐT của tất cả các ngành một cách quy mô. Công tác rà soát CTĐT được thực hiện theo Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-ĐHM ngày 19/3/2014 của Trường Đại học Mở TP.HCM. Các Khoa đã có báo cáo rà soát CTĐT chi tiết, cụ thể căn cứ “*Hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học*” kèm theo công văn số 527/KTKĐCLGD ngày 23/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục”. Trên cơ sở các báo cáo rà soát này, các Khoa tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT [H03.03.04.03].

Các CTĐT được ký quyết định ban hành năm 2015 là những CTĐT đã được cải tiến chất lượng sau khi các Khoa tiến hành rà soát năm 2014 [H03.03.02.01].

2. Điểm mạnh:

CTĐT thường xuyên được cập nhật, cải tiến theo xu hướng tiên bộ.

Trường đã tổ chức rà soát CTĐT quy mô lớn vào năm 2014, cải tiến CTĐT vào năm 2015. Các tiêu chí rà soát được thực hiện theo “*Hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học*” kèm theo Công văn số 527/KTKĐCLGD ngày 23/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục”

3. Tồn tại:

Các chương trình của Trường chưa được đánh giá theo Quy định về các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2016-2017, Trường đã tích cực tổ chức các lớp tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra. Kế hoạch đặt ra trong năm học này là trang bị đầy đủ kiến thức về thiết kế chương trình, đề cương môn học đáp ứng chuẩn đầu ra và chuẩn AUN-QA cho cán bộ quản lý, GV, chuyên viên trong Trường, tiến tới việc đánh giá và cải tiến CTĐT một cách triệt để nhất.

Phòng QLĐT cũng được Trường giao nhiệm vụ soạn thảo các quy định, hướng dẫn liên quan đến tự đánh giá CTĐT theo các tiêu chuẩn của Thông tư 04 và các hướng dẫn tự đánh giá chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi trang bị kiến thức cho GV, trong năm học 2017-2018 Trường sẽ tiến hành tự đánh giá các chương trình đang thực hiện, thiết kế, cập nhật lại chuẩn đầu ra các chương trình và trên cơ sở này, cải tiến CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Với 02 chuyên ngành đào tạo trình độ TS, 06 chuyên ngành đào tạo trình độ ThS, 18 ngành đào tạo trình độ ĐHCQ, 05 ngành đào tạo trình độ ĐHCQ chương trình CLC và 17 chuyên ngành GDTX, Trường đã đảm bảo được đầy đủ CTĐT, tuân thủ đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Các CTĐT được rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung định kỳ, có sự tham gia đầy đủ của các thành phần theo quy định. Các CTĐT được xây dựng dựa trên sự tham khảo các CTĐT uy tín trên thế giới,

tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Các CTĐT đảm bảo được tính liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp tục theo học ở bậc cao hơn hoặc dễ dàng đăng ký học các ngành khác ở cùng bậc học.

Mỗi CTĐT đều được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, chú ý tới tính ứng dụng thực tiễn, định vị được người học sau tốt nghiệp. Qua khảo sát đánh giá, các CTĐT này đã nhận được những phản hồi tốt từ phía nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng công việc của người lao động là SV tốt nghiệp từ Trường.

Tuy nhiên, Trường cần phải tiếp tục tìm hiểu thông qua các tổ chức nghề nghiệp, người sử dụng lao động cũng như các nghiên cứu đánh giá mức độ đáp ứng của từng ngành học của mình với nhu cầu của xã hội, với sự phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **06** tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Chức năng và nhiệm vụ của Trường được quy định tại Điều 2 Quyết định số 389/TTg ngày 26/07/1993 của Thủ tướng Chính phủ “là cơ sở đào tạo đại học có các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ, đào tạo tại các điểm vệ tinh,... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật cho đất nước”.

Thực hiện theo định hướng trên, Trường đã và đang thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, các phương thức đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo với các địa phương và quốc tế nhằm đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực Kinh tế - Xã hội, Kỹ thuật – Công nghệ của nền kinh tế thị trường và đáp ứng nhu cầu người học.

Trường đã xây dựng lộ trình chuyển đổi phương thức đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Trường đã chính thức áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ tất cả các ngành đào tạo trong Trường từ năm học 2009-2010 cho hệ đào tạo chính quy, năm học 2010-2011, áp dụng cho hình thức ĐTTX và VLVH. Đây là phương thức đào tạo linh hoạt đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người học.

Trường chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc nhóm. Phương pháp kiểm tra đánh giá việc dạy và học được thực hiện một cách công bằng, khách quan, khoa học, đây là những khâu quan trọng quyết định chất lượng đào tạo.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác QLĐT giúp công tác tổ chức quá trình đào tạo, quản lý, lưu trữ các cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo cũng như công bố kết quả học tập được thực hiện một cách chính xác, an toàn và bảo mật. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người học theo quy định.

1. Mô tả:

Trong giai đoạn từ 2011-2016, Trường đã triển khai nhiều CTĐT từ bậc đại học đến bậc tiến sĩ với các hình thức đa dạng theo đúng quy định nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và nhu cầu của xã hội.

Đào tạo đại học chính quy, Trường đa dạng hóa các hệ đào tạo để đáp ứng yêu cầu đa dạng của người học, các chương trình gồm; Đào tạo chính quy bằng 1 được tuyển sinh trong phạm vi cả nước, đào tạo chính quy bằng 2 và đào tạo chính quy liên thông từ cao đẳng lên đại học ở một số ngành. Đồng thời, từ năm 2015, Trường cũng cung cấp đào tạo chương trình chất lượng cao (chương trình tiên tiến) cho 05 ngành đào tạo, gồm: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Luật Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng và Ngôn ngữ Anh. Trường cũng có các chương trình chất lượng cao được liên thông với một số Trường trên thế giới như: Liên thông 2+2 với ĐH Swinburne (Úc); Liên thông 3+1 với ĐH Southern Queensland (Úc), hoặc ĐH South Wales (Anh); ĐH Worcester (Anh) [H04.04.01.01-05].

Hoạt động đào tạo văn bằng 2 chính quy và liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy được tổ chức tuyển sinh 2 lần trong năm để thuận tiện và đáp ứng yêu cầu đa dạng cho người học đăng ký thi tuyển [H04.04.01.06].

Đào tạo đại học không chính quy: Trường có hình thức đào tạo từ xa được hình thành từ khi thành lập Trường đến nay, gắn với sứ mạng của Trường là đại học mở và đào tạo VLVH, đào tạo văn bằng 2 không chính quy. Trường đã ký kết liên đào tạo không chính quy với các tỉnh thành ở phía Nam nhằm đáp ứng nhu cầu của người học [H04.04.01.07-09].

Đào tạo sau đại học: Hình thức đào tạo của Khoa Đào tạo Sau đại học rất đa dạng bao gồm các CTĐT cao học liên kết với nước ngoài và chương trình trong nước. Về chương trình cao học liên kết có các ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị tiếp thị và truyền thông, Quản trị chất lượng và hiệu quả kinh doanh, Lý luận dạy

học bộ môn Tiếng Anh, Kế toán-Tài chính; Quản trị bệnh viện với các Trường Đại học tại Brussel-Bỉ, Berlin-Đức, Bang Victoria-Úc, Queensland-Úc [H04.04.01.10].

Về chương trình cao học trong nước, có các chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kinh tế học, Tài chính-Ngân hàng, Lý luận dạy học bộ môn Tiếng Anh, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Luật kinh tế. Về chương trình tiến sĩ trong nước có ngành Quản trị kinh doanh và Kinh tế học [H04.04.01.11].

Các chương trình cao học liên kết và trong nước đáp ứng cho nhu cầu nhân lực trình độ cao ở các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật – xã hội khác nhau. Ngôn ngữ tiếng Anh được dùng chính cho các chương trình liên kết phù hợp nhu cầu làm việc ở các tổ chức – kinh doanh có yếu tố nước ngoài. Nội dung chương trình cao học liên kết do Trường đối tác nước ngoài xây dựng và kiểm soát chất lượng, Trường phụ trách cơ sở vật chất và hỗ trợ dịch vụ để đảm bảo chất lượng chương trình theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đề ra và của phía đối tác nước ngoài. Ngoài ra, Trường còn tổ chức đào tạo 2 giai đoạn đối với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (Trường giảng dạy giai đoạn 1 và Trường đối tác giảng dạy giai đoạn 2 và cấp bằng) [H04.04.01.12].

Mỗi một chuyên ngành sâu của chương trình cao học trong nước đều có tổ chuyên môn của Trường góp ý xây dựng chương trình giảng dạy [H04.04.01.13].

Các lớp học dành cho các chương trình này được tổ chức vào các buổi tối trong tuần dành cho học viên làm việc tại TP.HCM và 2 ngày nghỉ cuối tuần (Thứ 7 và Chủ nhật) dành cho học viên làm việc tại các tỉnh. Các buổi seminar của báo cáo viên từ các công ty/tổ chức bên ngoài cũng được tổ chức vào ngày thứ 7 và Chủ nhật để học viên có thể tham gia [H04.04.01.14].

Từ năm 2012, Trường tiến hành đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế học vào năm 2016 nhằm đa dạng hóa bậc đào tạo của Trường [H04.04.01.15-16].

2. Điểm mạnh:

Trường đã và đang thực hiện đầy đủ các bậc đào tạo từ bậc đại học, cao học và tiến sĩ.

Có nhiều hình thức đào tạo đa dạng nhằm đáp ứng yêu cầu của người học (chính quy, VLVH, từ xa; liên thông CĐ lên ĐH, văn bằng hai), hình thức tổ chức đào tạo cũng đa dạng như chương trình đại học thông thường, chương trình chất lượng cao, liên thông nước ngoài và chương trình liên kết với đại học nước ngoài.

Đã đa dạng hóa chương trình liên kết đào tạo sau đại học của Trường với các trường nước ngoài. Liên kết với nhiều trường của nhiều nước và có các hình thức liên kết khác nhau theo nhu cầu của xã hội.

Việc sắp xếp thời khóa biểu học tập theo tín chỉ và thời gian linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của người học như: học song ngành, học cuối tuần, học ngoài giờ, học online.

ĐTTX được hình thành lâu đời từ khi thành lập Trường và được nhiều người biết đến như là Trường ĐTTX uy tín ở phía Nam. Nền tảng để phát triển ĐTTX như học liệu, hạ tầng công nghệ, hệ thống quản lý,... đã được đầu tư và phát triển vững chắc.

3. Tồn tại:

Là trường đa ngành nhưng các ngành mới mở trong 5 năm qua chưa nhiều và chưa đa dạng theo sự thay đổi nhanh của nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Mở thêm ngành đào tạo ở bậc đại học và sau đại học nhằm đáp ứng yêu cầu của người học nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển qui trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả:

Nhằm tạo sự thuận tiện cho SV và phát huy tính chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập cho chính họ, Trường thực hiện việc đào tạo theo hình thức học tín chỉ từ năm 2009 đối với bậc đào tạo đại học. Đối với đào tạo sau đại học, Trường cũng bắt đầu đào tạo tín chỉ khi Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế 45/2008/GD-BGDDT ngày 05/8/2008 và Trường đã ban hành Quy định đào tạo tín chỉ. Như vậy, từ năm 2011 đến năm 2016, Trường đã đào tạo theo hình thức tín chỉ cho tất cả các bậc và các loại hình đào tạo của Trường. Qua thời gian thực hiện đào tạo theo tín chỉ, quy trình đào tạo của Trường đã được cải tiến và linh hoạt tối đa cho người học về thời gian và nội dung học tập [H04.04.02.01-03].

Trường đã ban hành quy định về đào tạo tín chỉ để áp dụng trong quá trình đào tạo của Trường. Các quy định được đưa lên mạng và thể hiện trong Sổ tay SV [H04.04.02.04-06].

Để thực hiện công tác đào tạo theo hình thức tín chỉ, Trường đã áp dụng Phần mềm quản lý Edusoft để đăng ký, quản lý và lưu thông tin của người học. Chương trình được cải tiến liên tục để đáp ứng yêu cầu quản lý của Trường và chương trình ngày càng hoàn thiện hơn [H04.04.02.07].

Đối với đào tạo đại học, dựa vào kế hoạch học tập của Trường, Trường sẽ công bố thời khóa biểu vào đầu mỗi học kỳ để SV đăng ký môn học theo quy định của Trường. Vào đầu mỗi học kỳ, Trường tổ chức cho SV đăng ký môn học hai lần: đăng ký môn học trực tuyến và đăng ký môn học trễ hạn. Đăng ký môn học trực tuyến là hình thức đăng ký môn học qua mạng, được tổ chức trước khi bắt đầu học kỳ tối thiểu 2 tuần. Đăng ký môn học trễ hạn là hình thức đăng ký môn học trực tiếp tại Phòng QLĐT, được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ. Mỗi SV

được cấp 1 tài khoản riêng để theo dõi quá trình học tập cũng như đăng ký môn học [H04.04.02.08-10].

Đăng ký môn học trực tuyến: SV đăng ký môn học theo CTĐT ngành – khóa học đã được ban hành (tham khảo tại mục CTĐT đăng tại website của Khoa). Các môn học đăng ký phải đúng tên môn học và số tín chỉ quy định. SV phải đọc kỹ quy định đăng ký môn học, tư vấn với cố vấn học tập trước khi quyết định đăng ký môn học trực tuyến. SV không được đăng ký môn học trùng thời khóa biểu [H04.04.02.11].

Đăng ký môn học trễ hạn: Đăng ký môn học trễ hạn dành cho các SV muốn điều chỉnh khối lượng đăng ký học tập sau khi hết thời gian đăng ký môn học trực tuyến: hủy môn học, đăng ký thêm môn học [H04.04.02.12].

Trường thực hiện việc phân công Giáo viên Cố vấn học tập và Giáo viên Chủ nhiệm lớp để theo dõi, giám sát và tư vấn cho SV xây dựng kế hoạch học tập [H04.04.02.13].

Đối với đào tạo sau đại học, do số lượng đào tạo với quy mô nhỏ, trung bình mỗi ngành đào tạo 01 lớp, do đó học viên có thể đăng ký học khi có môn trùng giữa các ngành với nhau và muốn đăng ký học vượt hoặc trả nợ. Trường cũng dùng Edusoft trong quản lý đăng ký môn học và quản lý SV và GV cùng hình thức như đào tạo đại học từ năm học 2015. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học, CTĐT cao học trong nước được tổ chức trong 4 học kỳ. Ba học kỳ đầu dành cho các môn học cơ sở và môn ngành bắt buộc và tự chọn, học kỳ thứ tư dành cho việc làm luận văn. Chương trình và kế hoạch đào tạo được phổ biến rộng rãi cho cán bộ, GV và học viên thông qua Sổ tay học viên được phát vào đầu năm học. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện nghiêm túc, thống nhất [H04.04.02.14].

Kế hoạch đào tạo được công bố rõ ràng, tạo điều kiện cho người học chủ động về thời gian học tập, có thể tự lựa chọn đăng ký môn học [H04.04.02.09].

Để theo dõi và tư vấn học viên, mỗi lớp Trường phân công 1 cán bộ quản lý và theo dõi nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người học để giải quyết kịp thời cho người học [H04.04.02.15].

2. Điểm mạnh:

Trường chuyển sang học theo tín chỉ từ rất lâu nên có nhiều thời gian để rút kinh nghiệm và củng cố hệ thống QLĐT theo hình thức này để vận hành ổn định, linh hoạt và mềm dẻo phù hợp với nhiều đối tượng học tập khác nhau.

Công tác theo dõi SV của các đơn vị và của Giáo viên Chủ nhiệm và cán bộ phụ trách được sâu sắc hơn.

3. Tồn tại:

Hiện không phải SV nào cũng tham gia tham vấn cố vấn học tập trước khi đăng ký môn học.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục củng cố hệ thống cố vấn học tập để có thể tư vấn hiệu quả hơn cho SV như áp dụng phần mềm kết nối với Phần mềm Edusoft để giúp cố vấn học tập có đầy đủ thông tin về SV cần tư vấn từ việc học tập đến hoạt động ngoại khóa của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả:

Vai trò của GV rất quan trọng trong việc truyền đạt kiến thức và khơi động lực học tập cho SV, Trường đã có những kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý đối với GV của Trường, cụ thể: Trường đã ban hành quy định GV về các nhiệm vụ mà GV phải thực hiện, quy định các hoạt động giảng dạy của GV như giảng lý thuyết,

giảng thực hành, thực tập trong phòng thí nghiệm, tiểu luận, đề án, luận văn tốt nghiệp [H04.04.03.01].

Trong quá trình tuyển dụng GV: Trường đưa tiêu chí về phương pháp giảng dạy thành một trong những yêu cầu tuyển dụng GV. Khi GV được tuyển dụng vào Trường trong giai đoạn tập sự phải soạn bài giảng, giảng thử và thống nhất cách đánh giá, cũng như theo dự giờ ở các GV có kinh nghiệm. Kết thúc giai đoạn tập sự, Khoa thành lập Hội đồng đánh giá GV giảng. Khi GV giảng đạt yêu cầu thì được cho giảng chính thức. GV tập sự được lãnh đạo khoa, bộ môn và GV có kinh nghiệm đánh giá và góp ý nhằm nâng cao phương pháp giảng dạy. Trường đưa tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của GVCH vào hệ thống đánh giá thi đua toàn Trường [H04.04.03.02-03].

Nhằm nâng cao và cập nhật kiến thức cho GV, Trường tổ chức các lớp nghiệp vụ và tập huấn cho GV hoặc tạo điều kiện để GV tham dự tập huấn trong và ngoài nước. Các khoa tổ chức các buổi trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về giảng dạy và đánh giá SV vào mỗi học kỳ [H04.04.03.04-05].

Hoạt động công đoàn cũng tham gia vào công tác nâng cao phương pháp giảng dạy của GV như: Công đoàn Trường tổ chức các cuộc thi giảng dạy của GV của các khoa với nhau nhằm phát huy tinh thần và học hỏi kinh nghiệm giảng dạy của các khoa với nhau [H04.04.03.06].

Để đánh giá phương pháp giảng dạy của GV, ngoài việc các Khoa/Ban có kế hoạch GV dự giờ đồng nghiệp định kỳ, Trường còn có kế hoạch dự giờ về mặt quản lý trong đó có sự tham dự của GV đúng chuyên môn và cán bộ quản lý có trình độ từ Thạc sĩ của Phòng QLĐT. Các Khoa/Ban có phiếu dự giờ về chuyên môn, Phòng QLĐT có phiếu đánh giá giờ giảng của Phòng khi tham gia dự giờ [H04.04.03.07].

Từ năm 2004, Trường đã có kế hoạch đánh giá hoạt động giảng dạy của GV liên tục cho đến nay thông qua nhiều kênh:

- Phòng QLĐT có triển khai đội ngũ làm việc tại các cơ sở giảng dạy nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và ghi nhận về tình hình thực hiện giờ giảng của GV (như ghi nhận về việc GV đi đến lớp trễ, cho lớp về sớm theo quy định của CTĐT, thời khoá biểu, ... Các thông tin được đưa lên mạng nội bộ của Trường, gửi đến các Khoa/Ban để cùng theo giám sát và xử lý. Hàng tháng, Phòng QLĐT tổng kết tình hình đi trễ, về sớm, nghỉ dạy có báo trước và không báo trước gửi các Khoa/Ban để kiểm tra và nhắc nhở [H04.04.03.08-10].

- Trường phân công cho Phòng QLĐT chủ trì việc kiểm soát và thực hiện về quy định ghi Sổ đầu bài. Các Khoa/Ban kiểm tra nội dung và yêu cầu mọi GV ghi đầy đủ. Phòng QLĐT sẽ lưu trữ theo quy định của Trường [H04.04.03.11].

Trường đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo, khả năng tự học của người học. Các cách giảng dạy hiện nay được áp dụng tại Trường đa dạng tùy theo tính chất của từng học phần, từng hệ đào tạo như: giảng lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, thuyết trình đề tài. Có nhiều học phần GV đã kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong giảng dạy [H04.04.03.12].

Ngoài ra để thực thi chiến lược giảng dạy qua mạng nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hình thức đào tạo của Trường. Từ năm 2013, Trường đã có kế hoạch hướng dẫn, hỗ trợ GV phương pháp soạn bài giảng điện tử, quay các clip giới thiệu môn học, bài học và qui trình thực hiện theo giai đoạn các công tác biên soạn giáo trình, bài giảng đa phương tiện, ... [H04.04.03.13].

Trường đã tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và các phòng học để phục vụ việc đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng. Quy mô sinh viên trên 1 lớp học được giảm dần để phục vụ cho mục đích trên. Đến nay tất cả các phòng học đều đã được lắp máy lạnh. Hỗ trợ cho các phương pháp giảng dạy tích cực, Trường đã tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy

nếu: trang bị máy chiếu (projector), máy tính... tại các cơ sở giảng dạy của Trường [H04.04.03.14].

Trường có nhiều đề tài NCKH cấp cơ sở và cấp Bộ nghiên cứu lĩnh vực này và được GV áp dụng vào giảng dạy một cách hiệu quả [H04.04.03.15].

Ngay từ năm 1994, Trường đã thành lập Trung Tâm Khảo thí với nhiệm vụ tổ chức thi học kỳ cho các môn học. Đặc biệt đến năm 2010, ngoài tổ chức các kỳ thi cho tất cả các hệ, các hình thức đào tạo bậc đại học, Trung Tâm Khảo thí còn có nhiệm vụ tham mưu và chủ trì công tác đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường, nên năm 2012, Trung Tâm Khảo thí đã được nâng cấp thành Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng [H04.04.03.16].

Từ năm 2005, cuối mỗi học kỳ, người học được đánh giá GV qua mạng của Trường dưới dạng bảng câu hỏi, nội dung đề nghị SV cho ý kiến về môn học và về GV trực tiếp giảng dạy. Kết quả tổng hợp được công bố và gửi cho GV được góp ý để tham khảo, cải tiến. Đây là hình thức đánh giá thuận lợi và hợp lý, hầu hết SV đăng ký học kỳ mới đều được tham gia. Người học qua từng năm đã hiểu được đây là quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân, nên khi tham gia đã có những đánh giá ngày càng chính xác [H04.04.03.17-18].

Bên cạnh đó, Trường tiến hành kiểm tra đề thi và phân tích đề thi của GV (có lãnh đạo khoa kiểm tra) để theo dõi tình hình giảng dạy và đánh giá GV đối với SV để có biện pháp cải thiện cho phù hợp [H04.04.03.19].

Ngoài ra, Trường tiến hành phân tích điểm của SV để biết được tình hình ra đề cũng như phương pháp giảng dạy của GV và khả năng tiếp thu của SV nhằm điều chỉnh cách đánh giá của GV cho phù hợp [H04.04.03.20].

Chú ý đổi mới phương pháp giảng dạy của GV nhằm tăng tính tự học và gắn với thực tiễn của SV. Năm 2015 trở đi, Trường triển khai việc môn học được giảng dạy gắn với thực tiễn bằng cách mời chuyên gia có uy tín tham gia giảng dạy trong môn học, đưa SV đi học tập thực tế. Việc giảng dạy này được SV đánh giá cao [H04.04.03.21].

2. Điểm mạnh:

Trường chú trọng đến phương pháp giảng dạy của GV ngay từ khâu tuyển dụng, tập sự và tham gia công tác của GV.

Trường có kế hoạch, hệ thống đánh giá hoạt động của GV hợp lý: đánh giá qua điểm số, GV tự đánh giá, GV đánh giá GV, SV đánh giá GV qua bộ câu hỏi mỗi học kỳ.

Trường đã tạo điều kiện thuận lợi để GV thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Trường quan tâm đầu tư mạnh về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Quy mô sinh viên trên 1 lớp học được giảm dần. Đến nay tất cả các phòng học đều đã được lắp máy lạnh.

3. Tồn tại:

Đổi mới giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm và gắn với định hướng ứng dụng là chủ trương nhất quán của Trường. Tuy nhiên, việc triển khai chưa đồng đều giữa các khoa và các giảng viên, một số giảng viên chậm đổi mới.

4. Kế hoạch hành động:

Các đơn vị chức năng và các khoa tiếp tục cụ thể hóa việc đổi mới giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm và gắn với định hướng ứng dụng để hướng dẫn giảng viên thực hiện. Đồng thời, Trường cũng tăng cường sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, hội thảo để trao đổi cho giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của

người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả:

Trường chú trọng việc cải tiến, cập nhật quy định liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, đảm bảo tính khách quan và công bằng [H04.04.04.01].

Trong đề cương chi tiết của các môn học đều quy định rõ mục tiêu của môn học, các nội dung cốt lõi của môn học, tỉ lệ điểm quá trình, tỉ lệ điểm cuối kỳ, các kỹ năng cần đạt được và phương pháp đánh giá môn học. GV thực hiện đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thông qua các bài kiểm tra đánh giá trong suốt quá trình, theo yêu cầu của từng môn học, từng buổi học cụ thể với nhiều hình thức đánh giá: thực hành, bài tập lớn, thảo luận nhóm, tiểu luận, bài kiểm tra, thuyết trình, bài tập tình huống nhằm kiểm tra đánh giá kiến thức chuyên môn, kỹ năng yêu cầu trong mục tiêu môn học. Các cột điểm được đánh giá trong suốt quá trình học của từng môn học, từng hình thức học cụ thể sẽ được tính trung bình thành một cột điểm, được gọi là điểm quá trình (thông thường chiếm tỉ lệ 30- 40% điểm tổng hợp). Đánh giá thi cuối kỳ cũng được áp dụng dưới nhiều hình thức thi: tự luận, trắc nghiệm, tự luận kết hợp trắc nghiệm, tiểu luận, vấn đáp, bài tập lớn, (thông thường chiếm tỉ lệ 60-70% điểm tổng hợp) được gọi là điểm cuối kỳ. Việc kết hợp đánh giá cả quá trình và kiểm tra cuối kỳ với nhiều hình thức nhằm đảm bảo người học được đánh giá liên tục, toàn diện, đầy đủ khối lượng kiến thức môn học, kỹ năng phân tích, tổng hợp giải quyết vấn đề, đồng thời cũng giúp nâng cao thái độ tích cực của người học trong suốt quá trình học tập. Điểm tổng hợp là tổng điểm giữa kỳ và cuối kỳ (tính theo thang điểm 10) [H04.04.04.02].

Để nâng cao tính khách quan, công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập, các tiêu chí, hình thức đánh giá cũng được công khai trong đề cương môn học. Bên cạnh đó, Trường đã triển khai xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm khách quan,

sử dụng để đánh giá cuối kỳ đối với các môn học chỉ đơn thuần đo lường mức độ tích lũy kiến thức của người học, một số ngân hàng đề thi tự luận hoặc tự luận kết hợp với trắc nghiệm cũng có thể đo lường năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề của người học. Bộ ngân hàng đề thi đa dạng về hình thức đánh giá được biên soạn thống nhất với đề cương môn học và tài liệu học tập, kết cấu đề thi phù hợp với từng hình thức đào tạo nhưng vẫn đảm bảo mặt bằng đánh giá chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Hiện nay, trên 180 môn học áp dụng thi cuối kỳ bằng đề thi được trích từ bộ đề thi hoặc ngân hàng đề thi chung, được khoa xét duyệt trước khi tổ chức thi chính thức. Ngân hàng đề thi không áp dụng đối với các môn học có quy định đánh giá là bài tập lớn, đồ án, thực hành phòng máy, thực hành phòng thí nghiệm, bài tập nhóm, tiểu luận, vấn đáp. [H04.04.04.03]

Từ học kỳ 2 năm học 2015-2016, Trường đã triển khai công tác tổ chức thi trắc nghiệm tại phòng máy nhằm đa dạng hóa hơn nữa phương pháp đánh giá và gia tăng tính chính xác, công bằng trong quá trình kiểm tra [H04.04.04.04].

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng áp dụng các quy trình liên quan đến công tác khảo thí, trong đó quy định rõ ràng và cụ thể về quy trình từ chuẩn bị đến tổ chức thi, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị liên quan. Đội ngũ cán bộ coi thi được tập huấn trước khi tham gia coi thi [H04.04.04.05-06].

Để đảm bảo tính công bằng trong thi cử, Trường đã thành lập Ban Thanh tra, nay là Phòng Thanh tra, có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế liên quan đến đào tạo, tiếp nhận các thắc mắc của SV liên quan đến công tác khảo thí, liên hệ với các khoa, phòng chức năng và trả lời kết quả cho SV theo đúng quy trình đã được BGH ban hành [H04.04.04.07].

Phòng KT& ĐBCL đã tiến hành thống kê kết quả thi vào cuối mỗi đợt thi, từ đó BGH và ban lãnh đạo các khoa chuyên môn có cơ sở xem xét lại và điều chỉnh mức độ khó dễ của đề thi cho phù hợp trong học kỳ sau [H04.04.04.08].

Do công tác quản lý điểm được thực hiện chặt chẽ bằng hệ thống Edusoft nên khi người học có nhu cầu, Trường sẽ cung cấp được ngay cho họ bảng điểm tích

lũy theo học kỳ hoặc bảng điểm toàn khóa một cách dễ dàng, thuận tiện [H04.04.04.09].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống Khảo thí của Trường đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Trường đã ban hành các quy định liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá và tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh. Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo sự nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng chung.

Đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Hầu hết các môn học thuộc bộ ngân hàng đề thi có số lượng sinh viên thi nhiều, đều được các khoa chú trọng tiến hành thực hiện rà soát, bổ sung câu hỏi mới định kỳ hàng năm.

3. Tồn tại:

Một số môn học có sử dụng chung bộ đề thi do các khoa biên soạn nhưng vẫn chưa đáp ứng được chuẩn tối thiểu về số lượng câu hỏi để phát triển thành ngân hàng đề thi.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, các Khoa tiếp tục triển khai thực hiện biên soạn, rà soát, bổ sung câu hỏi theo kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường.

1. Mô tả:

Kết quả học tập của người học ở tất cả các bậc đào tạo, các hình thức đào tạo được thông báo kịp thời thông qua việc SV xem bảng điểm gốc được công bố trên

website Trường sau khi GV nộp bảng điểm. Ngoài ra, thông qua website dịch vụ SV; người học có thể xem điểm thi tích lũy, điểm thi học kỳ trực tuyến thông qua tài khoản quản lý của mình sau khi Phòng Khảo thí và ĐBCL tiến hành kiểm dò và nhập điểm vào hệ thống [H04.04.05.01-02].

Trước khi tiến hành nhập điểm vào hệ thống Edusoft, bài thi, bảng điểm thi được kiểm dò, đảm bảo độ chính xác. Toàn bộ bài thi và bảng điểm được lưu trữ đầy đủ, bảo mật tại Kho lưu trữ của Phòng Khảo thí và ĐBCL; Quy trình nhận bài thi sau khâu tổ chức thi, giao bài, nhận lại bài đã chấm và bảng điểm được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc. Trung tâm Quản lý hệ thống thông tin quản lý về việc phân quyền trên toàn hệ thống Edusoft đảm bảo việc an toàn, bảo mật dữ liệu cho hệ thống [H04.04.05.03-05].

Việc cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ của Trường luôn tuân thủ theo đúng quy định và được công bố trên website của Trường. Hệ thống sổ sách lưu giữ việc cấp phát bằng tốt nghiệp cho từng đợt rõ ràng. Trước các đợt xét tốt nghiệp, Trường đều thông tin đầy đủ về thời gian xét tốt nghiệp, danh sách dự kiến những người đủ điều kiện xét tốt nghiệp, giải đáp thỏa đáng các khiếu nại, bổ sung của SV. Sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, Trường đều cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trước khi người tốt nghiệp nhận được bằng chính thức [H04.04.05.06-09].

2. Điểm mạnh:

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời và được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Tin học hóa trong việc lưu trữ, quản lý kết quả học tập tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý cũng như việc truy cập theo dõi kết quả học tập của người học.

Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và có hệ thống sổ theo dõi việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ đầy đủ.

3. Tồn tại:

Bản gốc bài thi, điểm thi sau khi công bố kết quả thi sẽ được chuyển lưu trữ tại Kho của Cơ sở 3 - Bình Dương nên không thuận tiện khi cần rút bài, giải quyết khiếu nại điểm thi cho SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2016-2017, Phòng Hành chánh – Quản trị bố trí cho Phòng Khảo thí và ĐBCL một phòng kho lưu trữ bài thi tại cơ sở Võ Văn Tần hoặc Hồ Hảo Hớn để thuận tiện cho việc lưu trữ bài và bảng điểm đã tổ chức thi.

Phòng Khảo thí và ĐBCL nghiên cứu và ứng dụng barcode vào quản lý bài thi, bảng điểm thi.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Là một trường đa ngành với nhiều bậc, hệ đào tạo ở các địa bàn khác nhau, ngay từ những năm đầu thành lập Trường đã từng bước hình thành cho riêng mình một hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo, trong đó bao gồm hệ thống dữ liệu tuyển sinh, dữ liệu học tập - điểm thi trong khoá học, dữ liệu tốt nghiệp cho tất cả các hệ đào tạo.

Hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo được tổ chức dưới 02 hình thức:

- Kiểu truyền thống trên giấy tờ, văn bản: hệ thống hồ sơ, thông báo tuyển sinh, hồ sơ đăng ký tuyển sinh, biên bản xét tốt nghiệp của SV các khóa - hệ đào tạo, các phiếu đăng ký nhập học, hệ thống các bảng điểm của các khóa, hệ thống hồ sơ nhập học và gọi nhập học của các khóa – hệ đào tạo. Trường có Kho lưu trữ ở Cơ sở 3 - Bình Dương [H04.04.06.01-04].

- Loại dữ liệu có thể lưu trữ trên hệ thống đĩa CD, DVD... từ đó có thể truy cập trên hệ thống máy tính thông qua hệ thống Edusoft mà Trường đã đầu tư và sử dụng xuyên suốt từ năm 1995 đến nay. Nhằm truy xuất thông tin thông suốt và độc

lập, Trường đã đầu tư hệ thống mạng, phần mềm và phần cứng cho riêng biệt từng bậc-hệ đào tạo Đại học chính quy, Đại học GDTX, Sau đại học với các máy chủ khác nhau, có bộ phận chuyên trách là Trung tâm Quản lý hệ thống thông tin phụ trách và định kỳ được bảo trì, nâng cấp, sao lưu dự phòng [H04.04.06.05-06].

Hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo được cập nhật định kỳ theo qui trình qua các học kỳ. Người học đều có thể theo dõi các thông tin cá nhân thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu Edusoft này [H04.04.06.07].

Đối với SV tốt nghiệp, Trường lưu trữ thông tin của SV trên hệ thống Edusoft và trong Sổ cấp bằng tốt nghiệp theo quy định. Danh sách SV tốt nghiệp được đăng tải công khai ở website của Trường [H04.04.06.08].

Từ năm 2012, Trường đã xây dựng hệ thống thông tin SV các khoá với đầy đủ số điện thoại liên lạc và địa chỉ Email để qua đó Trường có thể gửi các thông báo cần thiết đến đúng người, đúng địa chỉ một cách nhanh chóng, hiệu quả [H04.04.06.09].

Tình hình sinh viên tốt nghiệp

Đối với SV tốt nghiệp, Trường đã định kỳ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến tình hình việc làm và thu nhập của SV khi tốt nghiệp ra Trường. Theo thống kê, tỷ lệ SV tốt nghiệp của Trường đúng hạn khoảng 70%. SV không hoàn thành khóa học vì rất nhiều lý do, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do SV không thích nghi với môi trường học đại học (tính tự học) nên học tập không đạt kết quả tốt; cảm thấy ngành học chưa phù hợp nên nghỉ học để thi lại một ngành mới, đi du học... [H04.04.06.09].

Tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp

Để đánh giá tỷ lệ có việc làm và thu nhập của SV tốt nghiệp, Trường đã thực hiện việc khảo sát SV tốt nghiệp vào 2 đợt chính do Phòng QLĐT và Phòng CTSV thực hiện:

- Đợt 1 là khi SV nhận bằng tốt nghiệp để đánh giá khả năng có việc làm và thu nhập của SV Trường ngay khi tốt nghiệp khoảng 3-6 tháng [H04.04.06.10-11].

- Đợt 2 là sau khi SV tốt nghiệp 1 năm và đánh giá tình hình việc làm và thu nhập của SV [H04.04.06.12-13].

Cả 2 đợt khảo sát này đều thực hiện với quy mô lớn và đây là cơ sở để các khoa và Trường đánh giá lại việc tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội của Trường để có hướng bổ sung và điều chỉnh kịp thời nội dung đào tạo.

Đối với học viên cao học, do đa số học viên đang làm việc khi đi học nên Trường chỉ tập trung khảo sát sự hài lòng và tính hữu dụng trong thực tế công việc của CTĐT của học viên tốt nghiệp mà thôi. Dựa vào kết quả khảo sát này, Trường cũng có các chính sách điều chỉnh CTĐT và cách thức đào tạo cho phù hợp với xã hội [H04.04.06.14-15].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống tổ chức, lưu trữ, bảo quản và truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo đã đi vào ổn định và nề nếp để phục vụ cho công tác QLĐT và cho người học, mặc dù còn trong điều kiện hạn chế về kinh phí.

Có kế hoạch và sự phối hợp giữa các đơn vị quản lý Phòng QLĐT, Phòng CTSV và các Khoa trong việc hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về SV tốt nghiệp và tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp hệ chính quy.

Việc khảo sát SV ngay khi tốt nghiệp (3-6 tháng) được thực hiện từ năm 2009 đến nay nên đã có cơ sở dữ liệu đầy đủ.

Khả năng có việc làm của SV Trường cao và thu nhập của SV ra trường tốt.

3. Tồn tại:

Việc khảo sát SV sau tốt nghiệp 01 năm chỉ thực hiện từ năm 2014 trở lại đây, giai đoạn từ 2011-2013 chưa được thực hiện nên chưa có dữ liệu cho những nội dung này.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục tổ chức khảo sát tình hình việc làm của SV 2 lần/năm như hiện nay (một lần đối với SV tốt nghiệp 3-6 tháng và một lần với SV tốt nghiệp một năm) để

hoàn thiện cơ sở dữ liệu liên quan đến SV tốt nghiệp và tình hình việc làm sau tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra Trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả:

Trong quá trình đào tạo Trường luôn quan tâm đến việc không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường mà còn quan tâm đến khả năng kiếm việc làm và tính cạnh tranh của SV sau khi ra trường bằng việc dễ dàng tìm việc làm, thu nhập cao, mức độ đáp ứng công việc. Do đó, Trường có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các bên có liên quan.

CTĐT của Trường ban hành từ năm 2009 và hàng năm có sự điều chỉnh cho phù hợp. Tuy nhiên, năm 2015, Trường có kế hoạch điều chỉnh lớn và có đánh giá chất lượng đào tạo quy mô tổng thể để hoạt động đào tạo của Trường phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Bằng nhiều hình thức và nhiều hoạt động khác nhau như gửi phiếu điều tra, tổ chức các buổi hội thảo về nâng cao chất lượng đào tạo, tổ chức hội thảo cấp khoa về CTĐT hiện hành, trong quá trình rà soát, chỉnh sửa, cải tiến, bổ sung định kỳ CTĐT để thay đổi CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn [H04.04.07.01].

Các hình thức được triển khai như:

- Khi SV tốt nghiệp, Trường thực hiện khảo sát SV. Trong đó, có khảo sát CTĐT, chất lượng phục vụ của các đơn vị, ... và kết quả khảo sát đánh giá của cựu SV đối với CTĐT và được gửi đến BGH và Khoa để đánh giá và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với yêu cầu xã hội [H04.04.07.02-03].
- Khi xây dựng CTĐT, các khoa có mời cựu SV và người sử dụng lao động tham gia vào việc góp ý CTĐT [H04.04.07.04].

- Trường thường tổ chức họp mặt cựu SV và học viên để nghe phản ánh và nắm bắt tình hình công việc của học viên sau khi tốt nghiệp [H04.04.07.05].

- Công tác rà soát, chỉnh lý CTĐT của các Khoa/Ban đều được thực hiện theo đúng qui trình, biểu mẫu theo quy định cùng hướng dẫn của Bộ GD-ĐT. Phòng QLĐT là đơn vị tham mưu và hỗ trợ các Khoa/Ban thực hiện đúng kế hoạch. Hoạt động này nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Trường trong phạm vi nội bộ một cách kịp thời nhất [H04.04.07.06].

- Ngoài ra, định kỳ theo kế hoạch hàng năm của các Khoa và Trường tổ chức khảo sát, các buổi hội thảo với sự tham dự của đại diện các tổ chức kinh tế, các nhà tuyển dụng, các cựu SV để thu thập ý kiến từ phía người sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo và cung cấp, từ đó kịp thời điều chỉnh những chủ trương và giải pháp đảm bảo chất lượng [H04.04.07.07].

Việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo được thực hiện theo từng ngành đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của từng ngành học. Số lượng và nội dung khảo sát cựu SV và người sử dụng lao động như sau [H04.04.07.08]:

Khảo sát cựu sinh viên theo từng ngành học như sau:

Số phiếu khảo sát cựu SV là 1.734, trong đó số phiếu của từng ngành: Ngành Quản trị kinh doanh là 213; Ngành Kế toán – Kiểm toán là 185; Ngành Tài chính – Ngân hàng là 609; Ngành Xây dựng là 107; Ngành Khoa học máy tính là 28; Ngành Hệ thống thông tin quản lý là 16; Ngành Công nghệ sinh học là 43; Ngành Kinh tế học là 170; Ngành Luật Kinh tế là 209; Ngành Đông Nam Á học là 7; Ngành Công tác Xã hội là 11; Ngành Ngôn ngữ Anh là 94; Ngôn ngữ Trung Quốc là 12; và Ngôn ngữ Nhật là 30.

Ý kiến của cựu SV tập trung vào CTĐT, chương trình kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành, và các môn bổ trợ. Bên cạnh đó, cựu SV góp ý những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, quản lý quỹ thời gian, kỹ năng giao tiếp, chuẩn bị hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc...

Khảo sát đơn vị sử dụng lao động như sau:

Số phiếu khảo sát DN (đơn vị sử dụng lao động) là 562, trong đó: Ngành Quản trị kinh doanh là 44; Ngành Kế toán – Kiểm toán là 30, Ngành Tài chính – Ngân hàng là 255; Ngành Xây dựng là 20; Ngành Khoa học máy tính là 10; Ngành Hệ thống thông tin quản lý là 9; Ngành Công nghệ sinh học là 13; Ngành Kinh tế học là 81; Ngành Luật Kinh tế là 69; Ngành Công tác Xã hội là 15; Ngành Ngôn ngữ Anh là 7; Ngôn ngữ Trung Quốc là 5; và Ngôn ngữ Nhật là 4.

Ý kiến của người sử dụng lao động được hỏi tập trung vào nội dung CTĐT và đánh giá năng lực của SV sau khi ra trường về chuyên môn, kỹ năng, thái độ và tác phong làm việc, về tinh thần học hỏi và cầu tiến...

2. Điểm mạnh:

Trường có quan hệ rộng với các doanh nghiệp, các tổ chức, các địa phương là nơi sẽ sử dụng phần lớn nguồn nhân lực, vì vậy việc thu thập ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo từ người sử dụng lao động có nhiều thuận lợi.

Có bộ phận phụ trách triển khai hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV và doanh nghiệp.

3. Tồn tại:

Dữ liệu liên lạc với SV đã tốt nghiệp (cựu SV) chưa được cập nhật liên tục.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục định kỳ thực hiện việc khảo sát cựu SV.

Khảo sát ý kiến của hiệp hội nghề nghiệp và người tuyển dụng về nhu cầu đào tạo của xã hội.

Tiếp tục mời cựu SV và học viên, doanh nghiệp tham gia xây dựng CTĐT để điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người học, Trường đã đa dạng hóa các hình thức đào tạo, các bậc đào tạo. Từ năm 2009, Trường đã tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ đồng thời có biện pháp đảm bảo quyền lợi người học theo niên chế trước đây.

Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá luôn được cải tiến, đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ người học, đáp ứng nhu cầu xã hội tốt hơn. Công tác đánh giá đảm bảo được tính công bằng, nghiêm túc, chính xác và được tiến hành theo cả quá trình học, từ kiến thức chuyên môn đến kỹ năng thực hành.

Việc cấp bằng, chứng chỉ, bảng điểm người học được tiến hành kịp thời, đúng quy định. Kết quả học tập của người học được thông báo công khai và cập nhật thường xuyên thông qua hệ thống website, đảm bảo tính an toàn, bảo mật, kịp thời, chính xác; thông tin về SV tốt nghiệp được đăng tải trên website Trường để tiện tra cứu, thẩm tra.

Trường đã từng bước cải tiến chất lượng đào tạo và dịch vụ phục vụ đáp ứng nhu cầu xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của SV tốt nghiệp.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **07** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu:

Đảng ủy và BGH Trường đã xác định đội ngũ nhân lực của Trường có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thực thi sứ mạng, mục tiêu, chiến lược của Trường. Vì vậy, Trường luôn chú trọng xây dựng, củng cố một đội ngũ CB-VC, GV có đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững, có tinh thần học hỏi cầu tiến trong công việc.

Kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB-VC, GV được thực hiện hàng năm. Quy trình và tiêu chí về quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý rất rõ ràng, minh bạch đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường.

Quy chế dân chủ tại cơ sở được tôn trọng; người lao động được quan tâm và chăm lo đầy đủ theo đúng các quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện Trường. Trường cũng có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng dạy được phát triển đủ tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, không ngừng học tập nâng cao trình độ. Đội ngũ GV thường xuyên được bổ sung, được trẻ hóa, trở thành một tập thể năng động, chất lượng, đảm nhiệm việc giảng dạy và tham gia NCKH với chất lượng đảm bảo. CB-VC, GV luôn thể hiện sự nỗ lực của bản thân, đồng thời được Trường tạo mọi điều kiện để nâng cao khả năng ngoại ngữ, tin học và kiến thức chuyên môn. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên của Trường đủ về số lượng, có đủ tư cách và chuyên môn để phục vụ tốt người học.

Chủ trương “Xây dựng đội ngũ GV và đội ngũ nhân viên đủ năng lực và phẩm chất, đáp ứng mục tiêu phát triển của Trường” được thể hiện xuyên suốt trong quá trình tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, đào tạo nguồn nhân lực của Trường.

Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả:

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016, đội ngũ CB-VC của Trường là 582 người, trong đó có 3 Giáo sư, 14 Phó Giáo sư, 91 Tiến sĩ (18,5%), 297 Thạc sĩ (51%), 147 cử nhân (25,3%) và trình độ khác là 30 người (5.2%), trong đó có 72 người có bằng tiến sĩ và 90 người có bằng thạc sĩ do nước ngoài đào tạo [H05.05.01.01].

Để công tác tuyển dụng được rõ ràng, minh bạch, Trường đã ban hành Quy trình tuyển dụng chuyên viên các đơn vị trực thuộc và Quy trình tuyển dụng GVCH. Ngoài ra, Trường cũng đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm, trong đó nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng, quy trình tuyển chọn và nhu cầu tuyển dụng dựa trên nguồn nhân lực hiện có, kế hoạch công tác và nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị. Nhiều năm qua, công tác tổ chức tuyển dụng được triển khai tích cực, nghiêm túc. Các tiêu chí, nhu cầu, vị trí tuyển dụng được công khai cùng với thông báo tuyển dụng trên website của Trường và báo chí. Qua 5 năm triển khai từ năm học 2011-2012 đến 2015-2016, Trường đã tuyển dụng mới 313 CB-VC, gồm 3 giáo sư, 1 phó giáo sư, 80 tiến sĩ (55 người đào tạo ở nước ngoài), 169 thạc sĩ (82 người đào tạo ở nước ngoài), 55 cử nhân, 05 trình độ khác [H05.05.01.02-05].

Về công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ: Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2015-2018 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm. Song song với việc phát triển đội ngũ về số lượng, Trường cũng quan tâm đến chất lượng đội ngũ. Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các GV trẻ, các GV mới tuyển dụng để hòa nhập với môi trường và công việc mới; phối hợp với các đơn vị có chức năng để mở lớp đào tạo, bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm, Triết học Sau đại học. Đội ngũ nhân viên cũng được cử tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2016 đã có 58 CB-VC được chấp thuận cho đi học tiến sĩ (26 CB-VC học trong nước, 32 CB-VC học ở nước ngoài) và 27 CB-VC đi học thạc sĩ (16 CB-VC học trong nước, 11 CB-VC học ở nước ngoài) [H05.05.01.06-07].

Về công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý: Thực hiện Hướng dẫn số 65-HD/BCSD ngày 08/06/2012, Hướng dẫn số 139-HD/BCSD ngày 19/09/2014 của Ban Cán sự Đảng Bộ GD&ĐT, Trường đã thực hiện công tác quy hoạch cán bộ và gửi kết quả quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2013-2018 theo Báo cáo số 983/ĐHM ngày 18/09/2012 và nhiệm kỳ 2018 – 2023 theo Báo cáo số 1163/BC-ĐHM-TCNS ngày 08/10/2015 về Ban Cán sự Đảng Bộ GD&ĐT [H05.05.01.08].

Trường đã ban hành các quy định về quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Mở TP.HCM nhiệm kỳ 2013 – 2018 và Quy định về quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường ĐH Mở TP.HCM nhiệm kỳ 2013 – 2018. Nhờ đó mà công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ của Trường đã được thực hiện một cách công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định. Trong giai đoạn 2011-2016, Trường đã bổ nhiệm 23 vị trí quản lý cấp đơn vị trực thuộc Trường. Hầu hết các CB-VC được bổ nhiệm có độ tuổi khá trẻ từ 29 đến 45 tuổi và đạt trình độ đúng theo quy định (8 tiến sĩ, 14 thạc sĩ) [H05.05.01.09-10].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ CB-VC của Trường phát triển mạnh về số lượng và chất lượng trong những năm qua tạo nền tảng vững chắc cho Trường thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra. Nhiều giảng viên tuyển dụng mới được đào tạo ở nước ngoài.

Kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB-VC được thực hiện thường xuyên, chú trọng đến chất lượng đội ngũ và đảm bảo về số lượng để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý của Trường và các đơn vị trực thuộc Trường được thực hiện nghiêm túc, đã đáp ứng được mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện thực tế của Trường.

Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch và được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định.

3. Tồn tại:

Chưa xây dựng hoàn thiện các quy định tập sự mới phù hợp với từng học vị của GV để giúp các GV mới tuyển có thể nhanh chóng phát huy năng lực và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc mới.

Đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ ở một số ngành còn ít. Việc tuyển dụng GV có trình độ tiến sĩ gặp nhiều khó khăn ở một số ngành đặc thù.

Việc đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện đều đặn, định kỳ.

4. Kế hoạch hành động:

Trường tiến hành rà soát và xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, chế độ tập sự trong năm học 2016-2017.

Trường tiếp tục có chính sách mạnh mẽ nhằm thu hút GV có trình độ tiến sĩ. Có kế hoạch và hỗ trợ giảng viên đi học tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước. Đảm bảo mục tiêu đến cuối năm 2020 có ít nhất 40% GV đạt trình độ tiến sĩ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong Trường học

1. Mô tả:

Trường đã xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ của trường, chủ động tạo môi trường dân chủ để mọi công chức, viên chức và nhân viên được tham gia góp ý đối với các nội quy, quy chế, kế hoạch, chủ trương, chế độ, chính sách của Trường, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính, đào tạo, tuyển dụng, nhân sự, chế độ làm việc, quản lý NCKH [H05.05.02.01].

Các kế hoạch chiến lược dài hạn, nội quy, quy định của trường đều được đưa ra lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trước khi ban hành [H05.05.02.02].

Hàng năm, trước khi tổ chức Hội nghị CB-VC, Công đoàn Trường đều tổ chức lấy ý kiến đóng góp của toàn thể CB-VC, tổng hợp những ý kiến này và báo cáo trước Hội nghị. Hội nghị CB-VC của Trường đều có sự tham dự của đại diện lãnh đạo cơ quan Bộ GD&ĐT, Đảng bộ Khối các Trường Đại học – Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp, đại diện của các cơ quan Công đoàn cấp trên; thông qua phát biểu tại Hội nghị, lãnh đạo cấp trên đều đánh giá Trường đã thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở [H05.05.02.03].

Trong thực hiện, ngoài việc CB-VC được tham gia đóng góp ý kiến về các hoạt động của trường, CB-VC còn được thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. Để thực hiện tốt vấn đề này, Trường đã ban hành quy chế tiếp công dân. Trong đó nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại tố cáo cũng như trách nhiệm của người tiếp công dân và quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong 5 năm từ ngày 01/7/2012 đến 30/6/2016, Trường đã nhận được 7 đơn khiếu nại, 3 đơn tố cáo. Tất cả đều được giải quyết dứt điểm hoặc hướng dẫn liên hệ cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Kết quả giải quyết được thông báo trực tiếp cho CB-VC và các bên có liên quan [H05.05.02.04-05].

Trường có đặt hộp thư góp ý tại tất cả các cơ sở và địa điểm học tập của Trường. Các hộp thư này được kiểm tra thường xuyên để có thể nhanh chóng tiếp nhận ý kiến và có hướng giải quyết kịp thời. Ban Thanh tra nhân dân và Phòng Thanh tra trực tiếp tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của CB-VC; nhanh chóng chuyển đến lãnh đạo Trường để giải quyết [H05.05.02.06].

Trường đã tổ chức lấy thư giới thiệu và phiếu tín nhiệm đối với các vị trí lãnh đạo: Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng cho nhiệm kỳ 2013 – 2018. CB-VC các đơn vị cũng đã thực hiện quyền giới thiệu và có ý kiến tín nhiệm đối với các vị trí lãnh đạo cấp đơn vị, giúp BGH có thêm thông tin khách quan trong việc ra quyết định bổ nhiệm nhân sự [H05.05.02.07].

Hàng năm, Trường đều tổ chức tổng kết công tác cuối năm học, tiến hành đánh giá CB-VC theo quy định và xét thi đua, khen thưởng cho toàn thể CB-VC. Thông qua các cuộc họp này, lãnh đạo đơn vị, CB-VC trong đơn vị và Tổ trưởng Công đoàn đã trao đổi, góp ý thẳng thắn cho từng CB-VC để cùng nhau làm việc ngày càng tốt hơn [H05.05.02.08].

Trường đã thành lập các hội đồng như: Hội đồng Trường, Hội đồng tư vấn khoa học và đào tạo, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thi đua – khen thưởng, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường để tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc triển khai các hoạt động của Trường vừa đảm bảo đúng quy định, vừa đảm bảo tính công khai, minh bạch [H05.05.02.09].

2. Điểm mạnh:

Trường đã tạo được môi trường dân chủ trong toàn thể CB-VC của Trường. Mọi người được đảm bảo quyền dân chủ và đều có thể tham gia đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng cho Trường, đơn vị và từng cá nhân. Các hoạt động của Trường tập trung vào hướng đảm bảo phát huy tính dân chủ cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi giúp cho các tổ chức đoàn thể thể hiện vai trò tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nội bộ Trường hoạt động tốt, không có các vụ việc nổi cộm, phức tạp về khiếu nại, tố cáo.

3. Tồn tại:

Công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, quy định mới của Nhà nước và Trường đến với một số CB-VC còn chưa kịp thời và đầy đủ, do đó, gián tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như hiệu quả thực hiện công việc được giao.

4. Kế hoạch hành động:

Các đơn vị có liên quan sẽ đẩy mạnh và đổi mới cách phổ biến, thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách, quy định mới của Trường nhằm đảm bảo tính kịp thời, công khai, minh bạch.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả:

Trường đã ban hành quy định đi học của CB-VC, trong đó có quy định rõ ràng các chế độ, chính sách hỗ trợ về thời gian và tài chính cho CB-VC khi tham gia học tập nâng cao trình độ, hoặc nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn của mình; quy định đi nước ngoài đối với CB-VC Trường quy định trách nhiệm của cá nhân và đơn vị liên quan đến việc ra nước ngoài học tập, tham dự các hội nghị, hội thảo; quy định NCKH, quy chế chi tiêu nội bộ có các quy định liên quan đến định mức khen thưởng, hỗ trợ các viên chức đi học tập, tham dự hội thảo và có thành tích NCKH. Trên cơ sở đó, nhiều viên chức đã được hỗ trợ kinh phí học tập, tham dự hội thảo và khen thưởng khi có các thành tích trong học tập và NCKH trong thời gian qua [H05.05.03.01-04].

Với các chế độ, chính sách đã được quy định, trong giai đoạn 2011 – 2016, đã có 58 CB-VC được chấp thuận cho đi học Tiến sĩ và 27 CB-VC đi học thạc sĩ, trong đó có 43 trường hợp đi học ở nước ngoài và 42 trường hợp học các chương trình trong nước. Trường đã triển khai phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ cho các viên chức lập hồ sơ xin xét học bổng học tập ở nước ngoài từ Ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn học bổng khác. Trong giai đoạn 2011-2016, đã có 08 CB-VC của Trường được cấp học bổng du học theo chương trình 911 và 07 CB-VC được cấp học bổng theo chương trình 322 [H05.05.03.05-06].

Ngoài các CTĐT dài hạn, Trường cũng tạo điều kiện để các CB-VC có thể học tập, bồi dưỡng thêm về chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tham dự các hội nghị, hội thảo và các lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn. Theo dõi và cử CB-VC tham dự các lớp học về Quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính và các lớp ngắn hạn khác như tập huấn về công tác pháp chế, công tác quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; ĐBCL; tập huấn nghiệp

vụ bảo vệ, nghiệp vụ lái xe, văn thư lưu trữ; nghiệp vụ thư viện, đào tạo GV khởi sự doanh nghiệp. Trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề cho CB-VC tham dự [H05.05.03.07].

Nhờ có những chính sách trên, Trường đã đào tạo và bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ quản lý và GV có học vị ngày càng cao, có kiến thức chuyên môn sâu rộng, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hiện nay, tỷ lệ cán bộ quản lý và GV có trình độ sau đại học đã đạt 98.5%, trong đó tỷ lệ có học vị Tiến sĩ là 26.4% phần đầu đến năm 2020 tỷ lệ cán bộ quản lý và GV có trình độ sau đại học đạt 100%, tỷ lệ cán bộ quản lý và GV có học vị Tiến sĩ là 40% và đến năm 2030 tỷ lệ cán bộ quản lý và GV có học vị Tiến sĩ là 80% như mục tiêu đã đề ra trong định hướng quy hoạch phát triển đơn vị giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H05.05.03.08].

2. Điểm mạnh:

Quy định rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ của CB-VC trong việc tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là trong học tập nâng cao trình độ, đã có nhiều tác động tích cực đến CB-VC. Nhiều giảng viên Trường được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

Xây dựng kế hoạch dài hạn về đào tạo và bồi dưỡng, giúp cho các đơn vị chủ động hơn trong việc sắp xếp công việc và cử CB-VC tham gia học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

Số lượng CB-VC có học hàm, học vị cao ngày càng tăng, góp phần tích cực vào hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của Trường.

Ban hành nhiều chính sách đãi ngộ kịp thời để khuyến khích các GV có học vị cao về Trường công tác.

3. Tồn tại:

Quy định đi học của CB-VC có những điểm không còn phù hợp trong điều kiện hiện nay của Trường và cũng không phù hợp với các văn bản mới ban hành của cơ quan cấp trên.

Một số giảng viên có trình độ thạc sĩ chưa tích cực để học tập lên tiến sĩ.

Một số CB-VC phòng ban còn chưa tích cực tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ điều chỉnh, bổ sung và ban hành quy định mới về việc đi học của CB-VC đang công tác tại Trường.

Trường và các Khoa sẽ có kế hoạch chi tiết để nâng cao trình độ đội ngũ giảng từ thạc sĩ lên tiến sĩ, khuyến khích và hỗ trợ việc chuẩn bị của các GV trong việc lập hồ sơ xin xét tuyển các chương trình học bổng.

Trường sẽ lập kế hoạch chi tiết để bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên các đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

Trong giai đoạn 2011-2016, qua hai lần tổ chức quy hoạch cán bộ theo Hướng dẫn số 65-HD/BCSD ngày 08/06/2012 và Hướng dẫn số 139-HD/BCSD ngày 19/09/2014 của Ban Cán sự Đảng Bộ GD&ĐT đã giúp cho Trường rà soát, đánh giá, lựa chọn những CB-VC để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý. Tính đến 06/2016, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường từ cấp bộ môn trở lên có 79 người, trong đó có 24 tiến sĩ, 9 Phó Giáo sư, 37 thạc sĩ, 9 cử nhân. Các cán bộ quản lý đều có trình độ và chuyên môn phù hợp với vị trí mà họ đảm nhận [H05.05.04.01-02].

Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường, trong đó có quy định về tiêu chuẩn cho các chức danh quản lý khoa, phòng ban trên cơ sở các quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ Trường đại học; việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cũng được thực hiện theo quy định thông qua ý kiến của toàn thể CB-VC trong đơn vị, ý kiến của cán bộ chủ chốt, ý kiến cấp ủy và thông qua BCH Đảng bộ trước khi ký quyết định ban hành. Từ đó, việc bố trí cán bộ quản lý với cơ cấu hợp

lý đã giúp cho công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Trường đạt hiệu quả [H05.05.04.03-04].

Trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, trong đó có nêu rõ yêu cầu và chế độ làm việc của lãnh đạo các đơn vị [H05.05.04.05].

Hệ thống giao việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc được tiến hành có hệ thống, khoa học, rõ ràng, minh bạch nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho CB-VC thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ quản lý luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được viên chức trong đơn vị tín nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị là thước đo đánh giá cán bộ quản lý. Trong giai đoạn từ năm 2011 - 2016 đã có nhiều tập thể và cán bộ quản lý được tặng thưởng bằng khen, danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và huân chương lao động [H05.05.04.06].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đang được trẻ hóa và có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, năng lực quản lý phù hợp với sự phát triển của Trường, phát huy vai trò hạt nhân tích cực trong các hoạt động.

3. Tồn tại:

Một số cán bộ quản lý hiện phải kiêm nhiệm nhiều vị trí do còn một số đơn vị có cán bộ quản lý trẻ và đang được hướng dẫn, đào tạo để có thể đảm nhận chức vụ trưởng đơn vị trong thời gian tới.

4. Kế hoạch hành động:

Triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ để chuẩn bị cho nhiệm kỳ 2018 – 2023. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm đánh giá, lựa chọn và giới thiệu viên chức trong đơn vị để đề xuất đưa vào quy hoạch cán bộ quản lý nhằm có sự chuẩn bị tốt cho nhân sự kế thừa.

Triển khai kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

Tiếp tục duy trì việc giới thiệu cán bộ quản lý đi bồi dưỡng, tập huấn, tham dự hội thảo ở trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên cơ hữu để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả:

Trường ĐH Mở TP.HCM là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực và NCKH, tư vấn trong lĩnh vực khoa học kinh tế, quản trị kinh doanh, khoa học xã hội, công nghệ và kỹ thuật. Trường hướng đến mục tiêu trở thành trường đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong khu vực về đào tạo, NCKH và tư vấn phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập. Trong thời gian qua, Trường luôn nỗ lực xây dựng đội ngũ GV cả về số lượng lẫn chất lượng để đảm bảo thực hiện công tác đào tạo và NCKH của Trường; phấn đấu đạt mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển Trường vào năm 2018 và dự kiến đến năm 2023. Hàng năm, Trường tổ chức từ 1 đến 2 đợt tuyển dụng GVCH nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu nhân sự của các đơn vị đào tạo. Tiêu chuẩn tuyển dụng GV cũng dần được nâng lên như chỉ tuyển GV có trình độ thạc sĩ, ưu tiên tốt nghiệp ở những trường có uy tín trong và ngoài nước hoặc đã có kinh nghiệm làm việc, giảng dạy. Đặc biệt, từ năm học 2015-2016, Trường chỉ tuyển dụng GV có trình độ Tiến sĩ (trừ một số ngành còn thiếu GV hoặc mới mở) [H05.05.05.01-02].

Tại thời điểm 30/06/2016, đội ngũ GV của Trường có 409 người, tăng 154 người (60%) so với thời điểm 30/06/2012 chỉ có 255 người.

Bảng 5.5.1: Thống kê đội ngũ GVCH theo trình độ đào tạo

Đơn vị tính: người

Trình độ/học vị	Số lượng GV	
	Tại thời điểm 30/6/2012	Tại thời điểm 30/6/2016
Giáo sư, Viện sĩ	1	3

Trình độ/học vị	Số lượng GV	
	Tại thời điểm 30/6/2012	Tại thời điểm 30/6/2016
Phó Giáo sư	9	14
Tiến sĩ	55	91
Thạc sĩ	177	295
Đại học	13	6
Tổng cộng	255	409

Nguồn: Phòng TC-NS cập nhật 30/6/2016

Qua số liệu thống kê, có thể thấy đội ngũ GV tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Với số lượng đội ngũ GV và quy mô đào tạo hiện nay thì tỷ lệ SV/GV của Trường là 21.57, đảm bảo tỷ lệ SV/GV đúng quy định [H05.05.05.03].

Hiện tại, Trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo 18 CTĐT trình độ đại học, 6 CTĐT trình độ cao học và 2 CTĐT trình độ tiến sĩ, thực hiện theo học chế tín chỉ và 1 năm học được tổ chức thành 3 học kỳ. Đội ngũ GV phụ trách của từng CTĐT đạt trên 70%, trừ 1 số ngành còn thiếu như ngành Đông Nam Á, ngành Xã hội học, ngành Công tác xã hội, ngành Tiếng Nhật [H05.05.05.04].

Về NCKH: song song với công tác giảng dạy, GV được Trường khuyến khích tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức như thực hiện đề tài NCKH các cấp; hướng dẫn SV NCKH; viết bài và tham dự hội nghị, hội thảo, đăng tạp chí; viết giáo trình, tài liệu học tập; tham gia thu thập bài giảng, biên soạn giáo trình điện tử, bài giảng trực tuyến. Tất cả các hoạt động này đều được GV thực hiện một cách nghiêm túc, đạt chất lượng cao và phục vụ trực tiếp cho hoạt động giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và nghiên cứu của GV [H05.05.05.05].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ GV được đào tạo bài bản, đúng chuyên môn giảng dạy; số GV được đào tạo ở các trường có uy tín ở ngoài nước ngày càng tăng.

Tỷ lệ GV có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ cao (98, 5%). Đội ngũ GV trẻ năng động và đầy nhiệt huyết.

Đảm bảo tỷ lệ SV/GV theo đúng quy định.

3. Tồn tại:

Hoạt động NCKH của GV chưa đều; số đề tài cấp Bộ, cấp thành và các nghiên cứu công bố quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Trong những năm tiếp theo, Trường tiếp tục tuyển dụng bổ sung GV có trình độ tiến sĩ để đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Lãnh đạo các Khoa chủ động đề xuất kế hoạch học tập, nâng cao trình độ của các GV và các hoạt động chuyên môn khác.

Tiếp tục có chính sách khuyến khích mạnh mẽ để GV tích cực tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng nhu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Trường chủ trương tăng cường đội ngũ GV cả về số lượng lẫn chất lượng, ưu tiên về chất lượng. Đội ngũ GV tại thời điểm 30/06/2016 là 409 người, trong đó có 03 Giáo sư, 14 Phó Giáo sư, 91 Tiến sĩ, 295 Thạc sĩ, 06 Cử nhân (02 GV đang học ThS, 02 GV đang học TS ở nước ngoài và 02 GV dạy môn GDTC). Tỷ lệ GV có trình độ sau đại học là 98,5%. Trường phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo đạt tiêu chuẩn “100% GV đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên” như giải pháp về chuẩn hóa đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ nhà giáo mà Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra [H05.05.06.01-02].

Hiện Trường có 18 CTĐT trình độ đại học, 06 CTĐT trình độ cao học và 02 CTĐT trình độ tiến sĩ, trong đó các CTĐT ngành Đông Nam Á, ngành Công tác xã hội, ngành Ngôn ngữ Nhật còn thiếu GVCH phụ trách, các CTĐT còn lại đều đạt tỷ

lệ trên 70% GVCH phụ trách giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, đảm bảo cơ cấu mỗi CTĐT có ít nhất 01 tiến sĩ và 05 thạc sĩ đúng chuyên ngành [H05.05.06.03].

Về Tin học, tất cả GV của Trường đều phải ứng dụng tin học vào công tác chuyên môn, có khả năng ứng dụng các phần mềm phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH. Trường đã triển khai, giao nhiệm vụ cho các Khoa trong việc thực hiện thu thập bài giảng, biên soạn bài giảng online và bài giảng đa phương tiện. BCH Công đoàn Trường định kỳ hàng năm tổ chức cuộc thi “*Bài giảng điện tử của tôi*” thu hút nhiều GV tham gia nhằm tuyên dương và khuyến khích GV ứng dụng CNTT trong biên soạn bài giảng [H05.05.06.04].

Về Ngoại ngữ, với tỷ lệ GV có trình độ sau đại học là 98,5% và tỷ lệ GV được đào tạo ở nước ngoài là 40% thì đa số GV đạt trình độ từ C hoặc tương đương C trở lên và có thể sử dụng thông thạo ngoại ngữ trong giảng dạy hoặc học tập, trao đổi kinh nghiệm với GV nước ngoài [H05.05.06.05].

Trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn về đào tạo – bồi dưỡng CB-VC giai đoạn 2015-2018 và đang xem xét điều chỉnh quy định đi học của Trường theo hướng khuyến khích hơn nữa việc học tập nâng cao trình độ của CB-VC, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo đạt trình độ chuẩn của các quy định về các chức danh công tác [H05.05.06.06].

Trường luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để CB-VC có thể phát huy khả năng của mình, khuyến khích GV tham gia NCKH, tham dự các hội thảo quốc tế, bồi dưỡng và tập huấn trong và ngoài nước [H05.05.06.07].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên Trường có nhiều kinh nghiệm, được đào tạo tốt, nhiều người tốt nghiệp từ nước ngoài.

Đa số GV đạt chuẩn về trình độ tin học và ngoại ngữ có thể ứng dụng vào công tác giảng dạy và NCKH, có khả năng làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

Trường luôn khuyến khích GV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, Tin học và Ngoại ngữ.

3. Tồn tại:

Do có sự thay đổi về trình độ chuẩn đối với GV so với trước đây nên phần lớn các GV lâu năm đều cần phải cập nhật, bổ sung các chứng chỉ theo quy định.

Hiện tại, một số GV còn kiêm nhiệm công tác ở các đơn vị phòng ban nên chưa chuyên sâu vào công tác giảng dạy, NCKH.

Cơ cấu GV theo ngành đào tạo còn chưa đạt chuẩn ở một số ngành như ngành Đông Nam Á học, ngành Công tác xã hội, ngành Tiếng Nhật, ngành Hệ thống thông tin quản lý.

4. Kế hoạch hành động:

Trường có kế hoạch dài hạn triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

Có kế hoạch giảm bớt các giảng viên kiêm nhiệm ở các phòng, ban.

Tiếp tục triển khai công tác tuyển dụng GV có học vị cao đối với các ngành còn thiếu GV. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách nhằm thu hút các GV có trình độ Tiến sĩ về công tác tại Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả:

Tại thời điểm 30/06/2016, Trường có 409 GV. Trong đó, 98.5% GV có trình độ sau đại học [H05.05.07.01].

Bảng 5.7.1: Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ, giới tính và độ tuổi

Đơn vị tính: người, %

Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
		(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60

Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
		(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
Giáo sư, Viện sĩ	3	0.7%	3	0	0	0	1	1	1
Phó Giáo sư	14	3.4%	12	2	0	1	5	6	2
Tiến sĩ khoa học									
Tiến sĩ	91	22.3%	63	28	0	25	30	19	17
Thạc sĩ	295	72.1%	144	151	37	165	67	25	1
Đại học	6	1.5%	3	3	2	2	1	1	0
Tổng	409	100%	225	184	39	193	104	52	21
Tỷ lệ %			55%	45%	10%	47%	25%	13%	5%

Nguồn: Phòng TC-NS, thời điểm tổng hợp 30/6/2016

Xét về giới tính thì đội ngũ GV của Trường có tỷ lệ GV nữ chiếm 45% và GV nam chiếm 55%. Cơ cấu này tương đối hài hòa và hoàn toàn phù hợp với hoạt động đào tạo của Trường có nhiều ngành thuộc khối kỹ thuật như ngành Khoa học máy tính, Xây dựng, Quản lý xây dựng và có hệ đào tạo không chính quy đòi hỏi GV phải thường xuyên đi giảng ở các đơn vị liên kết. Xét về tuổi đời, GV có tuổi đời dưới 41 tuổi chiếm tỷ lệ 57%, GV có tuổi đời từ 41 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ 43%; Cơ cấu này thể hiện đội ngũ GV được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa theo quy định.

Bảng 5.7.2: thống kê giảng viên theo trình độ và thâm niên giảng dạy

Đơn vị tính: người, %

Trình độ / học vị	Số lượng người	Phân loại theo thâm niên giảng dạy (năm)			
		< 5	5-15	16-25	> 25
Giáo sư, Viện sĩ	3	0	1	1	1
Phó Giáo sư	14	0	5	3	6
Tiến sĩ	91	42	23	11	15
Thạc sĩ	295	153	112	24	6

Trình độ / học vị	Số lượng người	Phân loại theo thâm niên giảng dạy (năm)			
Đại học	6	0	4	1	1
Tổng số	409	195	145	40	29
Tỷ lệ %		48%	35%	10%	7%

Nguồn: Phòng TC-NS, thời điểm tổng hợp 30/6/2016

Xét về kinh nghiệm công tác chuyên môn thì GV có thâm niên giảng dạy bình quân là 09 năm, số GV có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên chiếm tỷ lệ 52%; từ dưới 5 năm là 48%. Với tuổi đời bình quân của đội ngũ GV là 41 tuổi và bình quân thâm niên công tác là 09 năm, đội ngũ GV của Trường có thể được xem là có kinh nghiệm công tác, hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn giảng dạy và NCKH [H05.05.07.02].

Để các GV trẻ mới được tuyển dụng có thể nhanh chóng hòa nhập và tiếp thu, học hỏi những kinh nghiệm quý báu từ những người đi trước, Trường quy định bắt buộc họ phải trải qua thời gian tập sự dưới sự hướng dẫn các GV có kinh nghiệm trong Khoa. Bên cạnh đó, Trường cũng đã tổ chức các chương trình tập huấn giúp các GV trẻ, GV mới tuyển dụng có thể hiểu biết thêm về kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy, về định hướng phát triển Trường [H05.05.07.03-04].

Hàng năm, Trường tổ chức tuyển dụng GV mới với những yêu cầu khá cao về chuyên môn cũng như kinh nghiệm giảng dạy, NCKH. Kết quả là đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường được tuyển dụng mới ngày càng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng; đa số đều có trình độ từ Thạc sĩ trở lên và học nước ngoài về. Đây là đội ngũ được đào tạo, tiếp thu kiến thức khoa học, kỹ thuật hiện đại, có khả năng truyền đạt và có phương pháp giảng dạy tiên tiến nên Trường tin rằng họ sẽ là lực lượng kế thừa tốt trong tương lai của Trường trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm của các đồng nghiệp đi trước [H05.05.07.05].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ GV hài hòa giữa giảng viên lâu năm và giảng viên trẻ nhiệt tình, được đào tạo tốt, nhiều người học ở nước ngoài trở về.

Một số GV đã kinh qua công tác hoặc các hoạt động khác ngoài trường nên có nhiều kinh nghiệm thực tế.

3. Tồn tại:

Một số giảng viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ảnh hưởng đến công việc được giao. Sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm giữa các giảng viên đôi khi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong kế hoạch tuyển dụng và đào tạo hàng năm, Phòng TC-NS và các Khoa chú ý xem xét, cân nhắc và xác định lại cơ cấu GV của từng Khoa để đảm bảo cân bằng giữa kinh nghiệm công tác và trẻ hóa đội ngũ, có sự kế thừa giữa các thế hệ GV.

Trường và khoa thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho GV trẻ về phương pháp giảng dạy, NCKH; khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ; tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các thế hệ GV.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường phải đảm nhận một khối lượng công việc khá lớn, đảm bảo hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, GV và người học. Hiện tại, đội ngũ này gồm 163 người (gồm 01 thạc sĩ, 132 cử nhân, 03 cao đẳng, 30 trình độ khác) được bố trí hầu hết các đơn vị trong Trường từ trợ lý các Khoa, nhân viên

các đơn vị hỗ trợ đào tạo, nhân viên khối hành chính văn phòng, đội ngũ kỹ thuật viên, đội ngũ phục vụ [H05.05.08.01].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường được bố trí phù hợp với năng lực, chuyên môn đào tạo. Đa số nhân viên có khả năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc như viết các Phần mềm Quản lý thu nhập cá nhân; Phần mềm Quản lý chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị; Phần mềm Giao nhận bài, thanh toán thù lao chấm bài; Phần mềm Quản trị minh chứng KĐCL; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm; Phần mềm Thông tin tốt nghiệp SV; Phần mềm Quản lý văn bản. Trường luôn quan tâm đến chất lượng phục vụ cho người học nên những năm qua, bên cạnh việc phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ người học thì đội ngũ nhân viên cũng được tăng cường và trang bị kiến thức chuyên môn phù hợp. Trường luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và tài chính để đội ngũ này tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn theo yêu cầu nhằm cập nhật kiến thức và các quy định mới. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cũng góp phần quan trọng trong sự phát triển của Trường. Do đó, Trường luôn theo dõi và quan tâm trong việc cử chuyên viên, kỹ thuật viên các phòng ban chức năng tham gia các khóa học như bồi dưỡng kiến thức Quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên (28 CB-VC), chuyên viên chính (07 CB-VC); tham gia các buổi hội thảo về tiền lương, bảo hiểm xã hội, kiểm định chất lượng (66 CB-VC), pháp chế (02 CB-VC)... với toàn bộ kinh phí do Trường chi trả. Trường cũng tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền pháp luật giúp cho CB-VC nắm rõ các quy định pháp luật [H05.05.08.02-04].

Cuối mỗi năm học, Trường tổ chức đánh giá và bình xét thi đua, căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công cho các kỹ thuật viên, nhân viên được lãnh đạo đánh giá và báo cáo về Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Trường, qua đó đã tạo động lực phấn đấu và giúp cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có thể điều chỉnh, khắc

phục những hạn chế để đảm bảo nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ được tốt hơn [H05.05.08.05].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ kỹ thuật viên trẻ, nhiệt tình, được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ để hỗ trợ kịp thời cho công tác giảng dạy và học tập.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên phối hợp tốt với các đơn vị trong công việc.

3. Tồn tại:

Hiện vẫn còn một số nhân viên chỉ có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học tham gia công tác ở bộ phận phục vụ, bộ phận trực cơ sở. Đội ngũ này cần được tập huấn, bồi dưỡng thêm về công tác chuyên môn đang đảm nhận.

Công tác bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, tiếp cận với những kỹ thuật mới chưa được thực hiện thường xuyên, một phần do bản thân kỹ thuật viên, nhân viên không chủ động đi học, một phần do Trường chưa đưa nhiệm vụ này thành nghĩa vụ của CB-VC.

4. Kế hoạch hành động:

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng hàng năm, Phòng TC-NS phối hợp với các đơn vị tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên. Bên cạnh đó lãnh đạo và cá nhân các kỹ thuật viên, nhân viên chủ động đề xuất tổ chức hoặc tham dự các CTĐT, tập huấn phù hợp với chuyên môn đảm nhận.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trường đã xây dựng được đội ngũ CB-VC, GV có phẩm chất đạo đức, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Cán bộ quản lý có năng lực quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ GV đảm bảo đạt trình độ chuẩn theo quy định, được tham gia giảng dạy và NCKH theo

đúng chuyên môn. Đội ngũ nhân viên có chuyên môn, nghiệp vụ, trẻ, nhiệt tình công tác và gắn bó với Trường.

Toàn thể CB-VC, GV của Trường được đảm bảo thực hiện các quyền dân chủ trong Trường, được chăm lo và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định. Trường luôn công khai, minh bạch trong các vấn đề tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho CB-VC, GV tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, học tập nâng cao trình độ cả trong và ngoài nước.

Đội ngũ CB-VC của Trường có bước phát triển mạnh về số lượng và chất lượng trong những năm qua. Trình độ chung của đội ngũ ngày càng tăng lên với nhiều người được đào tạo ở nước ngoài. Trường đã có chính sách kịp thời thu hút người lao động có trình độ cao, tạo môi trường làm việc thuận lợi và chế độ đãi ngộ xứng đáng.

Tuy nhiên, cơ cấu GV theo ngành đào tạo còn chưa đạt chuẩn ở một số ngành như ngành Đông Nam Á học, ngành Công tác xã hội, ngành Tiếng Nhật, ngành Hệ thống thông tin quản lý.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **08** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu

Tại Trường Đại học Mở TP.HCM, người học được hướng dẫn về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Trường ngay từ ngày đầu nhập học và trong suốt quá trình học.

Người học được đảm bảo hướng dẫn các chế độ chính sách, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường.

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả thông qua các chương trình hoạt động do Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu. Công tác đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện theo quy định.

Những hoạt động này có tác dụng tốt trong việc tuyên truyền, giáo dục cho người học về đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trường cũng có các chính sách và nguồn tài chính hỗ trợ cho những SV có hoàn cảnh khó khăn và học tập tốt để họ có điều kiện được học tập và sinh hoạt như những SV khác.

Để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học, Trường đã có nhiều hình thức khá sáng tạo, linh hoạt như xếp lịch sinh hoạt một buổi trống mỗi tuần cho người học vào thời khóa biểu cố định, thường xuyên cập nhật hệ thống sách mới trong thư viện cho người học. Thư viện được mở cửa thường xuyên kể cả vào buổi trưa và các ngày cuối tuần. Các Ngày hội Nghề nghiệp do Trường tổ chức nhằm định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của các ngành đào tạo với sự tham gia hỗ trợ của các doanh nhân, doanh nghiệp đã giúp người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, góp phần tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Khảo sát của Trường năm 2014 và năm 2016

cho thấy khoảng 90% sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp và khoảng 67% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Vào cuối mỗi học kỳ, người học đều được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua hình thức trực tuyến. Sau thời gian học tập tại Trường, bằng cách trả lời bảng khảo sát, các SV mới tốt nghiệp và SV tốt nghiệp sau một năm có cơ hội đóng góp ý kiến cho Trường trong việc cải tiến và hoàn thiện công tác đào tạo.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.

1. Mô tả:

Đầu mỗi năm học, Trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - SV” cho tất cả SV khóa cũ và sinh hoạt đầu khóa học cho SV các khóa mới nhập học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT với mục tiêu giúp SV hiểu và thực hiện tốt những quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi (điểm học tập, điều kiện học vượt, bảo lưu, buộc thôi học, và các chế độ chính sách khác), từ đó giúp SV chủ động trong kế hoạch học tập. Trong tuần này, Trường giới thiệu, phổ biến các quy định, quy chế, các nội dung liên quan đến việc học tập và rèn luyện trong suốt thời gian học tập tại trường, hướng dẫn sử dụng website trường, khoa, phòng, ban, trung tâm các dịch vụ cho người học, chương trình đào tạo; quy trình kiểm tra, đánh giá; quy chế học vụ theo hệ thống tín chỉ, quy chế SV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện và các quy định khác liên quan đều được phổ biến, hướng dẫn đầy đủ thông qua việc đăng lên Website Trường (<http://www.ou.edu.vn>), website các khoa, phòng ban chức năng [H06.06.01.01].

CTĐT các ngành đều công khai cho người học trong đó có mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, thời gian, khối lượng, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, hướng dẫn thực hiện chương trình, đề cương môn học. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung CTĐT được thực hiện đúng quy định và công khai thông tin

SV biết để thuận lợi cho việc học tập, đặc biệt là quy định về môn học thay thế, tương đương giữa chương trình cũ và mới [H03.03.01.02], [H03.03.04.04].

Người học cũng được thông tin đầy đủ những quy định về kiểm tra đánh giá ở từng môn học thông qua chương trình đào tạo, đề cương môn học được công khai. Việc trả lời các thắc mắc về chương trình đào tạo, hình thức kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo được giải đáp tại Phòng Quản lý đào tạo, bộ phận tiếp SV của văn phòng khoa, trên các diễn đàn Elearning, email ou@ou.edu.vn, donggopykienOU@ou.edu.vn, hộp thư đóng góp ý kiến ở các cơ sở học tập, qua các buổi “Tiếp xúc SV”, “Gặp gỡ và trao đổi giữa lãnh đạo Trường với SV”, công thông tin cố vấn học tập [H06.06.01.02-03].

Sổ tay SV được biên soạn hàng năm với mục tiêu giúp SV có thể lập kế hoạch học tập và thực hiện tốt trong từng năm học tạo sự chủ động trong học tập và sinh hoạt. Sổ tay SV được phát cho SV ngay ngày nhập học với nhiều nội dung thiết thực như: giới thiệu về Trường, các quy chế bao gồm quy chế liên quan đến đào tạo, quy chế SV, điều kiện học vượt, miễn môn học Ngoại ngữ, Tin học, một số nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật, nơi liên hệ khi cần, thông tin liên lạc của các đơn vị [H06.06.01.04].

2. Điểm mạnh:

CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường được thông tin đầy đủ cho người học thông qua nhiều hình thức đăng trên website, in trong Sổ tay SV, phổ biến trong “Tuần sinh hoạt công dân - SV”, qua Bộ phận tiếp SV, đội ngũ cố vấn học tập. Từ đó giúp người học có thể nắm bắt các thông tin cần thiết trong quá trình học tập và sinh hoạt tại Trường.

3. Tồn tại:

Việc tư vấn học tập cho SV của một số cố vấn học tập chưa thực sự hiệu quả.

Một số quy định, quy chế, thông báo, văn bản liên quan đến SV đăng ở nhiều website khác nhau của các khoa, các đơn vị trong Trường, gây khó khăn cho việc tìm kiếm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2016-2017, tất cả cố vấn học tập đều phải vào cổng thông tin cố vấn học tập online để cải tiến, nâng cao chất lượng hệ thống cố vấn học tập nhằm hỗ trợ SV một cách thiết thực trong việc hiểu và thực hiện các quy định trong quy chế đào tạo nói chung và các quy định, quy chế khác của Trường.

Phòng CTSV phối hợp cùng Phòng QLĐT, Trung tâm Quản lý hệ thống thông tin hoàn tất việc nâng cấp website dịch vụ SV, kết nối tất cả chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo, thi cử kiểm tra, đánh giá và các quy định về công tác SV để SV dễ tìm kiếm và nắm bắt thông tin để thực hiện hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, TDTT và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường.

1. Mô tả:

Người học được đảm bảo chế độ chính sách của Nhà nước (Chính phủ, Bộ, Ban Ngành, Tỉnh, Thành phố) và của Trường theo quy định. Trường ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện để thông tin đến SV. Trong nội dung “Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên” đầu khóa học, Trường luôn phổ biến đầy đủ các quy định về chế độ chính sách xã hội của Nhà nước và đăng tải quy định trên website của Trường, các đơn vị liên quan [H06.06.02.01-02].

Công tác giải quyết chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. 100% người học nộp hồ sơ thuộc diện chính sách được đảm bảo các chế độ chính sách như miễn giảm học phí, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí đối với những hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn TP.HCM, xác

nhận vay vốn ngân hàng chính sách xã hội, xác nhận sổ ưu đãi con thương binh [H06.06.02.03].

Việc thực hiện chính sách học bổng được Trường thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế của Trường. Các SV có thành tích học tập khá, giỏi, xuất sắc và rèn luyện tốt trở lên được xét cấp học bổng khuyến khích học tập theo học kỳ hoặc năm học. Trường có quỹ học bổng khuyến học dành cho những SV có hoàn cảnh khó khăn, có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập. Nguồn quỹ có được từ sự tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân vào dịp khai giảng năm học và trong suốt năm học. Đến năm 2015, Trường thực hiện tự chủ thì nguồn quỹ này tăng lên theo tinh thần Quyết định 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017, Trường đã lập quỹ hỗ trợ SV từ nguồn lãi tiền gửi ngân hàng, các khoản tài trợ để xây dựng các chính sách học bổng như Khuyến khích học tập, tài năng, vượt khó, đã có nhiều SV được nhận học bổng cũng như mức học bổng được tăng lên hàng năm. Đầu mỗi học kỳ, các thông báo về việc thực hiện các nội dung trên đều được gửi về các khoa, dán tại các cơ sở học tập, đưa lên web Trường để giúp SV theo dõi và thực hiện đúng đối tượng và thời gian quy định [H06.06.02.04-06].

Trường có Trạm Y tế được thành lập theo quyết định của Sở Y tế TP.HCM, nhân sự gồm 02 bác sĩ, 01 y sĩ và 01 trung cấp dược. Tại các cơ sở học tập đều có phòng chăm sóc y tế với các trang thiết bị cơ bản hoặc phối hợp với một đơn vị y tế khác để thực hiện công tác y tế học đường tại các cơ sở của Trường. Khi nhập học, Trường phối hợp với những đơn vị có đủ chức năng thực hiện khám sức khỏe cho tân SV theo quy định. Kết quả khám sức khỏe được nơi khám tổng hợp lại và gửi dữ liệu về Trường để quản lý và theo dõi. Việc đóng bảo hiểm y tế bắt buộc được thực hiện đúng quy định. SV sẽ đăng ký đóng tiền BHYT trực tuyến khi đăng ký môn học và đóng tiền cùng lúc với đóng học phí. Tất cả SV đều mua BHYT bắt

buộc, Bảo hiểm tai nạn. Việc chăm lo cho SV bị bệnh, tai nạn, qua đời được Trường quan tâm, thăm hỏi, hỗ trợ chi phí chữa bệnh [H06.06.02.07].

Phong trào VHVN, TDTT của Trường được thực hiện với mục tiêu tạo hoạt động bổ ích cho người học. Định kỳ xen kẽ một năm tổ chức Hội diễn văn nghệ, một năm tổ chức Hội thao truyền thống. Các hoạt động này được tiến hành từ cấp khoa đến cấp Trường với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Hội diễn văn nghệ có nhiều thể loại như đơn ca, tốp ca, múa. Hội thao có nhiều môn thi đấu như: bóng đá (nam, nữ), bóng chuyền (nam, nữ), bóng bàn, bóng rổ, cầu lông (nam, nữ, đồng đội), bơi lội, cờ tướng, cờ vua, kéo co. Trường ký hợp đồng thuê cơ sở vật chất của Trung tâm Thể dục Thể thao (TDTT) Quận 1, Quận 3, Phú Nhuận, Gò Vấp để tổ chức các giải thi đấu TDTT của Trường để đảm bảo chất lượng chuyên môn tốt. Hàng năm, Trường tổ chức Giải Việt dã truyền thống nhân dịp kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ 19/5 và ngày thành lập Trường 15/6 thu hút một số lượng lớn CB-VC và SV Trường tham gia. Hàng năm, Đội Văn nghệ Trường đều tham gia các giải Tiếng hát SV toàn quốc, Tiếng hát SV toàn thành và tham gia hội diễn, giao lưu văn nghệ với các đơn vị bên ngoài. Trường đã dành một khoản kinh phí mỗi năm cho các hoạt động VHVN, TDTT [H06.06.02.08-10].

Công tác an ninh Trường học được triển khai hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn cho người học trong khuôn viên Trường, không có người học bị đe dọa hoặc bị hại về sức khỏe, tính mạng. Năm 2012, Kế hoạch xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc đã được phát động trong toàn thể CB-VC, GV, SV. Tổ bảo vệ của Trường đảm bảo các ca trực 24/24. Hệ thống tường, rào, cổng, cửa an toàn, có camera quan sát; Ban chỉ huy Quân sự và Trung đội tự vệ Trường được thành lập và hoạt động từ năm 2009 đến nay. Trường cũng thành lập Đội Phòng cháy chữa cháy và tổ chức các đợt tập huấn, diễn tập định kỳ để tuyên truyền và củng cố những kỹ năng ứng phó kịp thời với hỏa hoạn, bảo vệ con người và tài sản. Trường đã ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ với Công ty Trung Dũng nhằm tăng cường công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường [H06.06.02.11].

Các phòng thí nghiệm – thực hành đều có nội quy, danh mục các thiết bị, lịch thực hành – thí nghiệm từng học kỳ, trang bị các thiết bị PCCC để các khoa thực hiện đúng thời khóa biểu và đảm bảo an toàn cho người học. Các biển báo an toàn phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm khi có tình huống mất an toàn xảy ra được Trường trang bị hướng dẫn theo quy định tại tất cả cơ sở [H06.06.02.12].

2. Điểm mạnh:

Trường thông tin và thực hiện đúng quy định các chế độ chính sách xã hội cho người học.

Trạm y tế thực hiện tốt trách nhiệm khám sức khỏe và chăm sóc y tế kịp thời cho người học theo quy định y tế học đường.

Người học được quan tâm và tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường.

3. Tồn tại:

Việc thanh toán chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho SV đôi khi còn chậm vì chờ Ngân sách Nhà nước cấp.

Cơ sở vật chất của Trường tại TP.HCM còn hạn chế nên chưa tổ chức được các giải đấu thể thao lớn, còn phải thuê bên ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Trường đã và đang từng bước đầu tư xây dựng cơ sở Long Bình một số sân bóng đá, cầu lông, bóng chuyền phục vụ việc học GDTC và tạo điều kiện SV tham gia luyện tập thể dục và sẽ có kế hoạch tổ chức một số giải thể thao cho SV tại đây.

Vì số lượng SV hưởng chế độ không nhiều nên kể từ năm học 2016-2017, Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp cùng Phòng CTSV cân đối kinh phí để kịp thời chi hỗ trợ chi phí học tập theo từng học kỳ cho SV dân tộc thiểu số rồi sau đó quyết toán khi được Ngân sách cấp kinh phí.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả:

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV được Trường xác định là nhiệm vụ quan trọng và được thực hiện thông qua việc phổ biến các văn bản do Bộ GD&ĐT, Thành ủy, Thành Đoàn và Hội Sinh viên Thành phố ban hành, qua việc tổ chức nhiều hoạt động với mục tiêu giáo dục toàn diện cho SV. Các đơn vị, phòng ban được phân công phụ trách mảng công tác này là Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV [H06.06.03.01].

Hàng năm, “Tuần sinh hoạt công dân - SV” đầu năm học, đầu khóa học đều được thực hiện với đầy đủ các nội dung theo qui định của Bộ GD&ĐT về định hướng, giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức lối sống cho SV. Các Nghị quyết của Đảng, một số văn bản luật pháp có liên quan của Nhà nước, vấn đề về chủ quyền biển đảo được phổ biến đến toàn thể SV theo các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Việc giáo dục đạo đức lối sống của SV được triển khai thực hiện trong quy chế SV của Trường. Nội dung của quy chế này được hướng dẫn rất cụ thể và chi tiết phổ biến đến SV để hiểu và thực hiện [H06.06.03.02], [H06.06.01.01].

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng được thực hiện hàng năm qua các hoạt động: tổ chức các buổi học 06 bài Lý luận chính trị và 10 Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh cho toàn bộ SV; các buổi báo cáo thời sự, báo cáo chuyên đề thường xuyên được Phòng CTSV, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên phối hợp cùng các đơn vị quân đội tổ chức; thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo lời Bác”, lồng ghép trong các cuộc thi của Khoa, của Trường [H06.06.03.03], [H02.02.04.03].

Công tác tổ chức các phong trào giúp SV rèn luyện đạo đức và lối sống được thực hiện qua các hoạt động tình nguyện với mục tiêu giúp SV rèn luyện, xây dựng lối sống đẹp của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên các cấp như Mùa hè xanh,

Xuân tình nguyện, Đồng hành cùng thí sinh, Đồng hành cùng tân SV, hiến máu nhân đạo vào các dịp trong năm. Nhiều SV được tuyên dương trong các hoạt động phong trào, hoạt động tình nguyện, những điển hình tiên tiến trong đạo đức lối sống, xuất sắc, tích cực trong hoạt động ngoại khóa được các cấp chính quyền, đoàn thể, Trường khen thưởng [H06.06.03.04-05].

Các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học đều được Trường quan tâm và cấp kinh phí hàng năm cho các đơn vị thực hiện. Những hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống được Trường thực hiện thông qua nhiều hình thức, các báo cáo sơ kết, tổng kết về hoạt động này được thực hiện định kỳ và gửi về Bộ GD&ĐT; Đảng ủy khối các trường ĐH-CD-TCCN, Thành Đoàn, Hội Sinh viên Thành phố và đạt được sự khen thưởng của cấp trên [H06.06.03.06], [H02.02.04.03], [H02.02.06.07].

Việc thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện được Trường thực hiện theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT kết hợp với tình hình thực tế [H06.06.03.07].

Trong suốt quá trình học tập, người học được giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống bằng nhiều hình thức khác nhau từ đó tình trạng vi phạm rất ít xảy ra. Các vi phạm kỷ luật trong thời gian vừa qua chủ yếu là vi phạm về sử dụng văn bằng chứng chỉ giả để miễn môn học. Tuy nhiên, tỷ lệ vẫn không quá 0,01% trong mỗi năm học [H06.06.03.08].

2. Điểm mạnh:

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV thông qua nhiều hình thức, lồng ghép trong nhiều hoạt động.

Các đơn vị được phân công thực hiện công tác này đã có sự phối hợp chặt chẽ tổ chức nhiều hoạt động đạt được một số thành tích đáng kể. Hoạt động tình nguyện vì lợi ích cộng đồng được tổ chức rộng rãi và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ SV; Nhiều cá nhân và tập thể được tuyên dương khen thưởng.

3. Tồn tại:

Việc tuyên truyền quảng bá, nhân rộng mô hình, cá nhân người tốt việc tốt góp phần cho công tác giáo dục chính trị, đạo đức lối sống cho người học còn chưa có nhiều hình thức phong phú như tuyên dương trong các sự kiện, trên internet.

4. Kế hoạch hành động:

Trong các năm học tới, Phòng CTSV phối hợp cùng Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp có kế hoạch cụ thể về việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong từng thời điểm cụ thể của học kỳ, năm học với đa dạng hình thức thiết thực, gần gũi với người học.

Tổ chức lại hoạt động tuyên dương, phổ biến các điển hình người tốt việc tốt trong SV.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả:

Đảng ủy Trường luôn chú trọng đến việc ban hành các nghị quyết, chương trình thực hiện các hoạt động, trong đó đều có chỉ đạo, tạo điều kiện rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV trong Trường. Trong các kế hoạch hoạt động cao điểm hay trọng tâm của năm học đều nhấn mạnh các nội dung chỉ đạo và có phân công các đơn vị tham gia tổ chức các hoạt động rèn luyện tư tưởng chính trị cho thanh niên. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được Đảng ủy cụ thể thành các kế hoạch, nghị quyết và triển khai đồng bộ hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị [H06.06.04.01].

Trường phân công cán bộ chuyên trách công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên nhằm có nhiều nguồn lực để tổ chức các hoạt động trong SV. Trong số kinh phí hoạt động cho Đoàn và Hội được Trường phân bổ hàng năm, ngoài các kinh phí cố định còn có các khoản kinh phí riêng dành cho các hoạt động trọng tâm như Mùa hè xanh và các hoạt động lớn cấp Thành phố [H06.06.04.02].

Đoàn Thanh niên Trường hướng dẫn, triển khai cho SV tham gia các Hội thi Olympic Chủ nghĩa Mác-Lê Nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh do Đảng ủy khối các trường ĐH-CĐ-TCCN TP.HCM tổ chức [H06.06.04.03].

Bên cạnh đó, danh hiệu “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác”, danh hiệu “SV 5 tốt” cũng được phát huy để tạo môi trường rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống của SV. Hàng năm, Trường đều có từ 24 đến 82 SV ưu tú được tuyên dương [H06.06.04.04].

Mỗi năm học, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường đều tổng kết Công tác năm học và đề ra chương trình công tác cho năm học tiếp theo. Các hoạt động đều được trình Đảng ủy, BGH duyệt. Các hoạt động cao điểm và chương trình riêng đều có kế hoạch cụ thể và được tổ chức thực hiện chuyên nghiệp [H06.06.04.05], [H02.02.04.03].

Hoạt động Đoàn tại cấp Đoàn Khoa tại các Khoa đào tạo cũng phát triển mạnh. Trong mọi hoạt động, các Đoàn khoa đều xây dựng chương trình và kế hoạch cụ thể. Với các hoạt động cao điểm và trọng tâm, các Đoàn khoa còn tổ chức các hoạt động cấp Trường [H06.06.04.06].

Nhiều hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng được Hội Sinh viên Trường tổ chức tốt, qua đó rèn luyện thêm đạo đức lối sống cho SV. Những hoạt động này đã được các tổ chức Hội cấp trên và UBND TP.HCM ghi nhận với nhiều hình thức khen thưởng [H06.06.03.05].

Nhiều tấm gương tập thể, cá nhân thanh niên tiên tiến, điển hình, có thành tích tốt trong rèn luyện đã được các cấp Đảng, Chính quyền và Đoàn thể tuyên dương, khen thưởng [H06.06.04.07], [H06.06.03.05].

Những Đoàn viên thanh niên ưu tú, rèn luyện tốt, đạo đức, chính trị tư tưởng vững vàng trưởng thành qua các hoạt động rèn luyện và học tập đã được Đoàn Thanh niên, Đảng ủy giới thiệu đi học lớp nhận thức về Đảng. Nhiều người trong số họ đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam [H02.02.04.04].

2. Điểm mạnh:

Đảng ủy có nghị quyết và kế hoạch cụ thể nhằm lãnh đạo toàn diện, sâu sát hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng cho người học.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp tổ chức nhiều hoạt động rèn luyện đa dạng, có khen thưởng, tuyên dương nhân tố tiên tiến, tích cực.

Văn phòng Đoàn - Hội được bố trí cán bộ chuyên trách đảm đương công việc giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống; có sự phối hợp giữa Trường, các đơn vị với Đảng, Đoàn thể nhằm giúp cho các hoạt động này được thực hiện đồng bộ, thu hút người học tham gia hiệu quả.

Công tác phát triển Đảng trong SV thật sự nổi bật về chất lượng và số lượng.

3. Tồn tại:

Còn một số hoạt động công tác truyền thông đến SV chưa tốt nên chưa thu hút SV tham gia theo đúng số lượng dự kiến.

4. Kế hoạch hành động:

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường tiếp tục xem việc chỉ đạo các hoạt động nhằm tạo điều kiện rèn luyện chính trị tư tưởng đạo đức, lối sống cho SV là nhiệm vụ hàng đầu. Trong thời gian tới sẽ ban hành Nghị quyết chỉ đạo riêng về Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống trong SV. Các đơn vị, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên lồng ghép công tác này vào các hoạt động thiết thực để xây dựng nhận thức đúng đắn, xây dựng lối sống tích cực cho SV, thế hệ tương lai của đất nước.

Tăng cường các hoạt động truyền thông, thông báo đến SV cũng như tổ chức các hoạt động phù hợp với nhu cầu SV để gia tăng số lượng SV tham gia các hoạt động. Hàng năm các đơn vị trong Trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động nhằm giúp SV có cơ hội rèn luyện, phấn đấu để được tham gia các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng và xem xét được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả:

Hỗ trợ SV, tăng cường các dịch vụ, tiện ích phục vụ chu đáo cho người học trong học tập và sinh hoạt là nhiệm vụ đã được thực hiện hiệu quả trong nhiều năm qua. Trước hết là việc giúp người học hiểu rõ về CTĐT, về các quy định học vụ trong suốt quá trình học, Trường thông báo công khai đầy đủ CTĐT, đề cương môn học, quy chế học vụ, quy chế SV bằng cách đăng tải trên website, in trong sổ tay SV và phát khi nhập học, thông tin, phổ biến trong các tuần sinh hoạt công dân đầu mỗi năm học [H06.06.05.01-02], [H06.06.01.01].

Tổ chức hoạt động của cố vấn học tập nhằm hỗ trợ SV trong việc học tập theo tín chỉ một cách hiệu quả. Năm học 2015-2016, Trường đã đưa vào sử dụng hệ thống cổng thông tin cố vấn học tập trực tuyến (online) nhằm thêm công cụ hỗ trợ cho công tác cố vấn học tập. Đội ngũ cố vấn học tập, trợ lý SV các khoa, chuyên viên các phòng ban thực hiện tốt việc tư vấn học tập, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng cũng như nắm bắt những nhu cầu thực tế của SV [H06.06.05.03].

Trường tổ chức diễn đàn trực tuyến Elearning với nhiều chủ đề phong phú, hệ thống email cá nhân giúp cho SV trao đổi với nhau, SV trao đổi với GV, SV có thể liên hệ với Trường nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và sinh hoạt trong Trường [H06.06.05.04].

Các buổi tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi với SV để nắm bắt những phản ánh về quá trình học tập, từ đó cải tiến, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ của Trường được tổ chức thường xuyên. Sinh viên được tham gia đánh giá môn học khi kết thúc môn. Các phản hồi này của sinh viên giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ sinh viên [H06.06.05.05], [H06.06.01.03].

Tài nguyên học liệu tại Thư viện Trường đa dạng, phong phú và thường xuyên được bổ sung phục vụ tốt cho việc học tập và NCKH của người học. Đầu khóa học, SV được hướng dẫn cách sử dụng Thư viện trong “Tuần sinh hoạt công dân” [H06.06.05.06].

Mỗi năm học, học kỳ, Trường đều ban hành kế hoạch công tác SV tổng hợp các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các quy định, tham gia hoạt động ngoại khóa giúp SV chủ động tham gia các hoạt động [H06.06.05.07], [H06.06.02.02].

Các hoạt động VHVN, TDTT được Trường tổ chức chu đáo, tạo nên các sân chơi lành mạnh đáp ứng nhu cầu người học, Hội diễn văn nghệ truyền thống, Hội thao truyền thống, Giải Việt dã truyền thống diễn ra đều đặn hàng năm, Đội tuyển văn nghệ Trường đã tham gia nhiều kỳ hội diễn, liên hoan văn nghệ do các cấp tổ chức và đạt được nhiều thành tích nổi bật, tạo được những ấn tượng tốt đẹp về Trường [H06.06.02.08-10].

Các Câu lạc bộ trong Trường được tổ chức nhằm mục tiêu tạo môi trường cho SV tham gia theo sở thích, khả năng. Hiện nay, Trường đang có các Câu lạc bộ học thuật, Câu lạc bộ ngoại khóa theo sở thích của SV. Các câu lạc bộ này sinh hoạt tại trụ sở chính và tại các cơ sở học tập của Trường đã tạo nhiều sân chơi cho SV tham gia theo khả năng bản thân [H06.06.05.08].

Các loại học bổng theo từng đối tượng học tập giỏi, hoàn cảnh khó khăn... đã tạo động lực học tập cũng như khuyến khích động viên SV có hoàn cảnh khó khăn an tâm học tập tốt [H06.06.02.04-06].

Trường tổ chức Phòng Tham vấn tâm lý (Khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á), Nhóm Tư vấn tâm lý (Sprit - Khoa Đào tạo đặc biệt) nhằm giúp SV khi có những vấn đề về tâm lý có thể đến để được tư vấn cũng như tổ chức các buổi nói chuyện, khóa học giúp SV có nhận thức hiểu biết hơn về cuộc sống, tình cảm [H06.06.05.09].

Trường tổ chức nhiều sân chơi cho SV như nghiên cứu khoa học, thi học thuật, các buổi báo cáo chuyên đề, huấn luyện kỹ năng nhằm giúp SV nắm bắt được nhu cầu của doanh nghiệp, tự trang bị thêm những chứng chỉ, kỹ năng cần thiết để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng [H06.06.05.10].

Hiện nay, Trường chỉ có ký túc xá ở Cơ sở 2 - Long Bình (TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai) phục vụ cho SV học GDTC và GDQP (400 chỗ). Vì vậy, trong thời gian nhập học, tân SV sẽ được tư vấn chỗ trọ miễn phí xung quanh các cơ sở học tập của Trường, góp phần ổn định chỗ ở và yên tâm học tập. Công tác chăm lo, hỗ trợ cho SV ăn Tết xa nhà được tổ chức hàng năm như giới thiệu việc làm thêm vào dịp Tết, tổ chức họp mặt, tặng quà [H06.06.05.11].

Công tác tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu thực tập, việc làm thêm được giao trong chức năng nhiệm vụ của Phòng CTSV và phân công chuyên viên theo dõi và thực hiện. Từ tháng 8/2015, Trường đã thành lập Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm trực thuộc Phòng CTSV để thực hiện chuyên trách các công việc này. Trường đã xây dựng hệ thống Hồ sơ xin việc trực tuyến - CV online (<http://cvonline.ou.edu.vn>), cổng thông tin việc làm (<http://vieclam.ou.edu.vn>,) nhằm cung cấp các bài viết về hướng nghiệp, kỹ năng, định hướng cho SV ngay từ năm nhất cần chuẩn bị trang bị những kỹ năng, ngoại ngữ, tin học cần thiết khi ra Trường, cơ hội việc làm thêm bán thời gian trong thời gian học tập tại Trường và việc làm sau khi tốt nghiệp [H06.06.05.12].

Trường đã thiết lập hệ thống thông tin về việc làm thực tập giữa Trường và các đơn vị sử dụng lao động, bố trí bộ phận tiếp nhận các nhu cầu từ các doanh nghiệp và giới thiệu SV đến ứng tuyển, giúp SV đang học hoặc đã tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp. Trường đã tổ chức thành công Ngày hội Nghề nghiệp vào năm 2014, 2015, 2016 [H06.06.05.13].

Chương trình học tập từ thực tiễn được tổ chức góp phần nâng cao hiệu quả của công tác hướng nghiệp, giúp cho SV định hướng cụ thể và hăng say hơn trong

học tập, có trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Hoạt động huấn luyện kỹ năng mềm, trang bị và phát triển kỹ năng thực hành cho SV cũng được tổ chức hiệu quả giúp người học tiếp cận tốt với môi trường học tập và làm việc mới [H06.06.05.14].

2. Điểm mạnh:

Các thắc mắc, kiến nghị của SV về học tập, sinh hoạt trong suốt quá trình học tập tại Trường được các đơn vị quan tâm hướng dẫn, giải đáp. Các phản hồi của sinh viên được nhà trường quan tâm giải quyết và đưa vào cải tiến hoạt động của Trường.

Tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của SV tạo điều kiện cho SV phát huy tối đa năng lực của bản thân trong học tập và trang bị cho SV tự tin làm việc tốt sau tốt nghiệp.

Các hoạt động VHVN-TDĐT, hoạt động câu lạc bộ đội nhóm đa dạng nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đã giúp SV giải trí, tăng cường sức khỏe, trang bị thêm kỹ năng, tăng cường cơ hội giao lưu, chuẩn bị hành trang trở thành những người trí thức thật sự.

3. Tồn tại:

Trường chưa có ký túc xá tại TP.HCM nên việc giới thiệu nhà trọ cho SV mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự phối hợp thực hiện của Phòng CTSV, Hội Sinh viên Trường vào đầu mỗi năm học vẫn còn hạn chế, chủ yếu chỉ hỗ trợ cho SV năm thứ nhất còn bỏ lỡ khi vào Trường.

Công tác giới thiệu việc làm cho SV mới dừng ở đăng tải nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Mới hình thành bước đầu sự phản hồi của doanh nghiệp khi tuyển dụng được SV của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2016-2017 trở đi, Trường tiếp tục cải tiến và đưa nhiều tiện ích hơn vào Cổng thông tin cổ vấn học tập online, phát triển hệ thống thành công cụ hữu hiệu cho việc tăng cường giải đáp thắc mắc, hỗ trợ SV của cổ vấn học tập.

Phòng CTSV phối hợp Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tăng cường công tác giới thiệu nhà trọ quanh cơ sở học tập.

Năm học 2016-2017, Trường đã có chủ trương tổ chức việc bồi dưỡng huấn luyện các chuyên đề kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn... bằng nhiều hình thức miễn phí, thu phí một phần, thu phí toàn bộ cho SV tham gia theo nhu cầu của từng năm học.

Trường tiếp tục duy trì việc tổ chức Ngày hội nghề nghiệp hàng năm để định hướng cho SV tìm vị trí làm việc phù hợp ngành học, chuẩn bị các kỹ năng, chứng chỉ, thái độ... đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, tự tin bước vào thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Trường cho người học.

1. Mô tả:

Các đơn vị trong trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của Trường đến SV thông qua các hoạt động định kỳ hoặc lồng ghép trong những hoạt động tổ chức cho SV [H06.06.06.01], [H02.02.06.07].

Đầu mỗi năm học, Trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - SV” đầu năm học và đầu khóa học cho tất cả SV. Nội quy, quy định của Trường được thể hiện trong cuốn Sổ tay SV được phát hành hàng năm vào đầu năm học. Ngoài ra, SV

cũng có thể truy cập các tài liệu này tại website của Trường. Phòng CTSV, các đơn vị trong Trường luôn tiến hành theo dõi tình hình tư tưởng của SV thông qua nhiều hình thức. Việc tổ chức các chương trình ngoại khóa từ cấp Khoa đến cấp Trường, chiếu phim tư liệu, các cuộc thi nhằm tuyên truyền đến SV việc xây dựng ý thức tôn trọng và nghiêm túc thực hiện luật pháp, nội quy, quy định của Trường [H06.06.06.02-03].

Đảng ủy, Đoàn Thanh niên triển khai sâu rộng, cụ thể cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đến người học, giúp người học chuyển biến rõ rệt, nâng cao nhận thức về đạo đức chính trị và lối sống. Hàng năm, Đoàn Thanh niên của Trường đều tổ chức các buổi học 6 bài Lý luận chính trị và 10 Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh cho toàn bộ SV. Chương trình tiếp xúc SV hàng năm của lãnh đạo Trường, chương trình gặp gỡ SV đầu năm học, các đợt giao ban Đoàn Thanh niên, sinh hoạt lớp luôn được triển khai hiệu quả. Qua đó, Trường có thể nắm bắt được tâm tư, dư luận người học, kịp thời uốn nắn, hướng dẫn để người học hiểu đầy đủ, hiểu đúng về chủ trương chính sách, các quy định của Trường. Việc phổ biến pháp luật theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT được Trường nghiêm túc thực hiện. Môn Pháp luật đại cương được đưa vào chương trình học của tất cả các ngành học. Câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật của Trường thường tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề, các phiên tòa giả định, các buổi dự khán các phiên tòa tại Tòa án Nhân dân TP.HCM, qua đó giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong người học [H06.06.06.04-05].

Các nội quy, quy định được Trường thông tin rộng rãi, công khai đến người học thông qua việc in trong Sổ tay SV, mỗi lớp học đều có bảng nội quy, dán tại Thư viện, các Phòng Thí nghiệm [H06.06.06.06], [H06.06.01.04].

Kết thúc mỗi năm học, Phòng CTSV có tổng kết công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Trường cho người học của Trường [H06.06.06.07].

2. Điểm mạnh:

Trường đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho người học, phát huy tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của Trường.

Trường phổ biến đầy đủ các nội quy và có các biện pháp hỗ trợ để người học thực hiện.

3. Tồn tại:

Một số quy định chưa được thực hiện tốt như đeo Thẻ SV, viết vẽ trên bàn học.

4. Kế hoạch hành động:

Hàng năm, dựa theo chủ đề xác định, Trường tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng các hoạt động thiết thực gắn với cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của người học.

Trong kế hoạch năm học hàng năm, Trường xây dựng cụ thể việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các sự kiện và nhân vật lịch sử nhằm giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy, quy định của Trường. Trường phân công các đơn vị có liên quan như Phòng CTSV, Văn phòng Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp phối hợp thực hiện có hiệu quả.

Từ năm học 2016-2017, Trường có kế hoạch tăng cường giám sát việc thực hiện nội quy của người học và có báo cáo định kỳ cho BGH.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả:

Với mục tiêu đào tạo là giúp người học có việc làm phù hợp và làm được việc sau khi tốt nghiệp, Trường đã có những biện pháp hiệu quả để cụ thể hóa mục tiêu

này. Các CTĐT của tất cả các ngành đều có mô tả đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm khi tốt nghiệp [H03.03.01.02], [H03.03.01.10], [H03.03.01.15], [H03.03.02.01].

Phòng CTSV là đơn vị được giao nhiệm vụ hướng nghiệp, tư vấn việc làm và bố trí một chuyên viên phụ trách. Đến tháng 8/2015, Trường quyết định thành lập Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm trực thuộc Phòng, là đơn vị đảm nhận công tác hướng nghiệp hỗ trợ SV, giúp người học tìm kiếm việc làm để chuyên nghiệp hóa hơn cho việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học chuẩn bị trang bị các kỹ năng nghề nghiệp và tạo nhiều cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp [H06.06.07.01], [H06.06.05.12-13].

Hoạt động hàng năm của Trường trong việc hỗ trợ tư vấn/giới thiệu việc làm cho người học trước đây thường là báo cáo chuyên đề, hướng dẫn SV viết đơn xin việc, chuẩn bị kỹ năng trả lời phỏng vấn. Từ năm học 2013-2014 đến nay, vào dịp SV tốt nghiệp, Trường tổ chức Ngày hội Nghề nghiệp với các nội dung tuyển dụng, hội thảo, tọa đàm hướng nghiệp tất cả các ngành của Trường đào tạo với sự tham gia của doanh nghiệp, cá nhân trên nhiều lĩnh vực giúp người học nhận thức về việc cần trang bị kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc và có thái độ tốt để bước vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp một cách tự tin [H06.06.07.02].

Việc trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để có thể tìm được việc làm phù hợp được các đơn vị triển khai thực hiện ngay từ lúc SV đang học năm thứ nhất thông qua dự án Hồ sơ xin việc trực tuyến - CV online (<http://cvonline.ou.edu.vn>), tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề và khuyến khích người học tham gia các câu lạc bộ học thuật liên quan nghề nghiệp do các khoa tổ chức [H06.06.07.03].

Việc ký kết với các doanh nghiệp hoặc các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực nghề nghiệp của các ngành Trường đào tạo với những nội dung hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động và nội dung chủ yếu thường là các doanh nghiệp góp ý CTĐT của

Trường gắn với thực tiễn, tiếp nhận SV thực tập, tham quan doanh nghiệp và tuyển dụng SV tốt nghiệp [H06.06.07.04].

SV năm cuối được Trường giới thiệu về các cơ quan, doanh nghiệp để thực tập, tích lũy kinh nghiệm thực tế, tìm kiếm cơ hội việc làm. Hiện nay, Trường có mối liên hệ với nhiều đơn vị tại TP.HCM và các tỉnh lân cận, những nơi có thể gửi người học đến kiến tập, thực tập. Các chương trình tham quan thực tế, đều được các Khoa chuyên môn chú trọng và triển khai đều đặn. Trường có các website tiện ích trực tuyến: Cổng hồ sơ xin việc trực tuyến - CV online nhằm cung cấp các bài viết về hướng nghiệp, kỹ năng, định hướng cho SV ngay từ năm nhất cần chuẩn bị trang bị những kỹ năng, Ngoại ngữ, Tin học cần thiết khi ra Trường; Chuyên mục việc làm trên website Phòng CTSV; Cổng thông tin việc làm chuyên nghiệp (<http://vieclam.ou.edu.vn>) đăng tải nhiều thông tin vị trí việc làm, giúp SV có thêm kênh thông tin trong quá trình tìm việc của mình [H06.06.07.05].

Nhờ những nỗ lực đó, khoảng 90% sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp và khoảng 67% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo (khảo sát năm 2014 và 2016), khoảng 66% sinh viên có việc làm ngay khi nhận bằng tốt nghiệp trong 5 năm 2011-2015 [H06.06.07.06].

2. Điểm mạnh:

Trường rất quan tâm đến việc thành lập đơn vị chuyên trách hỗ trợ sinh viên, tổ chức các hoạt động hỗ trợ như tổ chức Ngày hội Nghề nghiệp, ký kết hợp tác với doanh nghiệp, thành lập các website nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm, đặc biệt là việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Việc định hướng vị trí việc làm của ngành đào tạo trong CTĐT, các buổi hội thảo có sự tham gia của doanh nghiệp giúp người học hiểu và thực hiện việc trang bị những kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc để có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo khi tốt nghiệp.

Hàng năm, Trường đều thực hiện khảo sát, đánh giá điều tra về tình hình SV có việc làm sau tốt nghiệp giúp cải tiến, điều chỉnh bổ sung các hoạt động hỗ trợ cho người học ngay trong quá trình học.

3. Tồn tại:

Các website, cổng thông tin việc làm mới đưa vào hoạt động, các thông tin việc làm bước đầu đang liên kết các website khác, các nguồn thông tin trực tiếp thực hiện chưa nhiều.

Các buổi báo cáo chuyên đề cũng chưa mời được nhiều cựu SV thành đạt về nói chuyện, chia sẻ kinh nghiệm với SV, giúp SV xây dựng mục tiêu, phấn đấu phát triển sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Ngoài các đơn vị đã phối hợp, Trường tiếp tục ký hợp tác với những đơn vị giới thiệu lao động lớn, có uy tín để cung cấp nhiều thông tin về các nhu cầu tuyển dụng cũng như hỗ trợ SV nhận thức đúng và đầy đủ về yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Sau Ngày hội Nghề nghiệp hàng năm, Phòng CTSV chủ động làm việc với các doanh nghiệp để hợp tác tiếp nhận SV thực tập, tuyển dụng SV tốt nghiệp.

Thường xuyên cung cấp thêm thông tin về các Ngày hội Tuyển dụng, Ngày hội Việc làm của các đơn vị khác cho SV tốt nghiệp của Trường để tìm kiếm cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Năm học 2016-2017, phải tăng cường hoạt động của Hội Cựu SV nhằm thu thập thông tin về SV sau khi tốt nghiệp cũng như tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV của Trường từ các doanh nghiệp của cựu SV, mời Cựu SV thành đạt báo cáo chuyên đề cho SV.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành đào tạo.

1. Mô tả:

Trường luôn chú trọng tổ chức đào tạo sao cho SV có việc làm sau khi tốt nghiệp và làm việc đúng ngành đào tạo. Ngay từ việc mở ngành và chuyên ngành đào tạo, Trường chỉ mở những ngành, chuyên ngành mà xã hội đang có nhu cầu cao nhằm giúp SV dễ kiếm việc làm khi ra Trường. Đồng thời, Trường luôn chú ý đến xu hướng việc làm của thị trường để điều chỉnh chỉ tiêu của từng ngành cho phù hợp (những ngành xã hội ít có nhu cầu sẽ được giảm chỉ tiêu và ngược lại những ngành xã hội đang có nhu cầu sẽ được tăng chỉ tiêu). Việc xây dựng CTĐT luôn chú trọng đến việc đào tạo ra để SV có khả năng kiếm việc làm, Trường đã thực hiện việc tham khảo doanh nghiệp và tổ chức bên ngoài, tham khảo cựu SV và tham khảo CTĐT các Trường trong và ngoài nước để xây dựng chương trình phù hợp với yêu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, CTĐT luôn xác định vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, trong quá trình đào tạo, Trường luôn chú trọng đến việc gắn thực hành, thực tập để SV có khả năng tiếp cận và trải nghiệm thực tế ngay khi đang học tại Trường và từ đó SV có khả năng tìm được việc làm đúng ngành đào tạo hơn. Bên cạnh việc thực tập, từ năm 2015 trở đi, các khoa đều có kế hoạch và chương trình cho việc mời chuyên gia tham gia giảng dạy và báo cáo chuyên đề và chương trình đi thực tế học tập cho từng môn học [H6.06.08.01-03].

Trường chú trọng đến công việc tự kinh doanh của SV nên ở mỗi khoa đều có các buổi báo cáo chuyên đề về khởi nghiệp phù hợp với từng ngành của mỗi khoa và ở cấp Trường trong một số buổi báo cáo chuyên đề, Trường cũng mời một số doanh nhân nói chuyện chuyên đề với SV về khởi nghiệp, giúp SV có cái nhìn về việc tự tạo việc làm cho mình [H06.06.08.04].

Trong các kỳ thực tập tốt nghiệp, các Khoa đều quy định và quản lý chặt chẽ việc thực hiện chuyên đề thực tập phải gắn với thực tiễn doanh nghiệp. Ở Ngày hội Nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia nhiều hoạt động như giới thiệu doanh nghiệp, tuyển dụng, tham gia hội thảo, tọa đàm về định hướng vị trí việc làm với

các khoa, giới thiệu đến SV năm cuối nhiều cơ hội việc làm theo ngành nghề được đào tạo [H06.06.08.05-06].

Trường thành lập Trung tâm Hướng nghiệp – Tư vấn việc làm nhằm giới thiệu việc làm miễn phí cho SV của Trường, đây cũng là kênh tìm kiếm việc làm cho SV của Trường [H06.06.08.07].

Trường chú trọng đến việc ký kết hợp tác với các đối tác là các doanh nghiệp, các cơ sở và các đơn vị bên ngoài nhằm cùng tìm kiếm việc làm cho SV, NCKH và tham gia đào tạo để tăng tính thực tế cho SV của Trường [H06.06.08.08].

Nhiều năm qua, Trường luôn khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp trong vòng một năm kể từ ngày tốt nghiệp. Trong 05 năm trở lại đây, từ 2011 đến 2016, số liệu khảo sát cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ngay khi vừa tốt nghiệp dao động khoảng 66%. Kết quả khảo sát bổ sung cho thấy, khoảng 90% sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp và khoảng 67% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo. Tỷ lệ này khá tốt trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế trong những năm qua, khi nguồn việc làm còn hạn chế. Có được kết quả tương đối như vậy là do Trường khi xây dựng CTĐT các ngành đã xác định rõ mục tiêu, định vị được người học làm gì sau tốt nghiệp [H06.06.08.09-10].

Ở bậc đào tạo SDH, tất cả học viên cao học và nghiên cứu sinh là những người đang đi làm, việc học là để nâng cao chuyên môn trong công việc. Đa số học viên là CB-VC, GV, cán bộ nghiên cứu, chuyên viên và cán bộ quản lý, đều có việc làm và kinh nghiệm công tác nhất định. Khi tham gia trả lời bảng câu hỏi khảo sát của Trường, 72,5% cho rằng có khả năng được đề bạt lên chức vụ cao hơn và 66,5% hy vọng có khả năng được tăng lương sau khi học [H06.06.08.11].

Tổ chức Hội cựu SV cao học và đại học hàng năm nhằm gắn kết giữa Trường với cựu SV và học viên nhằm mục đích tạo việc làm cho SV Trường [H6.06.06.08.12].

2. Điểm mạnh:

Trường chú trọng đến khả năng tìm việc làm cho SV ngay từ lúc mở ngành, chuyên ngành và chỉ tiêu của từng ngành. CTĐT của Trường đã hướng tới các mục tiêu về tri thức, kỹ năng, thái độ và định vị được vị trí công việc sau này của người học.

Các hoạt động hướng nghiệp, sự nối kết với doanh nghiệp đã góp phần giúp người học tìm được việc làm đúng ngành nghề sau tốt nghiệp.

Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành đào tạo khá cao.

3. Tồn tại:

Việc khảo sát lấy ý kiến của SV tốt nghiệp và ý kiến việc làm của SV tốt nghiệp sau 01 năm chỉ mới được thực hiện từ năm 2014 trở lại đây (những năm trước Trường chỉ khảo sát SV tốt nghiệp sau 03 - 06 tháng). Do đó, chưa có số liệu cho cả 05 năm.

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục thực hiện việc khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp và ý kiến của SV tốt nghiệp sau 01 năm để có số liệu đầy đủ hơn.

Các Khoa tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTĐT, nội dung giảng dạy gắn với thực tế để tăng khả năng việc làm cho SV sau khi ra Trường.

Tăng cường thêm các hoạt động hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp cho SV để tăng cơ hội việc làm cho SV tốt nghiệp của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Trường đã xác định rõ người học là trung tâm của hoạt động đào tạo, vừa là người đón nhận kiến thức từ quá trình đào tạo, vừa là một chủ thể tham gia đánh giá, xây dựng CTĐT, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV. Ở mọi hình thức và bậc đào tạo, người học đều được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học. Cụ thể:

Khi kết thúc mỗi học kỳ, Trường đều có kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi cho tất cả các môn học và các GV giảng dạy. Trước đây việc khảo sát được thực hiện bằng phiếu, từ năm 2010 đến nay được thực hiện thông qua internet khi mỗi đợt đăng ký môn học trực tuyến học kỳ tiếp theo bắt đầu. Cụ thể: SV vào website đăng ký môn của Trường để đăng ký môn học. Trước khi in phiếu nộp tiền, SV phải thực hiện quá trình đánh giá GV của từng môn học đã học ở học kỳ trước đó (mỗi môn học là 01 phiếu đánh giá). Sau khi đánh giá xong môn học, SV sẽ được in phiếu nộp tiền. Đây là đánh giá bắt buộc đối với SV đang theo học [H06.06.09.01-03].

Kết quả đánh giá từng học kỳ được phân tích, thống kê và gửi đến từng Khoa, Ban chuyên môn để Khoa/Ban nhận biết, điều chỉnh kịp thời việc phân công giảng dạy, phương pháp và thái độ giảng dạy của GV [H06.06.09.04].

Các buổi sinh hoạt Chi đoàn, Chi hội, họp lớp được Khoa tổ chức đều đặn hàng tháng, mọi ý kiến phản hồi về giảng dạy, về phục vụ giảng dạy từ SV đều được ghi nhận và báo về các bộ phận liên quan để xử lý kịp thời [H06.06.09.05].

Hàng năm, Trường đều tổ chức chương trình tiếp xúc SV và sinh hoạt công dân đầu năm. Những câu hỏi, thắc mắc liên quan đến chất lượng giảng dạy, CTĐT, các dịch vụ phục vụ được Trường tiếp nhận đầy đủ, hướng dẫn, giải thích để SV hiểu, đồng thời cố gắng khắc phục những tồn tại từ phía Trường [H06.06.09.06].

Trường bố trí GV cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp và cán bộ phụ trách lớp cũng là biện pháp để lắng nghe ý kiến và tâm tư nguyện vọng của SV về tình hình giảng dạy. GV cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp và cán bộ phụ trách

lớp phản ánh tình hình làm việc với SV, trong đó có tình hình giảng dạy của GV [H06.06.09.07-08].

Bên cạnh đó, Phòng QLĐT luôn có bộ phận tiếp xúc SV để giải đáp những thắc mắc và yêu cầu của SV. Phòng QLĐT đã có đường dây nóng (39.300.072) và email quanlydaotao@ou.edu.vn-phongqldt@ou.edu.vn, Bộ phận trực cơ sở cũng là nơi để SV phản ánh về việc giảng dạy của GV. Do đó, hàng mỗi học kỳ, các Khoa/Bộ môn cũng có nhận được hồi âm của SV về giảng dạy của GV để cải thiện phương pháp giảng dạy [H06.06.09.09].

Công tác đánh giá của SV tốt nghiệp bậc đại học chính quy được Trường triển khai thực hiện khi SV nhận bằng tốt nghiệp và kết quả này được tổng kết đánh giá hàng năm và được Trường sử dụng để cải tiến CTĐT, cải tiến chất lượng dịch vụ của Trường [H06.06.09.10-11].

Trường cũng đã khảo sát mức độ hài lòng của SV tốt nghiệp hệ không chính quy đối với chương trình và công tác tổ chức đào tạo. Trong số 17 nội dung được hỏi, có 06 nội dung đạt được mức hài lòng trung bình, 11 nội dung còn lại được đánh giá là hài lòng [H06.06.09.12].

Với bậc đào tạo sau đại học, Trường cũng triển khai thực hiện việc đánh giá định kỳ 02 lần/năm. Thông tin nhận được đã được Khoa Đào tạo SDH tổng hợp và lưu trong dữ liệu quản lý của khoa như một phần nội dung bắt buộc. Trước khi tốt nghiệp và nhận bằng Thạc sĩ, học viên được yêu cầu hoàn tất Phiếu đánh giá khóa học. Nội dung các Phiếu đánh giá được Khoa thường xuyên rà soát và chỉnh sửa, cập nhật cho sát với yêu cầu của từng thời kỳ [H06.06.09.13-14].

2. Điểm mạnh:

Người học của các hệ đào tạo đại học và sau đại học chính quy, thường xuyên đều được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước và sau khi tốt

nghiệp. Trong quá trình học tập, có điều kiện để đề bạt ý kiến của mình cho GV chủ nhiệm, cố vấn học tập hoặc cán bộ phụ trách lớp. Điều này đã tác động tích cực đến quá trình đổi mới phương pháp, rà soát CTĐT và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, tạo dựng niềm tin với người học và xã hội.

3. Tồn tại:

Vì đánh giá được thực hiện vào đầu học kỳ sau nên không phải tất cả SV đều tham gia đánh giá mà chỉ có các SV tiếp tục đăng ký môn học học kỳ sau mới tham gia đánh giá.

Người học ở hình thức VLVH chưa được khảo sát ý kiến về chất lượng giảng dạy của GV.

4. Kế hoạch hành động:

Tất cả các Khoa chuyên môn và Phòng QLĐT, Phòng CTSV, Trung tâm ĐTTX tăng cường việc khảo sát trực tuyến, thực hiện chính sách khuyến khích tham gia đánh giá để có đầy đủ các thông tin dữ liệu cần thiết, làm cơ sở giúp Trường phát huy những mặt tích cực, cải thiện các mặt tồn tại.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học phát huy tối đa khả năng của bản thân trong học tập và rèn luyện. Các chế độ chính sách hỗ trợ người học được đảm bảo đầy đủ. Các hoạt động đồng hành cùng người học trong đời sống văn hóa và tinh thần luôn được quan tâm và hỗ trợ tích cực.

Trong quá trình đào tạo, Trường luôn quan tâm đến phản hồi của người học, có khảo sát những ý kiến đánh giá của người học về chất lượng đào tạo, về GV và kết quả tìm kiếm việc làm sau khi ra Trường. Ngoài ra, Trường cũng chủ động mời các doanh nghiệp cùng Trường tham gia định hướng nghề nghiệp cho người học.

Công tác chính trị tư tưởng được triển khai sâu rộng thông qua nhiều hình thức đến người học.

Từ năm học 2014-2015, Trường có nhiều website hỗ trợ SV trong quá trình học cũng như tìm việc làm sau khi tốt nghiệp như đánh giá kết quả rèn luyện trực tuyến, Cổng hồ sơ xin việc trực tuyến (CV online <http://cvonline.ou.edu.vn>), Cổng thông tin cổ vấn học tập trực tuyến, Cổng thông tin việc làm (<http://vieclam.ou.edu.vn>).

Kết quả cho thấy tỉ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành đào tạo của Trường khá cao.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **09** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu

Với tầm nhìn là một Trường đa ngành định hướng ứng dụng, Trường đã xây dựng được một đội ngũ nghiên cứu có uy tín trong một số lĩnh vực mà Trường có thế mạnh là Công nghệ Sinh học, Kỹ thuật Công trình Xây dựng, kinh tế - xã hội. Trường đã đầu tư trang bị các phòng thí nghiệm tiên tiến, nghiên cứu thành công nhiều đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tế, đặc biệt là các nghiên cứu về chẩn đoán và phát hiện ung thư trong lĩnh vực Công nghệ Sinh học và nghiên cứu về vốn xã hội trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Ngoài ra, phù hợp với tầm nhìn phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội, Trường đã có định hướng hoạt động khoa học vào các hình thức hội nghị, hội thảo nhằm đóng góp cho công tác hoạch định chính sách vĩ mô và đã đạt được những kết quả cụ thể.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường đại học.

1. Mô tả:

Việc xây dựng và triển khai hoạt động NCKH của Trường được thực hiện dựa trên nền tảng kế hoạch chiến lược phát triển chung và các đề xuất từ các cá nhân, đơn vị [H07.07.01.01].

Trên cơ sở chiến lược phát triển dài hạn của Trường, Trường đã ban hành các văn bản qui định cần thiết. Do chiến lược phát triển của Trường là một Trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, Trường không đưa ra các định hướng, giới hạn và ràng buộc cụ thể về các lĩnh vực nghiên cứu. Việc hình thành kế hoạch nghiên cứu chủ yếu xuất phát từ các đề xuất từ các cá nhân, đơn vị. Tuy nhiên Trường luôn luôn khuyến khích các hoạt động khoa học mang tính ứng dụng, điều này được thể hiện rõ trong tiêu chuẩn, yêu cầu của đề tài nghiên cứu [H07.07.01.02-04].

Hàng năm, dựa trên kế hoạch chiến lược dài hạn, Trường hình thành các nhiệm vụ trọng tâm, sau đó cụ thể hóa thành các định hướng hoạt động của năm đến các đơn vị. Trên cơ sở định hướng hoạt động hàng năm, các cá nhân, đơn vị đề xuất các đề tài nghiên cứu. Sau khi các đề cương được đánh giá về chuyên môn, hội đồng xét duyệt đề tài sẽ quyết định các đề tài nghiên cứu được thực hiện và mức kinh phí được cấp [H07.07.01.05-07].

Trong quá trình thực hiện, Phòng HT&QLKH quản lý về quy trình, Phòng TC-KT quản lý về các thủ tục tài chính. Các chủ nhiệm phải báo cáo tiến độ mỗi 6 tháng cho Phòng HT&QLKH và báo cáo cho Phòng TC-KT trước khi thực hiện tạm ứng để Trường nắm tình hình và có các biện pháp tháo gỡ khó khăn. Các đề tài sau khi hoàn thành đều được nghiệm thu đúng quy định [H07.07.01.08-09].

2. Điểm mạnh:

Trường có kế hoạch, quy trình và định mức Ngân sách rõ ràng để GV và SV tham gia NCKH. Các kế hoạch hàng năm được xây dựng từ kế hoạch dài hạn thành các nhiệm vụ trọng tâm trước khi chi tiết hóa thành các hoạt động và đề tài cụ thể. Điều này bảo đảm các hoạt động khoa học của Trường đều thống nhất và phù hợp với chiến lược và mục tiêu phát triển của Trường.

3. Tồn tại:

Quá trình xét duyệt đề tài cấp Bộ hiện nay tiến hành quá gấp rút do còn phụ thuộc vào kế hoạch triển khai của Bộ.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2016-2017, Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học sẽ thay đổi quy trình chuẩn bị và đăng ký đề tài cấp Bộ để chủ động trong việc đề xuất đề tài. Cụ thể là việc thông báo triển khai đề xuất nghiên cứu sẽ được bắt đầu từ tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ tháng 1-2017. Điều này cho phép GV có nhiều thời gian chuẩn bị và phát triển đề xuất và đề cương nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả:

Trong 5 năm qua, Trường thực hiện 100 đề tài cấp cơ sở, 5 đề tài cấp Bộ, 4 đề tài cấp Tỉnh, Thành phố [H07.07.02.01].

Bảng 7.2.1: Thông kê số lượng đề tài từ năm 2011 đến nay

Đơn vị tính: đề tài

Năm hoàn tất	Số lượng đề tài cấp cơ sở phê duyệt	Trễ hạn	Số lượng đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố phê duyệt	Trễ hạn
2011	7			
2012	13		4 (cấp bộ)	
2013	21		1 (cấp Tỉnh)	
2014	18		2 (Cấp Tỉnh/Thành phố)	
2015	27		1 (cấp Tỉnh)	
2016	14		1 (cấp Bộ)	
Tổng cộng	100		9	

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

Nhằm quản lý việc thực hiện đề tài đúng kế hoạch, Trường đã xây dựng qui định NCKH của GV trong đó có nêu rõ trình tự và thời hạn thực hiện đề tài, số lượng đề tài GV có thể đảm nhiệm và các hình thức chế tài thích hợp nếu không hoàn thành đề tài. Qui định cũng nêu rõ chế độ báo cáo định kỳ trong quá trình thực hiện đề tài. Để tạo điều kiện cho việc thực hiện đề tài được hoàn thành, Trường có chế độ xem xét gia hạn đề tài hoặc các biện pháp hỗ trợ khác như cho phép điều chỉnh mục tiêu thực hiện, điều chỉnh thành viên tham gia đề tài, và kế hoạch điều chỉnh phải có tính khả thi [H07.07.01.02-04].

Nhằm đảm bảo kỷ cương trong thực hiện, trong giai đoạn 2011-2014, Trường cũng đã tiến hành thanh lý bắt buộc các đề tài trễ hạn kéo dài không có khả năng hoàn thành. Một số Trường hợp là bất khả kháng do chủ nhiệm đề tài đi du học, đi

nước ngoài, hoặc chuyển công tác sang Trường khác. Các chủ nhiệm có đề tài bị thanh lý đều phải hoàn trả kinh phí theo quy định hiện hành. Hiện nay Trường không có đề tài trễ hạn [H07.07.01.08].

2. Điểm mạnh:

Trường có các quy định rõ ràng về chế độ theo dõi và quy trình thực hiện đề tài. Trường nghiêm túc và quyết liệt trong việc thanh lý các đề tài trễ hạn.

3. Tồn tại:

Trong giai đoạn qua (tính đến tháng 6-2016) đề tài cấp cơ sở được thực hiện mỗi năm một đợt, chưa khuyến khích GV, nghiên cứu viên tham gia thực hiện đề tài.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Trường sẽ ban hành quy định mới về NCKH, trong đó việc xét duyệt đề tài sẽ được tiến hành 3 lần trong năm và GV có thể nộp hồ sơ đăng ký tại bất kỳ thời điểm nào.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.3: Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Trường đại học.

1. Mô tả:

GV của Trường đã công bố nhiều bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và các tạp chí quốc tế. Trong 5 năm qua, đã có tất cả 353 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, 33 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế. Bên cạnh đó, cũng đã có 93 bài được trình bày và đăng ký yếu tại các hội thảo trong nước và 65 tại các hội thảo quốc tế [H07.07.03.01-02].

Các lĩnh vực mà Trường có thế mạnh là Công nghệ Sinh học, Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Kinh tế-Xã hội đều có các bài báo và bài hội thảo quốc tế. Không chỉ giới hạn ở các bài công bố từ đề tài nghiên cứu, cán bộ GV của Trường cũng đã

chủ động thực hiện các công bố trong và ngoài nước không dựa vào việc thực hiện đề tài và không sử dụng kinh phí của Trường [H07.07.03.03].

Bảng 7.3.1: Thông kê số lượng bài báo và bài đăng ký yếu từ 2011 đến nay

Đơn vị tính: bài báo

Năm	Số lượng bài báo đăng tạp chí		Số lượng bài đăng ký yếu hội thảo	
	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế
2011	86	1	3	2
2012	55	4	3	6
2013	32	3	7	0
2014	52	10	18	5
2015	74	7	45	24
2016	54	8	17	28
Tổng cộng	353	33	93	65

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

Trường đã có chính sách khuyến khích việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín và các tạp chí quốc tế. Trường cũng chú ý đến các kênh công bố khác như các hội nghị khoa học. Do vậy, Trường cũng đã có cơ chế khuyến khích cán bộ GV công bố kết quả nghiên cứu thông qua việc tham dự các hội nghị. Cơ chế khuyến khích này bao gồm những hỗ trợ về thủ tục, tạo điều kiện tham gia cũng như những hỗ trợ tài chính [H07.07.01.03-04].

Tuy nhiên chưa có sự tương ứng giữa việc công bố và các đề tài nghiên cứu. Trong số các đề tài đã thực hiện, chỉ có 22 đề tài (trong số 109 đề tài các cấp) là có sản phẩm công bố [H07.07.03.04].

2. Điểm mạnh:

Số lượng công bố rất cao so với số lượng đề tài thực hiện nếu tính chung. Nhiều cán bộ nghiên cứu đã tự tiến hành nghiên cứu và công bố không cần thông qua đăng ký đề tài và không sử dụng kinh phí của Trường.

Trường có cơ chế khuyến khích tài chính mạnh mẽ để hỗ trợ GV, SV NCKH. Nhằm khuyến khích việc công bố quốc tế từ các đề tài, Trường cũng đã đưa ra hệ thống đề tài công bố quốc tế với các hỗ trợ cao về kinh phí.

Trường bước đầu chú trọng quy định bắt buộc GV NCKH nên đã tạo được sự phát triển số lượng đề tài và bài báo công bố.

3. Tồn tại:

Trong giai đoạn qua, do tập trung mạnh vào định hướng ứng dụng, Trường chủ động không đưa ra các yêu cầu bắt buộc về công bố đối với các đề tài NCKH. Do đó mặc dù tính về số lượng lượng bài báo là cao hơn số đề tài, nhưng xét về sự tương xứng thì chưa đạt tiêu chuẩn mỗi đề tài đều phải có ít nhất một sản phẩm công bố.

4. Kế hoạch hành động:

Trường đã có kế hoạch thúc đẩy công bố trong hoạt động nghiên cứu. Trường ban hành quy định mới về NCKH trong đó quy định bắt buộc các đề tài cấp cơ sở đều phải có công bố trên tạp chí được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 7.4: Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả:

Trường đã xác định rõ định hướng ứng dụng của đề tài nghiên cứu. Để cụ thể hóa định hướng này, trong quy chế NCKH, Trường đã có nhấn mạnh đến khía cạnh ứng dụng của các công trình nghiên cứu [H07.07.01.02].

Trường cũng đã hình thành các chương trình nghiên cứu phối hợp với địa phương và nhằm vào phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trường cũng khuyến khích tạo điều kiện cho GV, cán bộ tham gia chủ trì hoặc

tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu theo nhu cầu của địa phương. Do đó, trong giai đoạn qua trường đã có các đề tài thực hiện thành công theo nhu cầu địa phương như các đề tài thực hiện cho Đồng Tháp, Gia Lai, Long An, TP.HCM và hiện nay vẫn đang tiếp tục thực hiện một số đề tài [H07.07.02.01], [H07.07.04.01-02].

Các đề tài thuộc những lĩnh vực mạnh của Trường như Công nghệ Sinh học đã có yêu cầu đặt hàng nghiên cứu và được doanh nghiệp phối hợp tài trợ để sử dụng kết quả nghiên cứu [H07.07.04.03].

Ngoài các đề tài nghiên cứu, Trường đã phối hợp với các địa phương và các đơn vị nghiên cứu, tư vấn chính sách trong ngoài nước tổ chức nhiều hội thảo phục vụ công tác hoạch định chính sách. Điển hình là các hội thảo phối hợp tổ chức với Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh Tế Trung ương, Viện Chính sách & Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn, Học viện Chính trị Hành chính quốc gia, UBND Tỉnh Đồng Tháp, tổ chức UNIDO, ... Hàng loạt kết quả từ các hội thảo đã được sử dụng trong các văn kiện, tài liệu chính sách trên toàn quốc và được xuất bản [H07.07.04.04].

2. Điểm mạnh:

Trường đã có các nghiên cứu có tính ứng dụng rộng rãi trong thực tế và có tác động lớn đến công tác hoạch định chính sách kinh tế-xã hội. Các công trình nghiên cứu kết hợp với địa phương đã được địa phương đánh giá cao, hỗ trợ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Tồn tại:

Mặc dù hoạt động nghiên cứu của Trường đã có đóng góp lớn cho xã hội, nhưng việc tập trung nguồn lực cho các hoạt động nghiên cứu phục vụ phát triển cộng đồng và phát triển kinh tế xã hội ở cấp độ vĩ mô và định hướng chính sách đã dẫn đến việc chưa có các hợp đồng chuyển giao công nghệ lớn, chưa có đăng ký phát minh sáng chế.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng HT&QLKH nghiên cứu đề xuất quy định về khuyến khích chuyển giao công nghệ, trong đó bao gồm các chiến lược đầu tư để thực hiện các nghiên cứu nhằm đăng ký phát minh sáng chế. Cụ thể là trong năm 2017, Trường ban hành quy định về khuyến khích chuyển giao công nghệ và kế hoạch đầu tư vào các đề tài nghiên cứu nhằm thực hiện đăng ký phát minh sáng chế.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.5: Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của Trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả:

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN của Trường trong những năm qua vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Tuy vậy, xét trên phương diện thực hiện đề tài, Trường cũng đã có nguồn thu từ việc thực hiện các đề tài các cấp. Tính chung, trong 5 năm qua, Trường đã chi 3.22 tỷ cho thực hiện đề tài. Ngược lại, Trường cũng nhận được tổng kinh phí cho việc thực hiện các đề tài từ các nguồn ngoài Trường là 884,3 triệu đồng thực hiện đề tài cấp Tỉnh, Thành phố [H07.07.05.01].

Bên cạnh đó, Trường cũng đã nhận được tài trợ cho hoạt động nghiên cứu và liên quan đến nghiên cứu từ các tổ chức quốc tế với tổng giá trị 764,700 USD (ước tương đương 15 tỷ) [H07.07.05.02].

Bảng 7.5.1: So sánh nguồn thu chi đề tài giai đoạn 2011-2016

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Tổng chi	Tổng thu
2011	476,063	100,000
2012	685,330	70,000
2013	687,555	476,344
2014	587,415	60,000

Năm	Tổng chi	Tổng thu
2015	507,623	178,000
2016	281,732	0
Tổng cộng	3.225,718	884,344

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

Bảng 7.5.2: Nguồn thu tài trợ quốc tế 2011-2016

Đơn vị tính: USD

Giai đoạn	Tổng tài trợ
2009-2012	749,700
2011-2014	15,000
Tổng cộng	764,700

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016 (Chỉ tính các nguồn thu thực hiện nghiên cứu, triển khai và các hoạt động có liên quan, không bao gồm các tài trợ về học bổng và các dạng khác)

2. Điểm mạnh:

Trường đã huy động được nguồn thu quốc tế để cân đối cho hoạt động nghiên cứu. Tổng nguồn thu trong giai đoạn qua đã đạt gấp năm lần tổng chi.

3. Tồn tại:

Các nguồn thu chủ yếu từ kinh phí để thực hiện đề tài. Chưa có nguồn thu từ chuyển giao công nghệ. Phần lớn nguồn thu là từ các nguồn tài trợ quốc tế, chưa tận dụng được nguồn thu trong nước.

4. Kế hoạch hành động:

Trường đã giao Phòng HT-QLKH nghiên cứu đề xuất quy định về khuyến khích chuyển giao công nghệ, trong đó bao gồm các chiến lược đầu tư để thực hiện các nghiên cứu nhằm đăng ký phát minh sáng chế. Năm 2017, Trường ban hành quy định về khuyến khích chuyển giao công nghệ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.6: Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các Trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của Trường.

1. Mô tả:

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường đã có gắn kết với đào tạo thông qua hoạt động SV NCKH. Đây là một thế mạnh của Trường. Hàng năm có hàng trăm SV tham gia nghiên cứu thông qua hình thức đề tài. Dựa trên các đề tài, Trường tổ chức đánh giá và xét giải cấp Trường [H07.07.06.01-02].

Dựa trên kết quả cấp Trường, Trường tuyển chọn các đề tài tham gia cuộc thi Tài năng Khoa học Trẻ cấp Bộ và cuộc thi Eureka cấp Thành phố. Tính đến nay, Trường đã được tổng cộng 25 giải trong cuộc thi Tài năng khoa học Trẻ; và 43 giải trong cuộc thi Eureka (Bảng 7.6.1) [H07.07.06.03-04].

Bảng 7.6.1 Giải thưởng cấp Bộ “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam”

Đơn vị tính: Giải

Năm	Nhì	Ba	KK
2011	02	02	02
2012	00	03	03
2013	00	03	04
2014	03	00	03

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

Bảng 7.6.2: Giải thưởng cấp Thành phố Euréka

Đơn vị tính: Giải

NĂM	Giải LVXS	ĐẠT GIẢI			
		NHẤT	NHÌ	BA	KK
2011	02	02			04
2012	01	03	01	02	06

NĂM	Giải LVXS	ĐẠT GIẢI			
		NHẤT	NHÌ	BA	KK
2013	02	02	04	01	03
2014	Không xét	01	00	00	03
2015	Không xét	00	02	02	02

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016 (Từ năm 2014 giải thưởng Eureka ngưng không xét giải LVXS).

Trường đã nhận được Bằng khen các cấp vì đã hoàn thành xuất sắc trong hoạt động NCKH SV các năm 2011, 2012, 2013, 2014 [H07.07.06.05-06].

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường cũng có gắn kết với doanh nghiệp. Trường đã ký kết ghi nhớ hợp tác với các công ty và một số đã được triển khai. Ngoài ra, Trường cũng đã phối hợp với các tổ chức tư vấn, nghiên cứu và các địa phương tổ chức các hội thảo phục vụ công tác lập chính sách như các hội thảo phối hợp tổ chức với Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh Tế Trung ương, Viện Chính sách & Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn, Học viện Chính trị Hành chính quốc gia, UBND Tỉnh Đồng Tháp, tổ chức UNIDO, các trường đại học trong và ngoài nước... [H07.07.06.07-08].

Ngoài ra, các đề tài cũng đã có sản phẩm đào tạo, chủ yếu là hướng dẫn SV tốt nghiệp (đại học và sau đại học), viết sách, giáo trình. Tuy nhiên, cũng chỉ mới có 13 đề tài (trong số 109 đề tài các cấp) là có sản phẩm đào tạo [H07.07.06.09].

2. Điểm mạnh:

Hoạt động SV NCKH đạt nhiều thành tích cao và ổn định. Trường đã có liên kết với các địa doanh nghiệp và địa phương trong việc tổ chức và chuyển giao các kết quả hội thảo nhằm phục vụ thực tiễn kinh tế-xã hội.

3. Tồn tại:

Chưa có các chương trình liên kết về chuyển giao công nghệ. Việc hợp tác với doanh nghiệp trong NCKH còn ít. Đối với việc đóng góp vào hoạt động đào tạo, hiện chỉ mới có 13 đề tài là có sản phẩm đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng HT-QLKH nghiên cứu đề xuất quy định về khuyến khích chuyển giao công nghệ, trong đó bao gồm các chiến lược đầu tư để thực hiện các nghiên cứu nhằm đăng ký phát minh sáng chế. Năm 2017, Trường ban hành quy định về khuyến khích chuyển giao công nghệ. Trường cũng sẽ có thông báo khuyến khích các đề tài thực hiện các sản phẩm đào tạo nhằm mục tiêu nâng cao tỷ lệ đề tài có sản phẩm đào tạo trong giai đoạn 2017-2020.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả:

Trường đã ban hành quy định chi tiết về sở hữu trí tuệ, trong đó quy định rõ các cá nhân vi phạm bản quyền phải bồi thường thiệt hại. Đối với vấn đề bản quyền tài liệu in ấn trong giảng dạy, Trường thành lập bộ phận chuyên trách để xem xét và giải quyết vấn đề bản quyền. Ban học liệu chịu trách nhiệm tiến hành mua bản quyền và tổ chức in ấn các tài liệu được sử dụng trong học tập giảng dạy [H07.07.07.01-03].

Về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ, Trường đã có chú trọng đến vấn đề này và được thể hiện trong qui định NCKH, trong hồ sơ đăng ký và xét duyệt đề tài thông qua việc yêu cầu chủ nhiệm phải có lý lịch khoa học và có đánh giá về năng lực chủ nhiệm đề tài khi xét duyệt. Trường cũng đã chú trọng đưa việc giảng dạy về đạo đức nghiên cứu, các hướng

dẫn về trích dẫn, chống đạo văn trong môn học Phương pháp nghiên cứu [H07.07.01.02], [H07.07.07.04].

Đối với vấn đề đạo văn, Trường đã tiến hành mua phần mềm kiểm tra đạo văn và đã có khuyến cáo GV trong việc thực hiện chống đạo văn trong nghiên cứu. Ngoài ra, trong năm 2016 Trường cũng đã tiến hành mua bản quyền hệ điều hành Windows và Office để sử dụng cho các máy tính trong trường [H07.07.07.05].

Ngoài ra, để đảm bảo vấn đề sở hữu trí tuệ khi sử dụng các phần mềm trong giảng dạy, bên cạnh các phần mềm Windows và Office nói trên, Trường cũng đã tiến hành mua các phần mềm chuyên dụng Adobe Cativate và Educaplay để sử dụng trong dạy và học trực tuyến.

Trong 5 năm gần đây, không có các vụ việc vi phạm tiêu chuẩn đạo đức về NCKH và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Trường.

2. Điểm mạnh:

Trường đã có những quy định cụ thể về sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đạo đức trong NCKH.

3. Tồn tại:

Chưa có quy định riêng về đạo đức trong NCKH sự sống theo yêu cầu kiểm định của tiêu chí.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng HT&QLKH phối hợp với Khoa Công nghệ Sinh học để soạn thảo quy định về tiêu chuẩn đạo đức trong NCKH sự sống. Dự kiến đến tháng 01/2017 sẽ hoàn thành dự thảo.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ của Trường phát triển rất rất mạnh mẽ, đặc biệt là công tác lập kế hoạch, triển khai và quản lý hoạt động nghiên cứu bảo đảm dân chủ, tập trung và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của Trường. Việc triển khai đề tài được phổ biến và tiến hành hàng năm, bảo đảm tỷ lệ

số đề tài thực hiện so với số GV, đồng thời việc kiểm tra theo dõi đơn đốc được thực hiện quyết liệt nhằm bảo đảm không có đề tài trễ hạn. Số lượng bài công bố tăng đều qua các năm, nhất là các bài báo ở các hội nghị khoa học quốc tế và trên tạp chí quốc tế. Các kết quả hoạt động khoa học của Trường đã có đóng góp và tác động mạnh mẽ trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở cấp địa phương và Trung ương. Hàng loạt kết quả từ các Hội thảo khoa học của Trường đã được xuất bản, đã đi vào thực tiễn và được sử dụng trong công tác hoạch định chính sách trên phạm vi cả nước. Về mặt tài chính, trong giai đoạn qua, tổng nguồn thu đã đạt hơn năm lần tổng chi thực hiện đề tài. Tuy nhiên, nguồn thu này phần lớn vẫn dựa vào nguồn tài trợ quốc tế, chưa khai thác nguồn thu từ chuyển giao công nghệ. Hoạt động khoa học của Trường đã đem lại những đóng góp tích cực cho công tác giảng dạy và hợp tác, liên kết của Trường. Trường là một trong những trường mạnh về phong trào NCKH của SV. Bên cạnh đó, Trường cũng có mạng lưới liên kết với các doanh nghiệp, địa phương. Vấn đề sở hữu trí tuệ cũng được quan tâm đúng mức và được tuân thủ rộng rãi.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **06** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **01** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu

Hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập sâu, rộng vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội, hợp tác liên kết trong giáo dục đào tạo là xu thế ngày càng phát triển ở các trường ĐH. Mọi hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) của Trường được thực hiện hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng đào tạo và NCKH, tăng cường quảng bá, khẳng định hình ảnh và uy tín của Trường. Đảng ủy, BGH chú trọng phát triển hoạt động HTQT trong chiến lược dài hạn đến 2023 và được cụ thể hóa bằng kế hoạch công tác định kỳ hàng năm, có đơn vị chuyên trách để hoạt động HTQT được tổ chức hiệu quả và đúng quy định.

Tiêu chí 8.1: Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả:

Hoạt động HTQT của Trường được thực hiện theo các quy định của Nhà nước, được cụ thể hoá cho phù hợp với điều kiện của Trường qua Quy định về quản lý hoạt động Hợp tác Quốc tế của Trường ĐH Mở TP.HCM [H08.08.01.01].

Trường luôn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thẩm quyền có liên quan trong hoạt động HTQT qua việc gửi báo cáo thông tin các đoàn đến làm việc với Trường (đoàn vào) cho cơ quan công an có liên quan (PA83). Trường đã tổ chức tiếp đón 154 đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại Trường. Công tác tiếp đón đoàn vào được thực hiện theo quy định [H08.08.01.02-04].

Hiện nay, Trường đã là hội viên chính thức của Hiệp hội các Trường ĐH Mở Châu Á (AAOU) và Hội đồng quốc tế về ĐTTX (ICDE). Bên cạnh đó, Trường đã thiết lập nhiều mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học và tổ chức quốc tế, đã ký kết 19 thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác quốc tế [H08.08.01.05-06].

Các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đều được cấp phép theo quy định, mọi thỏa thuận về đào tạo, cấp bằng, học phí, tài chính đều tuân thủ theo quy định [H08.08.01.07-08].

Trường cũng đã cử 27 đoàn đi công tác nước ngoài. Các cán bộ được cử đi đều về nước đúng hạn, có báo cáo kết quả công tác và không ai vi phạm pháp luật hay các quy định, quy chế quản lý của các cấp thẩm quyền [H08.08.01.09-10].

Hàng năm, Trường đều có tổng kết, báo cáo công tác HTQT để toàn thể cán bộ viên chức được biết và thực hiện báo cáo về hoạt động HTQT theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan [H08.08.01.11].

Trường có đơn vị chuyên trách thực hiện công tác HTQT là Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học [H08.08.01.12].

2. Điểm mạnh:

Trường có đơn vị chuyên trách quản lý các hoạt động HTQT.

Quy định về quản lý hoạt động HTQT của Trường được xây dựng chặt chẽ với những điều khoản cụ thể, rõ ràng, hợp lý, quy định cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động HTQT của Trường và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động HTQT.

Hoạt động HTQT được thực hiện hiệu quả, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Nhà nước.

Báo cáo đầy đủ theo quy định với cơ quan công an, Bộ GD&ĐT và các cơ quan có thẩm quyền.

3. Tồn tại:

Chưa kịp thời cập nhật quy định quản lý hoạt động HTQT của Trường theo hướng tự chủ trong hoạt động HTQT theo tinh thần của Quyết định 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2016-2017, Phòng HT-QLKH tham mưu Hiệu trưởng ban hành quy định quản lý hoạt động HTQT của Trường theo hướng tự chủ trong hoạt động HTQT theo tinh thần của Quyết định 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của

Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi GV và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả:

Trong 5 năm từ 2011-2016, Trường đã thực hiện hiệu quả nhiều hoạt động HTQT về đào tạo. Thông qua các văn bản ghi nhớ về hợp tác quốc tế, Trường đã thực hiện việc ký kết Hợp đồng liên kết đào tạo bậc ThS với các đối tác nước ngoài bao gồm: Trường ĐH Kinh tế và Luật Berlin (Đức), ĐH Southern Queensland (Úc), góp phần đa dạng hoá các chương trình liên kết đào tạo bên cạnh 02 chương trình liên kết đào tạo cao học truyền thống là cao học Việt Bỉ ngành Quản trị kinh doanh và cao học Quản trị chất lượng. Các chương trình này đã thu hút hàng trăm học viên theo học. Bên cạnh đó, việc hợp tác với các đối tác nước ngoài thông qua các chương trình liên kết đào tạo đã tạo cơ hội cho Trường áp dụng CTĐT tiên tiến, giúp nâng cao hiệu quả đào tạo. Thông qua hoạt động liên kết, trình độ của đội ngũ công chức viên chức cũng ngày càng nâng cao nhờ vào việc chia sẻ kinh nghiệm quản lý, giảng dạy với các đối tác nước ngoài theo Hợp đồng liên kết đào tạo [08.08.02.01-03].

Một số chương trình học bổng cho SV, GV trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài đã được thực hiện. Cụ thể, SV của Trường đã nhận được tài trợ học bổng để học tập, tham dự hội thảo nước ngoài. Bên cạnh đó, một số công chức, viên chức đã được cử đi học tập nước ngoài thông qua các chương trình học bổng của nước ngoài, các đề án, chương trình của Chính phủ Việt Nam. Trường cũng hỗ trợ các thủ tục cần thiết cho SV đi du học theo nguyện vọng cá nhân. Ngoài ra, nhiều đoàn công chức, viên chức đã được cử đi học tập, tham quan, khảo sát và làm việc với các trường ĐH ở các nước như Hoa Kỳ, Bồ Đào Nha, Anh

Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc, Malaysia.... Các báo cáo thu hoạch sau các chuyến khảo sát học tập và làm việc ở nước ngoài chính là cơ sở để Trường định hướng, phát triển và nâng tầm hoạt động HTQT [H08.08.02.04-06].

Trường cũng đã tiếp nhận SV cũng như giảng viên nước ngoài đến học tập, giảng dạy, nghiên cứu tại Trường. Đặc biệt, Trường Đại học Tohoku (Nhật Bản) đã cử 01 GV sang giảng dạy ngôn ngữ tại Trường từ năm 2007 đến nay và định kỳ gửi SV Nhật sang giao lưu văn hoá với SV của Trường. Trường Đại học Loyola (Mỹ) cũng cử GV sang trao đổi học thuật và định kỳ gửi SV tham dự các học kỳ học tập tại Trường [H08.08.02.07-09].

Trong quá trình hợp tác, Trường đã nhận được sự hỗ trợ về tài chính và tài liệu học tập của các đối tác nước ngoài, cụ thể là:

- Dự án “nâng cao năng lực các dịch vụ tâm lý xã hội cho trẻ em mô côi nhiễm HIV/AIDS và trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS thông qua các dịch vụ trực tiếp và đào tạo công tác xã hội” với Ngân sách là 166.648 USD. Đây là dự án do tổ chức cô nhi thế giới tại Việt Nam tài trợ và cùng thực hiện trong thời gian 3 năm, từ tháng 5-2009 đến tháng 5-2012. Dự án đã góp phần xây dựng kỹ năng về công tác xã hội thông qua việc biên soạn giáo trình và huấn luyện kỹ năng cho GV, SV.

- Dự án “Phát triển hộ gia đình” với Ngân sách là 305.568 EUR. Đây là dự án do Ủy ban châu Âu (European Commission) và Cơ quan Phát triển Pháp (Agence Francaise de Développement) tài trợ, hoạt động trong giai đoạn 2010-2012. Dự án đã góp phần xây dựng được bộ công cụ thực hành phương pháp “Đồng hành cùng gia đình” để đưa vào giảng dạy trong Trường học.

- Thông qua các thoả thuận hợp tác đào tạo, các đối tác như Đại học Kinh tế Luật Berlin (Đức) (giai đoạn 2014-2017), Đại học USQ (Úc) (giai đoạn 2011-2015) đã trang bị sách, tài liệu phục vụ cho việc học tập của SV.

- Sách do Quỹ Châu Á (1053 đầu sách - giai đoạn 2012-2016) ; Giáo sư Barry Lock và Giáo sư Neal Newfield thuộc Đại học West Virginia, Hoa Kỳ tặng 514 quyển sách về công tác xã hội năm 2012.

- Góc Indonesia do Lãnh sự quán Indonesia trang bị năm 2013.
- RESEARCH4LIFE (thuộc Liên Hiệp Quốc) cung cấp việc truy cập tài liệu miễn phí từ năm 2015, bao gồm:
 - + Chương trình **HINARI** của tổ chức Y tế thế giới (WHO) cung cấp miễn phí các tài liệu liên quan đến lĩnh vực sức khỏe, Y học, và Sinh học. Đây là một trong những bộ sưu tập lớn nhất thế giới với gần 14.000 tạp chí (bằng 30 ngôn ngữ khác nhau), 46.000 sách điện tử, và khoảng 100 nguồn thông tin khác.
 - + Chương trình **AGORA** thành lập bởi Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO), cho phép truy cập vào thư viện kỹ thuật số lên đến 6.100 tạp chí chính và 5.800 cuốn sách trong các lĩnh vực thực phẩm, nông nghiệp, khoa học môi Trường và khoa học xã hội.
 - + Chương trình **ARDI** được điều phối bởi Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), cung cấp khoảng 20.000 tạp chí, sách và tài liệu tham khảo liên quan đến thông tin khoa học và kỹ thuật, đặc biệt các lĩnh vực như: công nghệ sinh học và hóa học hữu cơ, công nghệ y tế và máy tính.
 - + Chương trình **OARE** phát triển bởi Chương trình Môi Trường của Liên Hợp Quốc (UNEP) hợp tác với các Nhà xuất bản lớn trên thế giới. OARE cho phép truy cập vào một trong những bộ sưu tập lớn nhất thế giới về NCKH môi Trường. Hiện nay, cơ sở dữ liệu của OARE bao gồm 5710 tạp chí, 1119 cuốn sách trực tuyến, và các nguồn thông tin khác [H08.08.02.10].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động HTQT về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo SDH, trao đổi học thuật, qua đó đã hỗ trợ tích cực việc nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đặc biệt là phương thức quản lý, CTĐT, phương pháp giảng dạy và tài liệu học tập phục vụ công tác đào tạo. Thông qua hoạt động liên kết đào tạo, trình độ của đội ngũ công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, góp phần xây dựng và quảng bá tốt thương hiệu Trường.

Các chương trình trao đổi GV và người học tạo nhiều cơ hội cho SV tiếp cận

môi trường học tập quốc tế, cho công chức, viên chức có cơ hội đi tham quan, khảo sát, học tập ở nước ngoài. Đồng thời, Trường mời được đội ngũ giảng dạy uy tín đến giảng dạy, báo cáo khoa học tại Trường.

3. Tồn tại:

Các khóa học tập dài hạn, chuyên sâu tại nước ngoài dành cho công chức, viên chức còn ít.

Hoạt động hợp tác đào tạo tập trung ở bậc cao học. Hoạt động hợp tác bậc đại học chỉ dừng ở các thỏa thuận giúp sinh viên học tiếp liên thông ở một số trường nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Để tăng số lượng các khoá đào tạo nhưng tiết kiệm chi phí, Trường phối hợp với các đối tác nước ngoài để tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo dành cho CB-VC trong nước.

Đối với hợp tác đào tạo, trong giai đoạn 2016-2017, Trường làm việc với các trường đối tác nhằm mở rộng các chương trình liên kết đào tạo ở bậc cử nhân. Cụ thể, Trường tích cực đàm phán với các đối tác để trước mắt có thể ký thỏa thuận hợp tác về đào tạo bậc cử nhân với đối tác là Trường đại học ở Anh Quốc, Úc.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả:

Từ năm 2011 đến nay, Trường đã phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức 12 hội thảo khoa học quốc tế. Đây là cơ hội để công chức, viên chức Trường trao đổi, công bố các nghiên cứu và cập nhật tri thức thế giới. Từ năm 2015, Trường đã ký Thỏa thuận hợp tác với tổ chức phát triển công nghiệp liên hợp quốc (UNIDO)

trong dự án đồng phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế định kỳ về kinh doanh (ICB) với các chủ đề liên quan đến phát triển bền vững doanh nghiệp như: ICB 2015- trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR); ICB 2017 – Lãnh đạo và Sáng tạo [H08.08.03.01-02].

Ngoài ra, Trường tham gia vào dự án nghiên cứu với các đối tác nước ngoài.

Các dự án cụ thể như sau:

+ Dự án Viết sách công tác xã hội được thực hiện trong giai đoạn 2010-2012 với ĐH Munich. Trong khuôn khổ dự án, công chức, viên chức đã tham dự các hội thảo, tập huấn và kết quả là đã xuất bản sách “Một số lý thuyết công tác xã hội tại Việt Nam và Đức”.

+ Dự án “nâng cao năng lực các dịch vụ tâm lý xã hội cho trẻ em mô côi nhiễm HIV/AIDS và trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS thông qua các dịch vụ trực tiếp và đào tạo công tác xã hội” với Ngân sách là 166.648 USD. Đây là dự án do tổ chức cô nhi thế giới tại Việt Nam tài trợ và cùng thực hiện trong thời gian 3 năm, từ tháng 5-2009 đến tháng 5-2012. Sản phẩm của dự án là xây dựng được bộ giáo trình về Quản lý trường hợp; các hội thảo chuyên đề về hoạt động CTXH.

+ Dự án “Phát triển hộ gia đình” với Ngân sách là 305.568 EUR. Đây là dự án do Ủy ban châu Âu (European Commission) và Cơ quan Phát triển Pháp (Agence Francaise de Développement) tài trợ, hoạt động trong giai đoạn 2010-2012. Dự án đã góp phần xây dựng được bộ công cụ thực hành phương pháp “Đồng hành cùng gia đình” để đưa vào giảng dạy trong Trường học; xây dựng được cơ sở dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu; tổ chức các hội thảo về phương pháp Phát triển hộ gia đình.

Kết quả của các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH là các kỷ yếu hội thảo và các công trình chung đã được công bố, cụ thể như sau:

+ Sách “Một số lý thuyết công tác xã hội tại Việt Nam và Đức” xuất bản năm 2012.

+ Công trình nghiên cứu về ung thư đăng trên tạp chí quốc tế Current Trends in Biotechnology and Pharmacy (2013), là kết quả của công trình đồng nghiên cứu

giữa Khoa Công Nghệ Sinh Học của Trường ĐH Mở TP. HCM (Việt Nam) và Trường Đại học Quốc gia Jeju (Hàn Quốc).

+ Sách do NXB Ashi xuất bản (2014), là công trình của GV khoa XHH-CTXH-ĐNA, Trường ĐH Mở TP. HCM (Việt Nam) với Trường Đại học Tohoku (Nhật Bản).

+ Kỷ yếu hội thảo quốc tế về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và phát triển danh nghiệp bền vững (2015) với thành phần Ban tổ chức hội thảo, Ban duyệt bài đến từ các Trường đại học, nhà khoa học nước ngoài.

+ Sách (1 chương) do NXB New York University Press xuất bản (2016), là công trình đồng nghiên cứu của GV khoa XHH-CTXH-ĐNA, Trường ĐH Mở TP. HCM (Việt Nam) với Trường Đại học Boston.

+ Công trình nghiên cứu về doanh nghiệp Việt Nam đăng trên tạp chí khoa học Trường ĐH Mở TP. HCM (2016), là kết quả đồng nghiên cứu của GV khoa XHH-CTXH-ĐNA, Trường ĐH Mở TP. HCM (Việt Nam) với Universiteit Antwerpen (Bỉ) [H08.08.03.03-04].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động HTQT về NCKH đã có tác dụng nâng cao năng lực NCKH của đội ngũ công chức, viên chức; nâng cao năng lực và kinh nghiệm tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế, tạo diễn đàn công bố các công trình NCKH thể hiện qua các sản phẩm của các dự án hợp tác, các công bố chung và việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, phục vụ cộng đồng.

3. Tồn tại:

Số công chức, viên chức tham gia hợp tác nghiên cứu có công trình NCKH chung được công bố chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ có biện pháp kết nối với các nhà khoa học của Trường với các nhà khoa học nước ngoài nhằm đẩy mạnh HTQT về NCKH, cụ thể:

- Thí điểm thành lập nhóm nghiên cứu chuyên sâu dưới sự dẫn dắt của chuyên

gia đầu ngành để có lực lượng tham gia các dự án HTQT về NCKH.

- Mời các nhà khoa học quốc tế có uy tín tham gia vào Ban biên tập tạp chí của Trường, Ban duyệt bài hội thảo để nâng cao chất lượng bài viết, tạp chí, gia tăng khả năng được đưa vào cơ sở dữ liệu ISI/SCOPUS.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Hoạt động HTQT của Trường đa dạng, phong phú, bao gồm: hợp tác mở các chương trình liên kết đào tạo, hợp tác nhận tài trợ cho các dự án nghiên cứu và hoạt động hỗ trợ, hợp tác đồng tổ chức hội thảo hội nghị, hợp tác trao đổi kinh nghiệm quản lý, hợp tác trao đổi GV và SV. Trường đã có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học lớn trên thế giới, nhiều tổ chức quốc tế có uy tín. Có thể nói, hoạt động HTQT của Trường trong 05 năm qua đã đạt những thành tựu quan trọng, đã có hiệu quả thực sự trong hợp tác, qua đó đã giúp Trường vừa hợp tác vừa tiếp thu những thành tựu của các trường quốc tế góp phần cải tiến, đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ, cải tiến công tác quản lý và tổ chức công việc của Trường.

Tuy nhiên để giúp Trường làm tốt hơn nữa các hoạt động HTQT, Trường cần có quy chế hoạt động HTQT và tăng cường thêm hoạt động trao đổi học thuật, ký kết hợp tác đào tạo trình độ cử nhân và tiến sĩ với các trường ĐH uy tín của thế giới.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **03** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Tại Trường, dịch vụ phục vụ người học được thực hiện hiệu quả đảm bảo phục vụ tốt nhất trong điều kiện có được của Trường để đảm bảo việc dạy và học được thuận lợi. Từ ngày đầu thành lập, Trường đã có Thư viện. Hiện nay, Thư viện có đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí, giáo trình, tài liệu tham khảo Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB-VC, GV và người học. CSVC và trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập từng bước được bổ sung và nâng cấp. Các phòng học, phòng làm việc hành chính, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, hội trường, khu vực tiếp SV, sân bãi đều có diện tích sử dụng thích hợp, phục vụ tốt cho hoạt động quản lý, giảng dạy và sinh hoạt của CB-VC, GV và người học. Trường cũng xây dựng các phương án bảo vệ hiệu quả, đảm bảo an toàn tài sản của Trường, an toàn cho CB-VC và người học.

Hiện nay, Trường đang đầu tư xây dựng thêm cơ sở mới, trang bị thêm nhiều tiện ích hơn giúp người học an tâm học tập tốt.

Tiêu chí 9.1: Thư viện của Trường Đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả.

1. Mô tả:

Hệ thống thư viện Trường có diện tích sử dụng là 1.491,8m². Thư viện được bố trí 05 phòng đọc tại 05 điểm học. Thư viện chính ở tại 97 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM. Thư viện có các phòng đọc tại các điểm học gồm: Phòng đọc tại điểm học Bình Dương (68 Lê Thị Trung, Thủ Dầu Một, Bình Dương) phục vụ Khoa Công nghệ Sinh học; Phòng đọc tại điểm học 371 Nguyễn Kiệm, Quận Gò Vấp phục vụ các Khoa được đào tạo tại điểm học này; Phòng đọc tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa Đồng Nai phục vụ SV đến học Giáo dục Quốc Phòng; Phòng đọc tại Ninh Hòa, Khánh Hòa phục vụ các lớp Kế toán, Quản trị kinh doanh.

Để công tác phục vụ bạn đọc được hiệu quả, Thư viện đã xây dựng và trình Ban Giám hiệu ký ban hành Nội quy Thư viện, Quy định về phạt vi phạm thời hạn mượn tài liệu, quy định về đền bù làm hư hỏng hoặc làm mất sách mượn Thư viện. Trên cơ sở các Quy định của Trường, Thư viện xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu và thời gian phục vụ của thư viện. Các quy định được rà soát điều chỉnh để phù hợp với tình hình của Trường và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước [H09.09.01.01].

Hiện nay, Thư viện có tài liệu phục vụ cho tất cả các ngành đào tạo của Trường với 21,855 tên/53,409 bản sách bao gồm: 15,907 tên với 44,586 bản Tiếng Việt và 5,948 tên với 8,823 bản tiếng nước ngoài, 91 tên báo – tạp chí; 1,781 luận văn; 4,060 khóa luận tốt nghiệp; 262 công trình NCKH; 599 CD-ROM; 01 cơ sở dữ liệu nội sinh khóa luận TN và luận văn, 01 cơ sở dữ liệu tạp chí Khoa học của Trường và 01 cơ sở dữ liệu tạp chí TESOL; thuê quyền sử dụng cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam: www.luatvietnam.vn. Hàng năm, Trường cấp cho Thư viện 600 triệu – 800 triệu đồng để bổ sung tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH của GV, CB-VC và người học. Riêng học viên từ xa được Trường phát tài liệu học tập tương ứng với môn học mà học viên đăng ký. Việc mua tài liệu được thực hiện theo quy định về mua sắm tài liệu của Trường [H09.09.01.02-04].

Thư viện giới thiệu GV, học viên và SV khai thác 04 Cơ sở dữ liệu được cấp quyền truy cập miễn phí của RESEARCH4LIFE gồm ARDI, HINARI, OARE và AROGA [H09.09.01.05].

Thư viện trường hiện là thành viên của Liên Chi hội Thư viện Đại học Phía Nam (thuộc Hội Thư viện Việt Nam), được phép liên kết chia sẻ tài nguyên thông tin với các Thư viện khác [H09.09.01.06].

Theo tinh thần các Hợp đồng hoặc văn bản cam kết thỏa thuận về liên kết đào tạo Thạc sĩ với Trường ĐH Mở TP.HCM, ĐH Southern Queensland của Úc (USQ) và ĐH Kinh tế Luật Berlin của Đức (BSEL), học viên được các trường này cung cấp tài liệu học tập. Trường ĐH Solvay thuộc ĐH Tự do Brussels của Bỉ cung cấp

một phần kinh phí không thường xuyên để mua tài liệu cho học viên tham khảo; các tài liệu này được lưu tại Thư viện Trường. Ngoài ra, Thư viện cũng đã ký văn bản liên kết khai thác tài nguyên thông tin liên thư viện với Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. HCM trong năm 2014 [H09.09.01.07].

Thư viện cũng nhận được tài trợ từ các tổ chức và cá nhân trong ngoài nước. Thông qua Thư viện Quốc gia Việt Nam, Quỹ Châu Á có chương trình tặng sách cho các đại học Việt Nam, trong đó có Trường ĐH Mở TP.HCM. Lãnh sự quán Indonesia tại TP.HCM có tài trợ Indonesian Coner và Giáo sư Barry Locke của Đại học Virginia, Hoa Kỳ tài trợ sách ngành xã hội học và công tác xã hội, Hội Nhà văn Việt Nam [H09.09.01.08].

Bên cạnh đó, từ năm 2015 đến nay, để tăng thêm nguồn tài liệu phong phú và cập nhật, Trường đã chi thuê quyền truy cập hàng năm vào cơ sở dữ liệu của Sở Khoa học Công nghệ TP.HCM. Theo đó, các Khoa, Trung tâm nghiên cứu phát triển và Thư viện 01 tài khoản/đơn vị; học viên sau đại học 01 tài khoản/học viên [H09.09.01.09].

Từ năm 2002, Thư viện đã áp dụng phần mềm trên công nghệ web để phục vụ việc tra cứu sách, báo, tài liệu cũng như quản lý tự động việc mượn và trả sách. Năm 2014, Thư viện đã được đầu tư thay đổi phần mềm mới và server có cấu hình dung lượng cao. Hệ thống thông tin Thư viện mới có khả năng phục vụ tài liệu số, đáp ứng đa dạng các yêu cầu về thống kê, cho độc giả đăng ký trực tuyến chờ để mượn sách. Thư viện được trang bị wifi và các máy tính của thư viện đều nối mạng tạo thuận lợi cho SV tra cứu, truy cập tài liệu điện tử. Ngoài ra, Thư viện còn có hệ thống tự động thống kê số lượt độc giả truy cập và sử dụng các tài liệu điện tử của thư viện [H09.09.01.10-12].

Hàng năm Thư viện đều thống kê, báo cáo số lượng bạn đọc đăng ký sử dụng thư viện, số lượt bạn đọc đến thư viện. Phần mềm mới đã giúp cho việc thống kê lượng độc giả của thư viện (là GV, cán bộ, người học, chuyên ngành đào tạo); số lượng tài liệu được mượn, được sử dụng hàng năm theo từng chuyên ngành đào tạo

(hoặc ngành đào tạo đối với ngành không phân chuyên ngành) được dễ dàng hơn [H09.09.01.13].

Hàng năm, Thư viện đều thực hiện việc hướng dẫn SV mới sử dụng thư viện, sử dụng tài liệu điện tử; đưa phần hướng dẫn này vào CD kèm Sổ tay SV và đăng trên website của thư viện [H09.09.01.14].

Nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ, định kỳ hàng năm Thư viện đều tiến hành điều tra ý kiến các SV đến Thư viện học và mượn tài liệu, thông qua các hình thức như: gửi phiếu khảo sát, gặp gỡ trực tiếp, sổ góp ý, góp ý qua trang web của Thư viện. Đồng thời, Trường cũng tổ chức tiếp xúc toàn bộ SV các khoa mỗi năm học một lần. Thư viện tham gia các buổi tiếp xúc để giải đáp trực tiếp các thắc mắc, ghi nhận các góp ý. Các ý kiến ghi trong sổ góp ý, email, buổi tiếp xúc SV và kết quả khảo sát bằng câu hỏi được sử dụng làm cơ sở đề xuất các giải pháp khắc phục những tồn tại và những vấn đề mà SV chưa hài lòng [H09.09.01.15-16].

Đối với hình thức đào tạo từ xa, Trường đã thành lập Ban học liệu để lo việc biên soạn, phát hành và phân phối học liệu ĐTTX đến người học. Trong những năm qua, Trường đã đầu tư rất nhiều để phát triển học liệu các loại. Trường đã chủ trì biên soạn 390 tài liệu học tập và hướng dẫn ôn tập để giúp người học từ xa tự học. Trong những năm qua, Trường đã thu hình, biên tập hoàn chỉnh thành các video clip và upload lên website của Trung tâm Đào tạo từ xa là 71 môn với 916 clips. Có 30 môn học được thu thanh và được biên tập hoàn chỉnh thành 291 tập tin audio có thời lượng 30 phút/1 tập tin và được sử dụng để phát trên các đài phát thanh TP.HCM và Vĩnh Long. Đối với các môn học online, Trường cũng đã xây dựng hoàn chỉnh nội dung 51 môn học để đưa lên Hệ thống quản lý học tập (LMS – Learning Management System). Hiện nay Trường có hệ thống học liệu tương đối đầy đủ phục vụ cho hình thức đào tạo từ xa [H09.09.01.17-18].

Trong chiến lược phát triển đến năm 2023, Trường đã xác định rõ chủ trương đầu tư để nâng cao năng lực phục vụ của Thư viện [H09.09.01.19].

2. Điểm mạnh:

Thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu học tập, NCKH và giải trí của CB-VC, GV và người học. Thư viện đã ứng dụng CNTT trong tổ chức và quản lý, cung cấp các dịch vụ đa dạng, kịp thời, nâng cao hiệu quả phục vụ bạn đọc. Với những mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước, Thư viện đã được tài trợ nhiều đầu sách ngoại văn và tài liệu bằng Tiếng Việt.

Trường đã đầu tư rất nhiều để phát triển học liệu ĐTTX các loại. Học liệu của Trường rất đa dạng, phong phú. Hiện nay, Trường có hệ thống học liệu tương đối đầy đủ nhất so với các trường có ĐTTX trên cả nước.

3. Tồn tại:

Một số ít ngành và chuyên ngành tỷ lệ tài liệu/số lượng SV chưa cao.

Học liệu cho ĐTTX vẫn còn thiếu ở một số môn học.

4. Kế hoạch hành động:

Tăng cường bổ sung nguồn tài liệu, nhất là các sách chuyên ngành còn ít bản; phối hợp với các Khoa, các tổ bộ môn, GV chuyên ngành để bổ sung tài liệu bằng Tiếng Việt, ngoại văn cho phù hợp và kịp thời. Thực hiện việc mua tạp chí điện tử và ebook để phục vụ trực tuyến cho các đối tượng bạn đọc. Tham gia vào hệ thống Thư viện điện tử của các Trường thuộc VNEUs để chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử.

Trường tiếp tục đầu tư nguồn lực để phát triển học liệu cho ĐTTX.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.2: Có đủ số lượng phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả:

Nhằm đáp ứng đào tạo đa ngành của các bậc đào tạo, Trường không ngừng nâng cao đầu tư cho CSVC để có đủ số lượng phòng học, giảng đường, phòng thực

hành, thí nghiệm phục vụ dạy, học và NCKH. Từ năm 2012, Trường tổ chức đào tạo 03 học kỳ/năm học theo học chế tín chỉ nên không phải chịu áp lực lớn về số phòng học và công suất sử dụng phòng cho việc học tập, NCKH của người học được bố trí hợp lý 02 ca/ngày. Từ năm 2015 đến nay, các địa điểm học tập của Trường ngày càng khang trang và tập trung tại khu vực trung tâm, cải thiện được tình trạng nhiều địa điểm học rải rác như trước đây. Các cơ sở đều có bố trí thư viện tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV của các ngành đào tạo trong việc học và NCKH [H09.09.02.01-03].

Bảng 9.2.1: Số lượng phòng phục vụ cho dạy và học

Đơn vị tính: phòng

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
1	Phòng học	142
2	Phòng máy tính	10
3	Thư viện	5
4	Phòng thí nghiệm	17
5	Nhà tập đa năng	1
6	Hội trường, phòng hội thảo	12
7	Phòng làm việc của GV	40

Nguồn: Phòng HC-QT, cập nhật 30/6/2016.

Hiện nay, tại cơ sở chính của Trường (97 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3) các phòng học được sử dụng để giảng dạy các ngành đào tạo khối kinh tế thuộc Khoa Đào tạo Đặc biệt, Khoa Đào tạo Sau đại học, các phòng họp, hội trường được sử dụng tổ chức các hội thảo khoa học, các buổi báo cáo chuyên đề khoa học. Trường còn có các phòng thu hình trực tuyến để tổ chức đào tạo qua internet cho SV hệ ĐTTX tại TP.HCM và ở các địa phương [H09.09.02.04].

Hoạt động giảng dạy và học tập của các ngành đào tạo thuộc Khoa Công nghệ sinh học được bố trí tại Cơ sở 3 - Bình Dương trong các phòng học, các phòng thí nghiệm, thực hành có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, cùng một khoảng diện tích

vườn ươm, đáp ứng nhu cầu học tập, thực hành và NCKH của GV và người học [H09.09.02.05].

Tại Cơ sở 2 - Long Bình (TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), Trường có đầy đủ các phòng học, hội trường, nhà ăn, khu ký túc xá, khu thể thao, đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động giảng dạy GDQP và GDTC cho toàn bộ SV của Trường [H09.09.02.06].

Trong khi chờ xây dựng thêm cơ sở mới, Trường còn đầu tư thuê dài hạn các cơ sở học tập khang trang và nhiều phòng học được sử dụng để giảng dạy các ngành đào tạo thuộc khối Khoa học Xã hội nhân văn, Ngoại ngữ, Kinh tế và các phòng thực hành máy tính, phòng thí nghiệm được sử dụng để giảng dạy các ngành đào tạo thuộc khối kỹ thuật [H09.09.02.07].

2. Điểm mạnh:

Trường có đầy đủ số lượng phòng học giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học, và NCKH.

3. Tồn tại:

Một số phòng học chưa trang bị bàn học đa năng để thuận tiện cho việc học nhóm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ nay trở đi, Trường chủ trương trang bị bàn học đa năng cho các phòng học khi mua sắm mới.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu các ngành đào tạo.

1. Mô tả:

Căn cứ vào yêu cầu của các đơn vị về việc trang bị các trang thiết bị dạy và học, Trường ban hành kế hoạch mua sắm các trang thiết bị vào đầu mỗi năm học nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng và hiệu quả sử dụng tài sản đáp ứng yêu cầu sử

dụng của các ngành đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành đối với SV khối kỹ thuật được Trường trang bị đầy đủ theo yêu cầu của đơn vị chuyên môn tại các phòng thực hành, thí nghiệm ở Cơ sở 3 – Bình Dương dành cho Công nghệ sinh học, ở cơ sở quận Gò Vấp dành cho ngành Xây dựng và ngành Điện, tất cả các phòng này đều có bố trí kỹ thuật viên chuyên trách quản lý trang thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng trang thiết bị cho SV, khi trang thiết bị hư, kỹ thuật viên kịp thời thay thế bằng nguồn thiết bị dự trữ để không ảnh hưởng đến việc dạy và học. Từ năm 2012, Trường bắt đầu ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tài sản. Công tác kiểm kê, đánh giá chất lượng tài sản được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Hàng năm, Trường đều tăng phần đầu tư mua sắm trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng qua báo cáo đánh giá cơ sở vật chất nhằm tăng cường việc đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo [H09.09.03.01-04].

Trường bố trí đào tạo 3 học kỳ trong năm, bố trí thời khóa biểu học dàn trải đều nên các trang thiết bị dạy và học được khai thác tối đa công suất sử dụng phục vụ hiệu quả các môn học thuộc khối kỹ thuật, công nghệ, tạo điều kiện để thực hiện các đề tài NCKH về lĩnh vực đặc thù này. Tất cả các phòng phục vụ đào tạo đều trang bị máy lạnh thay thế cho quạt nhằm tạo điều kiện tốt nhất, nâng cao hiệu quả của việc dạy và học [H09.09.03.05].

Bảng 9.3.1: Thống kê các trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH

THIẾT BỊ	PHÒNG HỌC	PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHÒNG THỰC HÀNH MÁY TÍNH	TỔNG CỘNG
Máy chiếu	142	08	10	160
Màn chiếu	142	08	10	160
Ampli	142	08	10	160
Loa	312	23	22	357
Máy điều hòa không khí	223	38	38	299
Máy vi tính	85	16	612	713
Máy vi tính xách tay	44			44

Nguồn: Phòng HC-QT cập nhật đến 30/06/2016.

Trước khi vào năm học mới, các phòng chức năng tiến hành kiểm tra tổng thể các trang thiết bị tại các cơ sở học tập và sửa chữa kịp thời, đảm bảo chất lượng trang thiết bị trước khi SV vào học. Các trang thiết bị khi có dấu hiệu hư hỏng, GV và CB-VC trực giảng đường báo sửa theo quy trình sửa chữa và được thay thế bằng thiết bị dự trữ sẵn để không gây ảnh hưởng đến việc dạy và học [H09.09.03.06-07].

Đối với hình thức đào tạo từ xa, Trường đã đầu tư mạnh mẽ cho cơ sở hạ tầng. Để đa dạng hóa phương thức đào tạo, Trường đầu tư thiết bị sản xuất học liệu đa phương tiện đi kèm đường truyền, phần mềm, cổng thông tin để tổ chức các khóa học trực tuyến và học qua cầu truyền hình (tại trường và tại trạm từ xa). Ngoài ra, Trường còn trang bị thiết bị và phần mềm để phục vụ cho quản lý đào tạo. Trong đào tạo từ xa, công tác tư vấn hỗ trợ có vai trò quan trọng, nên Trường đã đầu tư hệ thống tổng đài và cổng thông tin [H09.09.03.08].

2. Điểm mạnh:

Tất cả các phòng học đều trang bị máy lạnh và các trang thiết bị dạy và học có chất lượng, định kỳ đánh giá chất lượng tài sản để tăng hiệu quả sử dụng và kịp thời hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng yêu cầu đào tạo.

3. Tồn tại:

Công tác bảo trì các trang thiết bị thực hiện theo từng hợp đồng, chưa có kế hoạch tổng thể về công tác bảo trì chủ động hơn.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2017, Phòng HC-QT xây dựng kế hoạch bảo trì các trang thiết bị.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý.

1. Mô tả:

Toàn bộ khu vực làm việc và phục vụ giảng dạy của Trường đều lắp đặt hệ thống mạng không dây (Wifi), tại các thư viện đều trang bị máy vi tính kết nối

internet với tốc độ cao nhằm phục vụ việc truy cập thông tin, tìm kiếm tài liệu, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý. Trường đã trang bị các thiết bị tin học tại các tất cả các phòng học, phòng thu hình đã được xây dựng phục vụ cho giảng dạy trực tuyến. Mỗi nhân viên được trang bị 01 máy vi tính và 01 hộp thư điện tử dùng trong giao dịch văn bản điện tử. Tại các khoa đều trang bị máy in, máy vi tính, máy photocopy dành cho GV khi đến khoa làm việc [H09.09.04.01-02].

Bảng 9.4.1: Tỷ lệ thiết bị tin học phục vụ các hoạt động đào tạo

TT	NỘI DUNG	TỶ LỆ
1	Tỷ lệ máy vi tính phục vụ công tác quản lý trên số lượng CBNV	100%
2	Tỷ lệ máy chiếu trên số lượng phòng học	100%

Nguồn: Phòng HC-QT cập nhật đến 30/06/2016

Phần mềm Edusoft góp phần QLĐT một cách hiệu quả, khoa học, được cài đặt cho máy tính của những CB-VC, chuyên viên trực tiếp, tham gia QLĐT và cung cấp dịch vụ cho SV để quản lý dữ liệu người học, phục vụ cho đào tạo. Các đơn vị chức năng trong Trường đều ứng dụng phần mềm quản lý. Một số đề tài NCKH của công chức viên chức Trường đã nghiên cứu thành công và được đưa vào sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý như đăng ký môn học trực tuyến, các dịch vụ SV, quản lý tài sản, quản lý văn bản, quản lý thư viện, quản lý tài chính, kế toán, quản lý các đề tài NCKH, tư vấn tuyển sinh. Các ứng dụng công nghệ thông tin đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động NCKH và giúp công tác quản lý của Trường hiệu quả, tiết kiệm thời gian và nhân lực. Ngoài ra, website hỗ trợ học tập – Elearning thường xuyên được cập nhật thông tin và đã góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quảng bá, dạy, học của Trường [H09.09.04.03-04].

Các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý của Trường đều được tin học hóa. Hệ thống giảng dạy trực tuyến tại các đơn vị liên kết đào tạo từ xa đến nay vẫn

tiếp tục phát triển. Đến năm 2014, Trường tăng cường và nâng cao chất lượng các bài giảng điện tử, môn học trực tuyến, các slide sinh động, hiện đại, dễ nhìn và thu hút SV tạo điều kiện học tập tốt hơn cho loại hình đào tạo đặc thù này [H09.09.04.05-09].

Từ tháng 10/2016, Trường triển khai đào tạo trực tuyến qua mạng internet cho hai ngành kế toán và quản trị kinh doanh bên cạnh phương thức đào tạo từ xa truyền thống [H09.09.04.10].

Hệ thống quản lý học tập cung cấp bài giảng, bài tập tự đánh giá, bài kiểm tra cuối chương, diễn đàn thảo luận, cho phép tương tác giữa sinh viên với sinh viên và với giảng viên; đồng thời ghi nhận mọi hoạt động của sinh viên, giảng viên để đánh giá. Trang thiết bị đầu tư bao gồm thiết bị sản xuất môn học trực tuyến, phần mềm, đường truyền và cổng thông. Hiện có 51 môn học trực tuyến đã nghiệm thu [H09.09.04.11].

2. Điểm mạnh:

Trường tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý, chủ động đầu tư hệ thống mạng, nâng cấp đường truyền internet hỗ trợ cho SV tiếp cận dễ dàng với các phương pháp đào tạo hiện đại.

Trường luôn đi tiên phong trong ứng dụng CNTT để phục vụ ĐTTX.

3. Tồn tại:

Đội ngũ nhân viên CNTT chưa đáp ứng được yêu cầu đang phát triển nhanh.

Nhu cầu truy cập thông tin của các trang thiết bị tin học ngày càng tăng khiến khả năng nhiễm virus tăng cao ảnh hưởng đến các dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động:

Tuyển dụng thêm đội ngũ nhân viên CNTT để đáp ứng được yêu cầu đang phát triển nhanh.

Năm 2017, Trung tâm QLHTTT nâng cấp toàn bộ hệ điều hành bản quyền nhằm hạn chế việc ảnh hưởng các dữ liệu.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả:

Song song với việc tăng cường chất lượng đào tạo, Trường luôn chú trọng việc tạo môi trường học tập thật tốt cho SV nên không ngừng đầu tư phần cơ sở vật chất. Do Trường chỉ có ký túc xá dành cho SV học các môn GDTC, GDQP tại ngoại thành, nên Trường chú trọng việc nâng cao đầu tư các cơ sở học tập của Trường và thuê dài hạn các cơ sở kang trang và rộng rãi ngay tại khu vực trung tâm thành phố, tất cả các phòng học đều lắp máy lạnh, có sân chơi thể thao và nơi tổ chức các hoạt động ngoại khóa của SV, gần trạm xe buýt tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Hiện nay, Trường có tổng diện tích đất là 453.137,90m², số lượng SV chính quy là 11.678 SV, tỷ lệ bình quân diện tích phục vụ đào tạo là 38,3m²/SV. Các lớp học ở tất cả các cơ sở học tập đều đảm bảo đủ diện tích do tổ chức đào tạo 3 học kỳ/năm và bố trí sử dụng phòng học 2 ca/ngày [H09.09.05.01-03].

Bảng 9.5.1: Diện tích các phòng phục vụ đào tạo

Đơn vị tính: m²

STT	NỘI DUNG	DIỆN TÍCH (m ²)
I	Diện tích sàn xây dựng	50.022,63
II	Diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo, trong đó:	35.288,09
1	Phòng học	23.099,30
2	Phòng máy tính	1.220,80
3	Thư viện	1.491,80
4	Phòng thí nghiệm	3.208,79
5	Nhà tập đa năng	460,00
6	Hội trường, phòng hội thảo	4.083,00

STT	NỘI DUNG	DIỆN TÍCH (m ²)
7	Học liệu	1.694,30

Nguồn: Phòng HC-QT, cập nhật 30/6/2016.

Từ năm 2011, cơ sở tại Long Bình được đưa vào hoạt động dạy môn GDTC, GDQP với hình thức tập trung lưu trú tại Long Bình 3 tuần. Trường có xe đưa và đón SV, diện tích khu ký túc xá 3.552 m², số lượng SV tập trung từng đợt 300SV tỷ lệ bình quân diện tích/tổng SV ở là 11,84m², ký túc xá thoáng mát dành cho SV nội trú theo quy định, có sân bãi và trang thiết bị phục vụ đúng theo yêu cầu của bộ môn GDTC, GDQP, bếp ăn phục vụ SV đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, trạm y tế phục vụ suốt thời gian học, có phòng máy vi tính cho SV truy cập thông tin, chiếu tivi chương trình thời sự mỗi tối phục vụ SV. Ngoài ra, Trường đầu tư thuê các nhà thi đấu chuyên nghiệp, đảm bảo đủ tiêu chuẩn để đào tạo các môn TDTT theo quy định [H09.09.05.04-05].

Hàng năm, Trường đều duy trì các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể thao như Hội diễn văn nghệ, Hội thao truyền thống, giải việt dã. Các cơ sở khác của Trường đều có quy hoạch sân bãi phục vụ việc luyện tập TDTT. Trường còn đầu tư các trang thiết bị hiện đại, hệ thống âm thanh, ánh sáng, phong màn sân khấu tại các hội trường để phục vụ các hoạt động VHNT tổ chức hàng năm. Ngoài ra, Trường còn đầu tư xây dựng phòng chiếu phim tư liệu để phổ biến kiến thức về kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường; phòng truyền thống để trưng bày những hình ảnh, những thành tích của các hoạt động trong Trường [H09.09.05.06-07].

2. Điểm mạnh:

Có đủ diện tích lớp học theo quy định; phòng học khang trang, đến nay tất cả được lắp máy lạnh, thường xuyên mua sắm trang thiết bị cho việc dạy và học; đáp ứng đủ điều kiện về sân bãi cho các hoạt động VHNT-TDTT theo quy định.

3. Tồn tại:

Trường chưa thường xuyên nâng cấp, sửa chữa khu ký túc xá theo định kỳ.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2016-2017, Trường sẽ tiếp tục triển khai các gói thầu bảo trì, sửa chữa khu ký túc xá, tạo cảnh quan cây xanh, môi trường trong lành cho khu vực ký túc xá và khu vực dạy GDTC, GDQP.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả:

Trường bố trí đủ phòng làm việc cho cán bộ quản lý, nhân viên và GV làm việc. Trong khuôn viên của mỗi khoa, mỗi cơ sở học tập đều có khu vực dành cho GV đọc sách, chấm bài, tra cứu tài liệu hướng dẫn, tư vấn SV ngoài giờ học. Ngoài ra, Trường còn có đủ phòng phục vụ các cuộc họp của các đơn vị. Tất cả các phòng làm việc, phòng họp đều được đầu tư cải tạo ngày càng khang trang, trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết để nâng cao hiệu quả làm việc [H09.09.06.01-07].

Bảng 9.6.1: Các phòng làm việc của cán bộ, GV, nhân viên cơ hữu

Đơn vị tính: Phòng, m²

STT	NỘI DUNG	SỐ PHÒNG	DIỆN TÍCH (m ²)
1	Địa điểm Võ Văn Tần	39	2.643,65
2	Địa điểm Hồ Hảo Hớn	26	3.053,95
3	Địa điểm Long Bình	3	181,80
4	Địa điểm Bình Dương	10	407,40
5	Địa điểm Ninh Hòa	4	251,50
6	Địa điểm Mai Thị Lựu	1	32,00
7	Địa điểm Nguyễn Kiệm	9	411,00
	Tổng cộng	92	6.981,30

Nguồn: Phòng HC-QT, cập nhật 30/9/2016

Trường tiếp tục đầu tư nâng cao cơ sở vật chất thông qua việc xây dựng thêm một cơ sở mới để các phòng làm việc cho GV và nhân viên cơ hữu ngày càng khang trang hơn [H09.09.06.08-12].

2. Điểm mạnh:

Trường trang bị đủ phòng làm việc cho cán bộ GV và nhân viên cơ hữu, luôn chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở ngày càng khang trang hơn.

3. Tồn tại:

Khu làm việc của các khoa và các phòng ban ở 2 nơi nên có phần hạn chế về công tác chung, giao tiếp hàng ngày.

4. Kế hoạch hành động:

Trường đang đẩy mạnh tin học hóa trong hoạt động của Trường và giữa các đơn vị với nhau, khắc phục việc chia cắt về mặt địa lý.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả:

Hiện tại Trường có 05 cơ sở thuộc quyền sở hữu chính thức của Trường với tổng diện tích là 438.518,90 m² và 02 cơ sở thuê dài hạn với diện tích là 14.619 m², cụ thể:

- Cơ sở 1 (Số 97 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM) có diện tích đất là 2.484 m². Cơ sở này được sử dụng từ những ngày đầu thành lập Trường. Năm 1998, địa điểm này được xây dựng lại khối nhà lầu 6 tầng, có trang bị 02 thang máy và diện tích sàn sử dụng là 9.510m². Đây là cơ sở chính của Trường là nơi làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng, ban, trung tâm, khoa, thư viện, hội trường, các tổ chức đoàn thể,... và 22 phòng học đều được trang bị điều hòa nhiệt độ. Các phòng học tại cơ sở này chủ yếu dành cho Khoa Đào tạo Sau đại học, Khoa Đào tạo đặc biệt và một số lớp khác [H9.09.07.01-03].

- Cơ sở 2 (Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai) có diện tích đất là 324.321m² (32,4 ha). Năm 2003, Trường hoàn thành xong thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp. Tháng 7/2008 được UBND Tỉnh

Đồng Nai phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Hiện nay, một số hạng mục đã hoàn thành xong như 2 Ký túc xá 4 tầng (gồm tổng cộng 60 phòng ở, 10 phòng học và một số phòng chức năng khác), nhà xe, cổng hàng rào, một phần hạ tầng sân đường, cây xanh cảnh quan, hệ thống chiếu sáng. Trước mắt cơ sở này chỉ phục vụ cho công tác đào tạo từ xa và giáo dục quốc phòng [H9.09.07.04-08].

- Cơ sở 3 (Số 68 Lê Thị Trung, Phường Phú Lợi, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương) có diện tích đất là 13.462,9m². Cơ sở này được Trường đưa vào sử dụng năm 1994 với các khối nhà học cấp 4 được sửa chữa, cải tạo cho phù hợp với môi trường giáo dục từng thời điểm. Đến nay, Trường đã đầu tư phòng thí nghiệm và 11 phòng học chủ yếu dành cho Khoa Công nghệ sinh học và các lớp thuộc CTĐT từ xa. Ngoài ra cơ sở còn có Thư viện với diện tích 177m², phòng máy tính 147m² và nhiều kho lưu trữ, phòng ban chức năng [H09.09.07.09-11].

- Cơ sở 4 (Số 35-37 Hồ Hảo Hớn, Quận 1, TP.HCM) có diện tích đất là 1.166m² hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2016 là tòa nhà làm việc cao 9 tầng và 2 tầng hầm để xe, với gần 7.000 m² sàn xây dựng. Cơ sở này sẽ bao gồm văn phòng của các Khoa, các phòng họp, phòng hội thảo và một số phòng học nhỏ [H09.09.07.12-14].

- Cơ sở 5 (Thôn 8, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa) có diện tích đất là 97.085m². Tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/500. Trước đây, Trường cũng đã triển khai xây dựng một số hạng mục theo từng giai đoạn như nhà lớp học 2 tầng, nhà đa năng, Thư viện,... và hiện nay Trường vẫn tiếp tục đầu tư để nâng cấp cơ sở 5 trở thành phân hiệu của Trường [H9.09.07.15-21].

- Cơ sở Nguyễn Kiệm (Số 371 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM) có diện tích xây dựng là 12.987m² được Trường thuê dài hạn. Cơ sở gồm 2 tòa nhà khối lớp học được xây mới đưa vào sử dụng năm 2015 [H09.09.07.22]:

+ Tòa khối 6 tầng với diện tích sử dụng là 10.559m² bao gồm 63 phòng học, 01 phòng hội trường 240 chỗ, các nhà vệ sinh và phòng y tế.

+ Tòa nhà 4 tầng chỉ khai thác sử dụng từ tầng 1 đến tầng 3 với diện tích sử dụng là 2.428m² bao gồm 8 phòng thí nghiệm, 7 phòng máy tính, 1 thư viện 500m² và một số phòng làm việc và nhà vệ sinh.

- Cơ sở Mai Thị Lựu (Số 02 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM) có diện tích 1.632m² bao gồm 18 phòng học các loại và 1 phòng làm việc [H09.09.07.23].

Tổng diện tích mặt bằng của các cơ sở Trường là 453.137,9m², với số sinh viên chính quy hiện nay 11.678 SV thì dù chưa được xây dựng hết công năng nhưng tính chung diện tích mặt bằng chia cho mỗi đầu sinh viên là 38,8m²/SV [H09.09.07.24].

Với quy mô đào tạo các trường ĐH không được quá 15.000 sinh viên chính quy (theo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT) thì diện tích đất hiện nay của Trường đã vượt so với quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học (25m²/SV tại Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT), đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất để xây dựng các công trình phục vụ cho việc đào tạo hiện nay cũng như trong tương lai của Trường.

2. Điểm mạnh:

Trường đã rất tích cực trong việc xin quỹ đất nhằm xây dựng thành trường đại học hiện đại trong tương lai. Từ ban đầu chỉ có 2.484m² tại cơ sở Võ Văn Tần, đến nay Trường đã có 438.518,90 m² với nhiều cơ sở giảng dạy khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học tại nhiều địa phương theo phương thức giáo dục mở.

Tại cơ sở Long Bình có diện tích hơn 32ha đã được tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch, đã đầu tư một phần hạ tầng và cảnh quan. Vị trí giao thông thuận tiện, đất “sạch” không vướng giải tỏa, đủ điều kiện để xây dựng khu vực học tập, ký túc xá và khu đất thể dục thể thao cho khoảng 13.000 sinh viên theo TCVN 3981:1985.

3. Tồn tại:

Mặt dù quỹ đất của Trường khá lớn, tuy nhiên một phần lớn cơ sở nằm cách xa trung tâm TP.HCM và do kinh phí có hạn nên việc đầu tư cho xây dựng chưa thể tập trung cùng một lúc, hiện nay để tạm thời khắc phục việc thiếu phòng học thì Trường phải thuê thêm một số địa điểm trong nội thành để phục vụ cho việc giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động:

Nhằm tăng thêm hơn nữa quỹ đất để xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học. Trong năm 2017, Trường sẽ dự kiến đầu tư thêm một cơ sở với diện tích là 8.985,1m² tại Khu công nghệ cao TP.HCM với hình thức thuê dài hạn (50 năm) để xây dựng một trung tâm nghiên cứu phát triển giáo dục và đào tạo trực tuyến với quy mô 16.000m² diện tích sàn sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường.

1. Mô tả:

Trường là trường công lập, hoạt động theo mô hình tự chủ tài chính. Tất cả các nguồn thu chủ yếu là từ học phí của người học. Trước đây, mặc dù Trường không nhận được nguồn kinh phí bổ sung nào từ phía Chính phủ nhưng nhờ sự chủ động và quyết tâm, Trường đã từng bước hoàn chỉnh cơ sở 97 Võ Văn Tần và 35-37 Hồ Hảo Hớn, tiến hành xong các thủ tục xin cấp đất tại các cơ sở ở Bình Dương, Đồng Nai và thuê dài hạn một số địa điểm tại TP.HCM [H9.09.08.01-02].

Hiện nay, Trường có quy hoạch tổng thể giai đoạn 2013 - 2023 được thể hiện qua Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2023. Trong quy hoạch tổng thể, Trường có nêu thực trạng và các kế hoạch hành động phát triển Trường, nhằm phát triển cơ sở vật chất của Trường [H9.09.08.03].

Về sử dụng cơ sở vật chất, do có nhiều cơ sở ở nhiều điểm khác nhau nên Trường đã có chủ trương quy hoạch mục đích sử dụng cho từng cơ sở. Cụ thể:

- + Cơ sở chính Võ Văn Tần dành cho Ban Giám Hiệu, các phòng ban, đoàn thể, thư viện, hội trường và các phòng học chất lượng cao.
- + Cơ sở Nguyễn Kiệm tập trung các phòng học, thí nghiệm, thư viện.
- + Cơ sở Hồ Hảo Hớn tập trung các khoa, hội trường và các phòng hội thảo...
- + Cơ sở Bình Dương dành cho Khoa CNSH và các hệ đào tạo không chính quy.
- + Cơ sở Long Bình dành cho GDQP, thể dục thể thao và các lớp đào tạo không chính quy [H9.09.08.04].

Về kế hoạch phát triển, Trường cũng đã xây dựng kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020, qua đó ưu tiên phát triển cơ sở Long Bình theo quy hoạch tỷ lệ 1/500 đã được UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt. Ngoài ra với mong muốn triển khai những dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển giáo dục công nghệ cao, Trường đã có chủ trương đầu tư một dự án về nghiên cứu, đào tạo và phát triển công nghệ cao tại Khu công nghệ cao TP.HCM [H9.09.08.05-06].

Trong kế hoạch phát triển cơ sở vật chất từng thời kỳ, từng năm, Trường đều đặt ra và giải quyết những vấn đề tồn tại với mục tiêu rõ ràng, có trọng tâm trọng điểm [H9.09.08.07-10].

2. Điểm mạnh:

Trường có quỹ đất dồi dào, đủ điều kiện để xây dựng thành một trường khang trang, hiện đại trong tương lai. Sau khi hoàn thành công trình tại cơ sở 4 Hồ Hảo Hớn, Trường có thêm nhiều phòng để phục vụ các lớp ĐH, SĐH và bồi dưỡng ngắn hạn.

Trường chủ động bằng nguồn vốn tự có để tìm kiếm nguồn quỹ đất đáp ứng

nhu cầu học tập trong hiện tại lẫn tương lai, đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngày một lớn mạnh của Trường. Chi phí đầu tư phát triển cơ sở vật chất từ chính nguồn thu của Trường, tạo thế chủ động cho Trường.

3. Tồn tại:

Việc xây dựng các văn bản chiến lược cần thiết để tập trung phát triển về cơ sở vật chất cũng như khai thác nguồn tiềm năng khác có tính khả thi còn chậm do ảnh hưởng đến tiến độ thi công hoặc cải tạo, sửa chữa tại các cơ sở, dẫn đến việc sắp xếp bố trí phòng bị động.

Hiện nay, việc đầu tư xây dựng dự án sau khi đã có quy hoạch tổng thể ở các cơ sở còn chậm, nguyên nhân do nguồn kinh phí không thể cùng một lúc triển khai tất cả các dự án cũng như việc tuyển sinh tại các cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

Hoàn thiện các cơ sở và phương tiện hiện có, cải tạo nâng cấp và bổ sung thêm các phòng học mới tại cơ sở Võ Văn Tần và chuyển các khoa, một số phòng ban và trung tâm sang Cơ sở Hồ Hảo Hớn.

Tìm kiếm thêm nhiều hình thức để có được nguồn vốn đầu tư một cách hiệu quả. Ngưng đầu tư ở một số cơ sở xa, tập trung vào cơ sở Long Bình và Khu công nghệ cao, đưa vào sử dụng từng phần theo nhu cầu sử dụng và khả năng tài chính của Trường, bên cạnh việc có kế hoạch sử dụng tối ưu các cơ sở hiện có. Đây cũng là chiến lược của Trường về quy hoạch tổng thể việc sử dụng và phát triển cơ sở vật chất, để trong tương lai các Cơ sở Hồ Hảo Hớn - Võ Văn Tần – Khu công nghệ cao – Long Bình được kết nối lại với nhau một cách thuận tiện theo trục giao thông tuyến quốc lộ 1A và tuyến metro Bến Thành – Suối Tiên.

Hàng năm có kế hoạch rà soát lại việc sử dụng cơ sở vật chất nhằm có kế hoạch cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Trường được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự an toàn cho các cán bộ quản lý, GV, nhân viên và người học.

1. Mô tả:

Trong Quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị của Trường, Phòng HC-QT chịu trách nhiệm về các hoạt động bảo vệ tài sản, đảm bảo an ninh trật tự. Các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự an toàn trong khuôn viên Trường được nêu rõ trong các phương án bảo vệ và quy trình xử lý tình huống khi nhận phản ánh tình hình an ninh trật tự qua đường dây nóng [H09.09.09.01-03].

Ngoài Tổ Bảo vệ cơ hữu Trường còn thành lập các ban hỗ trợ công tác an ninh, trật tự và ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp với Công ty bảo vệ Trung Dũng để tăng cường công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường. Năm 2012, Trường đã phát động thực hiện kế hoạch xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ Quốc trong toàn thể công chức, viên chức và SV. Trường đã ban hành Nội quy làm việc và được treo tại các phòng học và phòng làm việc, yêu cầu SV đi học đeo thẻ SV để tránh kẻ xấu xâm nhập vào lớp; yêu cầu thực hiện quy định về an toàn điện. Quy định và sử dụng phòng thí nghiệm cũng được ban hành nhằm tăng cường công tác đảm bảo tài sản và đảm bảo an toàn cho CB-VC, GV và SV [H09.09.09.04-06].

Trường cũng chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy, các đợt tập huấn chuyên môn được tổ chức hàng năm; công tác tuyên truyền về an toàn giao thông cũng được thực hiện nghiêm túc [H09.09.09.07-08].

Bảng 9.9.1: Các trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ, trật tự an toàn

Đơn vị tính: bộ

STT	THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐV QUẢN LÝ
1	Cổng	2	Phòng HCQT
2	Cuộn vòi chữa cháy	4	Phòng HCQT
3	Hệ thống camera	9	Phòng HCQT

STT	THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐV QUẢN LÝ
4	Hệ thống chữa cháy	1	Phòng HCQT
5	Hệ thống khóa cửa, quạt hút	1	Phòng HCQT
6	Máy bộ đàm	7	Phòng CTSV
7	Hệ thống báo cháy	8	Cơ sở 2
8	Máy bơm	3	Cơ sở 2
9	Máy phát điện	2	Cơ sở 3
10	Thiết bị kim thu sét	2	Cơ sở 3
11	Thiết bị PCCC	2	Cơ sở 3
12	Ti vi	6	Cơ sở 5

Nguồn: Phòng HC-QT, cập nhật đến 30/6/2016

Trường thực hiện nghiêm túc việc báo cáo về công tác an toàn, an ninh, trật tự với cơ quan cấp trên. Phối hợp tốt với các đơn vị chức năng địa phương, công an để đảm bảo tốt việc thực hiện giữ trật tự, an toàn cho CB-VC, GV và người học [H09.09.09.09].

2. Điểm mạnh:

Trường có đội ngũ bảo vệ chuyên nghiệp, có các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự an toàn trong khuôn viên Trường, có kế hoạch về đảm bảo an toàn và giám sát việc thực hiện một cách hiệu quả; phối hợp tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong công tác này.

3. Tồn tại:

Mặc dù rất cố gắng nhưng vẫn xảy ra một số vụ mất cắp nhỏ trong lớp học và trong khuôn viên trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ tăng cường đội ngũ bảo vệ, lắp đặt thêm hệ thống camera quan sát hiện đại tại các cơ sở học tập của Trường, treo bảng nội quy, nhắc nhở SV và CB-VC nâng cao cảnh giác.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Trường nhận thức được tầm quan trọng của việc đầu tư cho cơ sở vật chất như phòng học, thư viện, trang thiết bị học tập, phòng thí nghiệm, thực hành nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời gian qua, Trường đã đầu tư khá nhiều cho thư viện, phòng học, các cơ sở phục vụ giảng dạy học tập và NCKH khác đáp ứng được nhu cầu của các ngành đào tạo. Tất cả các phòng học hiện nay đều khang trang, được trang bị máy lạnh là một cố gắng lớn của Trường. Hạ tầng kỹ thuật internet, hệ thống thông tin được trang bị đầy đủ cho các nơi làm việc, nơi học tập và các bộ phận phục vụ khác.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn, mục tiêu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ học tập luôn được nhấn mạnh. Việc mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH hàng năm luôn được ưu tiên.

Trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn, Trường hoạt động theo phương thức tự thu tự chi, ngân sách còn hạn chế nên dù nỗ lực nhiều nhưng nhìn chung, CSVC còn chưa thực sự đáp ứng tốt cho mọi mặt hoạt động của Trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **09** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu

Là một trường đại học công lập tự chủ về tài chính, Trường phải hoàn toàn chủ động trong việc cân đối các nguồn thu - chi để đảm bảo triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động thường xuyên khác theo yêu cầu đối với một trường đại học.

Nguồn tài chính của Trường chủ yếu là từ nguồn thu sự nghiệp (học phí, lệ phí...) và từ Ngân sách Nhà nước. Trong đó, nguồn thu chính là từ học phí, lệ phí của người học, còn Ngân sách Nhà nước chỉ được cấp để hỗ trợ hoạt động NCKH và một phần kinh phí cho các dự án xây dựng cơ bản của Trường. Vì vậy, để đảm bảo duy trì hoạt động, Trường đã chủ động xây dựng kế hoạch tăng nguồn thu sự nghiệp và có những giải pháp tăng nguồn thu hợp pháp qua các năm.

Trong thời gian qua, nguồn thu của Trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng hoạt động NCKH, đồng thời cũng góp phần đáng kể trong việc phát triển CSVC phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH, góp phần tăng thu nhập, đảm bảo đời sống cho CB-VC của Trường.

Việc quản lý tài chính của Trường đã được thực hiện một cách công khai minh bạch, đúng theo quy định và được kiểm tra thường xuyên bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiêu chí 10.1: Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả:

Trường là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GD&ĐT, được Bộ GD&ĐT giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối

với đơn vị sự nghiệp công lập. Từ năm 2015, Trường hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư theo Quyết định số 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017 [H10.10.01.01].

Các nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động thường xuyên khác của Trường. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ, nguồn tài chính chủ yếu của Trường bao gồm: từ Ngân sách Nhà nước cấp (hỗ trợ hoạt động NCKH, đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí cấp bù tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho SV, chương trình mục tiêu quốc gia), và nguồn thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, liên kết đào tạo, lớp bồi dưỡng ngắn hạn, lãi tiền gửi ngân hàng, dịch vụ cấp giấy tờ cho SV). Trong đó, nguồn thu chính là nguồn thu từ học phí, lệ phí của người học, còn nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp rất ít. Các nguồn thu hợp pháp đều được sử dụng đúng mục đích, được quản lý tập trung và được hạch toán theo đúng quy định Nhà nước [H10.10.01.02-04].

Quy chế chi tiêu nội bộ đã được xây dựng để kiểm soát chi tiêu trong các hoạt động của Trường [H10.10.01.05].

Hàng năm, Trường thực hiện phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các đơn vị trong Trường. Mỗi nguồn thu được hạch toán theo dõi riêng và chi đúng mục đích tài chính. Ví dụ, nguồn thu cho các hoạt động NCKH chỉ được sử dụng cho các nhiệm vụ NCKH, các đề tài NCKH cấp bộ, cấp cơ sở được Bộ chủ quản phê duyệt. Ngoài ra, hàng năm một phần từ nguồn thu học phí được dùng để hỗ trợ cho các hoạt động NCKH của GV và SV [H10.10.01.06].

Trường đã có chiến lược khai thác nguồn thu sự nghiệp, cụ thể đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2023, trong đó đề ra các giải pháp để phát triển nguồn tài chính đáp ứng có hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường. Hàng năm, Trường thực hiện tổng kết,

đánh giá tình hình thu chi tài chính năm học vừa qua và xây dựng kế hoạch tài chính năm học tiếp theo, trong đó đề ra các giải pháp tăng nguồn thu, cải tiến mở rộng quy mô chương trình đào tạo đặc biệt, các lớp đào tạo ngắn hạn và thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên nhằm gia tăng nguồn thu [H10.10.01.07-08].

Đặc biệt, trong năm 2015, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017 theo Quyết định số 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 cho phép Trường được tự chủ tài chính hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư, được thu học phí với mức cao theo quy định ở tất cả các hệ đào tạo của Trường, điều này tạo điều kiện rất thuận lợi giúp Trường tăng nguồn thu hợp pháp đáp ứng được nhu cầu chi tiêu cho hoạt động đào tạo, NCKH, cơ sở vật chất và các hoạt động thường xuyên khác đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh:

Trường đã thực hiện khai thác đa dạng nguồn thu sự nghiệp, đặc biệt đã thực hiện xây dựng đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động và được Chính phủ cho phép Trường được tự chủ tài chính hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư, được thu học phí với mức cao, đáp ứng được nhu cầu chi tiêu cho hoạt động đào tạo, NCKH, cơ sở vật chất và các hoạt động thường xuyên khác của Trường.

3. Tồn tại:

Nguồn thu từ Ngân sách Nhà nước cấp, từ hoạt động NCKH, từ việc triển khai và ứng dụng khoa học kỹ thuật của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2016-2017, Trường thực hiện điều chỉnh tăng mức thu học phí các hệ đào tạo theo Quyết định 850/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Mở TP.HCM giai đoạn 2015 - 2017 và theo mức trần học phí quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế

thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Trường sẽ tăng cường các hoạt động để mở rộng nguồn thu và hiệu quả hoạt động như phát triển các chương trình đào tạo trực tuyến, đẩy mạnh đào tạo ngắn hạn, mở rộng liên kết đào tạo với nước ngoài, khai thác các hoạt động NCKH để tạo nguồn thu hợp pháp và bền vững cho Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả:

Trường luôn coi trọng việc lập kế hoạch tài chính trên cơ sở chiến lược phát triển của Trường. Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm thể hiện qua việc lập dự toán thu chi theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu, thuyết minh chi tiết các khoản thu chi theo mục lục Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính từ các nguồn kinh phí khác nhau. Việc lập kế hoạch tài chính năm của Trường căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch đào tạo của Bộ GD&ĐT giao, tình hình thực hiện các chỉ tiêu về tài chính năm trước và những nhiệm vụ trọng tâm phát sinh trong năm học mới. Các số liệu trên được cung cấp từ các phòng ban chức năng và các đơn vị chuyên môn trong Trường để đảm bảo công tác lập kế hoạch tài chính được khách quan, công khai, minh bạch [H10.10.02.01].

Công tác quản lý tài chính của Trường được thực hiện dựa trên Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước. Hàng năm, Trường thực hiện công bố công khai việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các khoa, phòng, ban, trung tâm trong Trường [H10.10.02.02-03].

Công tác quản lý tài chính của Trường được chuẩn hoá minh bạch, theo đúng quy định. Công tác quản lý tài chính đã được tin học hoá, với sự hỗ trợ của phần mềm phục vụ cho công tác kế toán, quản lý thu nhập cán bộ viên chức, quản lý học phí, ... đã giúp Trường quản lý tốt tài chính. Các phần mềm hiện có là phần mềm kế

toán, phần mềm quản lý thu nhập, phần mềm Edusoft quản lý học phí, phần mềm in biên lai thu học phí. Ngoài ra, Trường còn liên kết với Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn – chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Ngoại thương thu học phí của SV và thực hiện chuyển vào tài khoản của cán bộ viên chức các khoản lương và thu nhập cá nhân cho CB-VC. Các thông tin về chi trả thu nhập của từng CB-VC được công khai cho cá nhân được biết trên website của Trường [H10.10.02.04-05].

Trường luôn chú trọng đến tính minh bạch, công khai trong công tác quản lý tài chính, đã thực hiện báo cáo công khai theo thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, báo cáo tài chính được lập hàng năm về tình hình thu chi tài chính của Trường đều được công bố công khai trước Hội nghị CB-VC toàn Trường. Khi điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, Trường thực hiện công khai lấy ý kiến của tất cả CB-VC Trường góp ý về điều chỉnh, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ cho hợp lý, sát với thực tế và theo quy định Nhà nước [H10.10.02.06-07].

Nguồn tài chính của Trường được quản lý tập trung. Mọi khoản thu, chi đều được phản ánh trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm của Trường. Hàng năm, Trường đều thực hiện quyết toán tài chính với Bộ GD&ĐT. Các kết quả kiểm tra của Bộ GD&ĐT và của Kiểm toán Nhà nước đều đánh giá công tác quản lý tài chính của Trường đảm bảo theo quy định [H10.10.02.08-10].

2. Điểm mạnh:

Công tác quản lý tài chính của Trường được thực hiện chặt chẽ, theo quy định của Nhà nước. Toàn bộ hoạt động tài chính của Trường đều được quản lý tập trung tại Phòng Tài chính-Kế toán. Báo cáo tài chính được công khai minh bạch tại hội nghị CB-VC hàng năm.

Trường đã xây dựng các quy định về tài chính cũng như quy trình thanh toán và quyết toán các khoản chi. Việc sử dụng các nguồn kinh phí của Trường được

công khai, minh bạch và theo quy định Nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

3. Tồn tại:

Công tác lập kế hoạch tài chính của trường đã có nhiều cố gắng nhưng đôi lúc còn bị động, phụ thuộc vào các quy định của cấp trên.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ xây dựng, hoàn thiện quy trình lập kế hoạch tài chính hàng năm.

Trong năm 2017, Phòng Tài chính – Kế toán thực hiện nâng cấp phần mềm quản lý công tác tài chính kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học

1. Mô tả:

Trường đã thực hiện sự phân bổ tài chính hàng năm hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường. Tỷ lệ các khoản chi hàng năm cho đào tạo chính quy, đào tạo từ xa, VLVH, chi cho hoạt động SV, chi thu nhập cho CB-VC, chi đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi NCKH và chi các hoạt động thường xuyên khác của Trường đều thể hiện tính hợp lý, đúng mục đích trong sử dụng kinh phí [H10.10.03.01].

Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định cụ thể về nguyên tắc, định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các đơn vị trong Trường. Đối với các khoa, căn cứ phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên dựa vào số lượng SV hệ đào tạo chính quy, hệ từ xa-VLVH của khoa. Đối với khối phòng, ban, trung tâm căn cứ phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên dựa vào số lượng CB-VC của đơn vị. Mức chi cụ thể cho công tác quản lý điều hành của các khoa và Phòng ban (bao gồm kinh phí hoạt động thường xuyên cho hệ đào tạo tập trung, kinh phí điều hành gián tiếp cho các hệ đào tạo từ xa, VLVH, kinh phí NCKH của

GV, kinh phí văn thể mỹ - NCKH SV) luôn được công bố công khai. Các đơn vị sử dụng kinh phí phân bổ luôn được yêu cầu phải tuân thủ theo các quy định về mục đích sử dụng [H10.10.03.02-04].

Trường đảm bảo sử dụng các nguồn tài chính hợp lý và theo quy định. Trong thời gian qua việc phân bổ, sử dụng các nguồn tài chính hợp lý đã góp phần nâng cao đời sống CB-VC, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH cũng như bổ sung nguồn kinh phí tăng cường cơ sở vật chất của Trường. Việc chi trả thu nhập tăng thêm căn cứ chủ yếu vào kết quả công việc và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường đã tăng chi tiêu cho phát triển cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH. Trường cũng chi tiêu mạnh để phát triển hệ ĐTTX như phát triển học liệu, hệ thống đào tạo trực tuyến. Các chế độ, định mức chi tiêu đều được ghi rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Quy chế chi tiêu nội bộ góp phần để các cá nhân và đơn vị chủ động trong việc chi tiêu và làm căn cứ để kiểm tra, kiểm soát thực hiện kế hoạch chi trong năm. [H10.10.03.05-06].

Hàng năm, tại hội nghị CB-VC, Trường đều báo cáo đầy đủ, rõ ràng minh bạch về tình hình thu, chi của Trường trong năm và dự kiến kế hoạch thu chi cho năm kế tiếp [H10.10.03.07].

2. Điểm mạnh:

Chi tiêu của Trường khá hợp lý và hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu chiến lược của nhà trường như phát triển đội ngũ, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy, phát triển đào tạo từ xa. Thu nhập trả cho từng CB-VC gắn liền với kết quả công việc.

Phân bổ tài chính trong các hoạt động và cho các đơn vị rõ ràng, đúng quy định, chế độ kế toán tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Tồn tại:

Chưa xây dựng chi tiết tỷ lệ phân bổ kinh phí cho từng hoạt động của Trường.

Chưa thực hiện chi tiết hoá các khoản mục chi tiêu cho từng hoạt động của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2016-2017, phòng Tài chính kế toán chủ trì phối hợp các đơn vị trình Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí chi tiết cho tất cả các hoạt động của Trường hàng năm.

Hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị của Trường trong năm học 2016-2017.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Trường đã có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường đồng thời đảm bảo được thu nhập của CB-VC.

Hàng năm, Trường đều lập kế hoạch tài chính, trong đó có sự cân đối hợp lý giữa thu và chi. Việc quản lý tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo đúng quy định.

Trường công khai tỷ lệ phân bổ kinh phí cho các đơn vị, đảm bảo rõ ràng, minh bạch, đảm bảo các nguyên tắc tài chính, kế toán đúng pháp luật.

Hoạt động tài chính của Trường bám sát các mục tiêu chiến lược lớn như phát triển đội ngũ, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy, phát triển đào tạo từ xa, đã góp phần to lớn vào việc phát triển Trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: **03** tiêu chí; chưa đạt yêu cầu: **00** tiêu chí.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Trên đây là toàn văn báo cáo tự đánh giá của Trường ĐH Mở TP.HCM được thực hiện lần thứ 2 nhằm phục vụ cho kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Công tác tự đánh giá thực hiện đúng theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT theo các văn bản:

+ Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ GD&ĐT có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;

+ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

+ Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

+ Công văn số 527/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học.

+ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.

Trong tổng số 61 tiêu chí của 10 tiêu chuẩn, Trường ĐH Mở TP.HCM tự đánh giá đạt 60/61 tiêu chí (98, 36%), có 01 tiêu chí chưa đạt yêu cầu (Tiêu chí 7.3). Vì vậy, Trường tự đánh giá Đạt tiêu chuẩn kiểm định Quốc gia.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: MBS
Tên Trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH
Khối ngành:
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 30/6/2016



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường đại học			
Tiêu chí 1.1	Đ		
Tiêu chí 1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
Tiêu chí 2.1	Đ		
Tiêu chí 2.2	Đ		
Tiêu chí 2.3	Đ		
Tiêu chí 2.4	Đ		
Tiêu chí 2.5	Đ		
Tiêu chí 2.6	Đ		
Tiêu chí 2.7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
Tiêu chí 3.1	Đ		
Tiêu chí 3.2	Đ		
Tiêu chí 3.3	Đ		
Tiêu chí 3.4	Đ		
Tiêu chí 3.5	Đ		
Tiêu chí 3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
Tiêu chí 4.1	Đ		
Tiêu chí 4.2	Đ		
Tiêu chí 4.3	Đ		

Tiêu chuẩn 6: Người học			
Tiêu chí 6.1	Đ		
Tiêu chí 6.2	Đ		
Tiêu chí 6.3	Đ		
Tiêu chí 6.4	Đ		
Tiêu chí 6.5	Đ		
Tiêu chí 6.6	Đ		
Tiêu chí 6.7	Đ		
Tiêu chí 6.8	Đ		
Tiêu chí 6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ			
Tiêu chí 7.1	Đ		
Tiêu chí 7.2	Đ		
Tiêu chí 7.3	C		
Tiêu chí 7.4	Đ		
Tiêu chí 7.5	Đ		
Tiêu chí 7.6	Đ		
Tiêu chí 7.7	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
Tiêu chí 8.1	Đ		
Tiêu chí 8.2	Đ		
Tiêu chí 8.3	Đ		

Tiêu chí 4.4	Đ		
Tiêu chí 4.5	Đ		
Tiêu chí 4.6	Đ		
Tiêu chí 4.7	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
Tiêu chí 5.1	Đ		
Tiêu chí 5.2	Đ		
Tiêu chí 5.3	Đ		
Tiêu chí 5.4	Đ		
Tiêu chí 5.5	Đ		
Tiêu chí 5.6	Đ		
Tiêu chí 5.7	Đ		
Tiêu chí 5.8	Đ		

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
Tiêu chí 9.1	Đ		
Tiêu chí 9.2	Đ		
Tiêu chí 9.3	Đ		
Tiêu chí 9.4	Đ		
Tiêu chí 9.5	Đ		
Tiêu chí 9.6	Đ		
Tiêu chí 9.7	Đ		
Tiêu chí 9.8	Đ		
Tiêu chí 9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
Tiêu chí 10.1	Đ		
Tiêu chí 10.2	Đ		
Tiêu chí 10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số lượng tiêu chí đạt: 60 (chiếm 98,36%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 01 (chiếm 1,64%); Số tiêu chí không đánh giá: 00 (chiếm 00%).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN V: PHỤ LỤC

A. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng giáo dục

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 30/06/2016

I. Thông tin chung của Trường

1. Tên Trường (theo quyết định thành lập): **Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh**

Tiếng Việt: **Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh**

Tiếng Anh: **Ho Chi Minh City Open University**

2. Tên viết tắt của Trường:

Tiếng Việt: **Trường Đại học Mở TP.HCM**

Tiếng Anh: **HCMOU**

3. Tên trước đây (nếu có): **Viện Đào tạo Mở rộng TP. Hồ Chí Minh (1990);
Đại học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh (1993).**

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

5. Địa chỉ Trường: 97, Võ Văn Tần - Phường 6 - Quận 3 – TP. Hồ Chí Minh

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (08) 39 300 210 Số fax: (08) 39 300 085

E-mail: ou@ou.edu.vn Website: www.ou.edu.vn

7. Năm thành lập Trường (theo quyết định thành lập): 1990

8. Thời gian bắt đầu đào tạo Khóa I: 1990

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho Khóa I: 1994

10. Loại hình Trường đào tạo:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Giới thiệu khái quát về Trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Trường:

Trường trải qua 26 năm hình thành và phát triển qua các giai đoạn:

– Ngày 15/6/1990, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 451/TCCB về việc thành lập Viện Đào tạo Mở rộng trực thuộc Trường Cán bộ quản lý Đại học – THCN và dạy nghề, đây là tên gọi đầu tiên của Trường.

– Ngày 26/7/1993, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 389-TTg về việc thành lập Đại học Mở Bán công TP.HCM.

– Ngày 22/6/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg về việc chuyển loại hình trường đại học, cao đẳng bán công và Trường được mang tên Trường Đại học Mở TP.HCM cho tới hôm nay.

– Ngày 12/06/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 850/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Mở TP.HCM giai đoạn 2015-2017.

– Tập thể Trường và nhiều cá nhân đã được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương, Kỷ niệm chương, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT, các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các Bộ, ngành Trung ương, UBND TP.HCM, các tỉnh thành nhằm tuyên dương, ghi nhận những nỗ lực thi đua dạy tốt, học tốt, rèn luyện tốt của thầy và trò trong Trường. Tập thể Trường đã vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

– Trường là một cơ sở giáo dục đại học và sau đại học đa ngành, có uy tín trong khu vực, hiện Trường đã đào tạo các cấp bậc từ Cử nhân đến Tiến sĩ, là một địa chỉ giáo dục đào tạo đáng tin cậy, đặc biệt là giáo dục từ xa ở khu vực phía Nam nhằm cụ thể hóa chủ trương xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Trường còn có hợp tác đào tạo chương trình liên kết đào tạo với các trường uy tín trên thế giới.

– Về tổ chức quản lý, Bộ máy tổ chức của Trường bao gồm Ban Giám hiệu với Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng, Hội đồng Trường gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên; có 33 đơn vị chức năng, cụ thể gồm 01 Khoa Đào tạo Sau đại học, 11 Khoa đào tạo trình độ đại học, 10 Phòng, 2 Ban, 6 Trung tâm, 1 Tạp chí khoa học, 1 Thư viện và 1 Trạm Y tế, 3 Ban quản lý tại các tỉnh, cùng

Đảng bộ và các Đoàn thể.

– Về đào tạo, hiện nay, Trường đang đào tạo để cấp bằng tiến sĩ cho 02 ngành, cấp bằng thạc sĩ cho 06 ngành, cấp bằng cử nhân, kỹ sư cho 18 ngành ở trình độ đại học, cấp bằng cử nhân đại học chương trình chất lượng cao cho 05 ngành, và cấp bằng cử nhân, kỹ sư cho 17 chuyên ngành GDTX.

– Về hợp tác quốc tế, Trường là thành viên tích cực của Hiệp hội các trường đại học Mở Châu Á (AAOU – Asian Association of Open Universities) và Hội đồng Giáo dục Mở và Từ xa Thế giới (ICDE – International Council for Open and Distance Education). Trường đã thỏa thuận hợp tác với nhiều trường đại học uy tín của các nước như Bỉ, Đức, Úc, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Canada, Thụy Điển, Singapore, New Zealand, các tổ chức quốc tế, các tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ ... Các hoạt động hợp tác bao gồm liên kết đào tạo cao học, liên thông đại học, trao đổi giảng viên, sinh viên, tổ chức và tham gia hội thảo khoa học, thực hiện các dự án, giao lưu học thuật, trao đổi học hỏi kinh nghiệm quản lý,...

– Về NCKH, Trường xác định đây là nhiệm vụ song hành cùng hoạt động đào tạo, bằng các kế hoạch triển khai cụ thể, trong thời gian qua nhiều công trình khoa học của GV, SV đã được thực hiện và đạt được nhiều giải thưởng cũng như triển khai hiệu quả, các hội thảo khoa học, các chương trình học thuật được đầu tư chất lượng, nhiều thỏa thuận liên kết trong hoạt động khoa học được thực hiện với các Tỉnh, Thành phố và các cơ quan trung ương và địa phương.

– Những thành tựu nổi bật:

Ngay từ khi thành lập, sứ mạng của Trường là mở rộng các loại hình và phương thức đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của nhân dân. Từ khi ra đời cho đến nay, Trường luôn tuân thủ theo sứ mạng này để phát triển, cho dù mỗi giai đoạn có các hoàn cảnh khác nhau. Trường đã nỗ lực không ngừng để thực hiện các mục tiêu đã đề ra, trong khi nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho Trường còn ít. Chính sự năng động, sáng tạo, dám đổi mới, đồng tâm

hiệp lực của tất cả thầy cô nhà trường qua nhiều thế hệ đã tạo nên thành quả của nhà trường. Trong 5 năm qua, tất cả các mặt về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và ngoài nước, phát triển đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất, xây dựng học liệu, phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chuẩn bị cho ĐTTX, hệ thống quản lý, hệ thống phục vụ sinh viên,... đều có bước tiến đáng kể và đã giúp nâng cao uy tín, vị thế nhà trường, góp phần đáp ứng nguồn nhân lực cho các địa phương phía Nam và cả nước, cụ thể hóa chủ trương xây dựng xã hội học tập và tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người.

Trường đề ra các kế hoạch chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với sứ mạng, định hướng phát triển và nguồn lực của nhà trường. Các chiến lược được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, tập hợp được trí tuệ tập thể của toàn thể CB-VC trong Trường. Các kế hoạch thực hiện được triển khai một cách khoa học, rõ ràng, nhất quán từ cấp Trường xuống cấp đơn vị. Có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch. Kết thúc học kỳ và năm học đều có tiến hành sơ kết và tổng kết. Kết quả thực hiện công việc trong năm là căn cứ để đánh giá thi đua, khen thưởng và trả thu nhập cho từng người trong Trường. Cơ chế quản lý gắn liền với kết quả công việc này đã tạo động lực to lớn giúp Trường phát triển. Cơ chế quản lý này cũng tạo ra sự công khai, minh bạch, giúp cho nội bộ Trường đoàn kết vì mục tiêu phát triển chung.

Đội ngũ CB-VC của Trường có bước phát triển mạnh về số lượng và chất lượng trong những năm qua. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016, đội ngũ CB-VC của Trường là 582 người, trong đó có 3 Giáo sư (0,52%), 14 Phó Giáo sư (2,41%), 91 Tiến sĩ (15,64%), 297 Thạc sĩ (51,03%), 147 cử nhân (25,26%) và trình độ khác là 30 người (5.15%), trong đó có 72 người có bằng tiến sĩ và 90 người có bằng thạc sĩ do nước ngoài đào tạo. Trường đã có chính sách kịp thời thu hút người lao động có trình độ cao, tạo môi trường làm việc thuận lợi và chế độ đãi ngộ xứng đáng. Trong 5 năm 2011-2016, Trường đã tuyển dụng mới 3 giáo sư, 1 phó giáo sư, 80 tiến sĩ (55 người đào tạo ở nước ngoài), 169 thạc sĩ (82 người đào tạo ở nước ngoài). Chính đội ngũ ngày càng lớn mạnh đã góp

phần vào thành quả phát triển chung của nhà trường.

Hoạt động đào tạo phát triển theo hướng nâng cao. Trường đã được phép đào tạo bậc tiến sĩ từ năm 2012, được phép mở rộng các ngành đào tạo đại học và thạc sĩ. Trường được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo 5 ngành chất lượng cao. Trường có các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài với những trường đại học có uy tín. Từ năm 2009, Trường đã tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá luôn được cải tiến, đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng, lấy người học làm trung tâm, gắn kết với thực tiễn để đáp ứng nhu cầu xã hội tốt hơn. Trong những năm qua, Trường đã giảm quy mô đào tạo để tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng.

Với mong muốn góp phần thúc đẩy xã hội học tập phát triển, trong những năm qua, nhà trường đã liên tục cải tiến để tạo nền tảng vững chắc hơn trong phát triển đào tạo từ xa, với phương châm tạo sự linh hoạt và thuận tiện nhất cho người học. Trường không ngừng cải tiến phương pháp và hình thức truyền tải kiến thức thông qua phát thanh, truyền hình, mạng internet, tài liệu in và điện tử, xây dựng hệ thống hướng dẫn và chăm sóc tận tình để người học có thể tận dụng mọi cơ hội tự học, nâng cao trình độ. Trường đã chủ trì biên soạn hàng trăm tài liệu học tập dành riêng cho hệ đào tạo từ xa để người học có thể tự học. Đến nay, đã có hàng chục ngàn học viên từ xa nhận bằng tốt nghiệp từ Trường, góp phần đáp ứng nguồn nhân lực ở các địa phương phía Nam.

Hoạt động NCKH của Trường được chú trọng trong những năm gần đây với các cơ chế khuyến khích nghiên cứu khoa học dành cho giảng viên và cả sinh viên. Số lượng bài công bố quốc tế tăng qua các năm, nhất là các bài báo ở các hội nghị khoa học quốc tế và trên tạp chí quốc tế. Phong trào sinh viên NCKH cũng phát triển rất tốt, với số lượng công trình NCKH của sinh viên đoạt các giải thưởng các loại luôn trong nhóm trường dẫn đầu. Trường cũng chủ động phối hợp với các cơ quan Trung ương, địa phương xúc tiến các hoạt động khoa học đã có đóng góp và tác động mạnh mẽ trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở cấp địa phương và Trung ương. Hàng loạt kết quả từ các Hội thảo khoa học của Trường đã được xuất bản, đã đi vào thực tiễn và được sử dụng

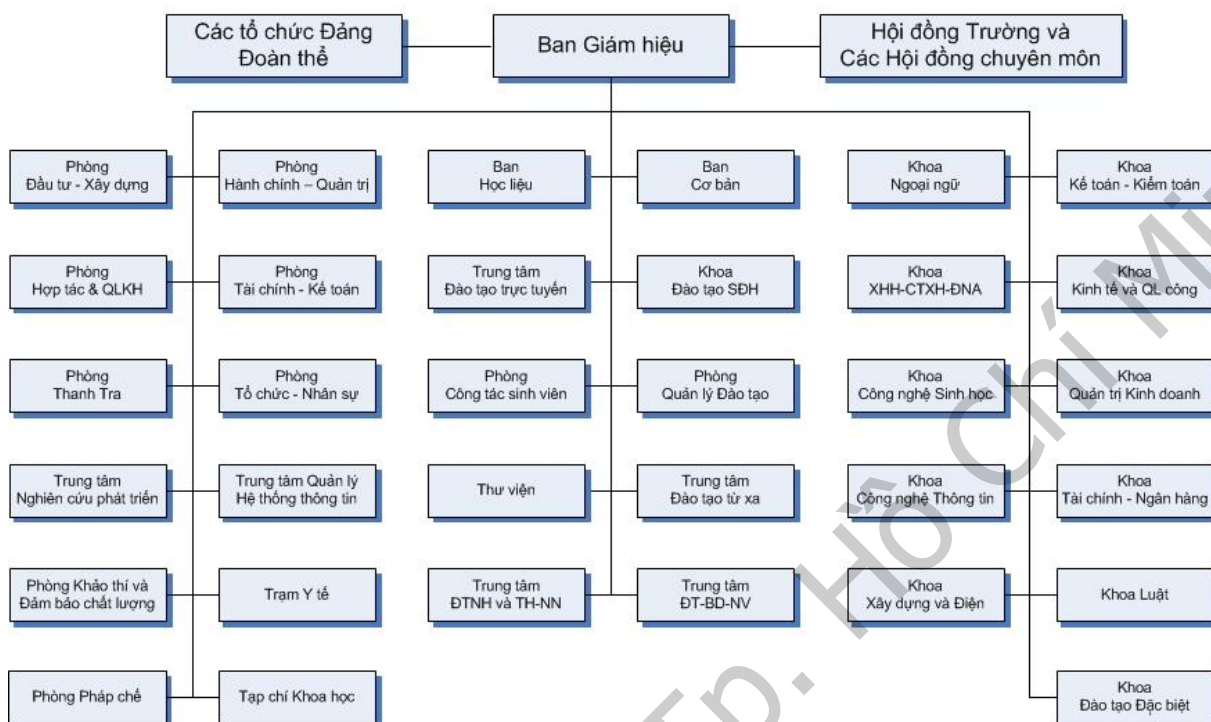
trong công tác hoạch định chính sách trên phạm vi cả nước.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường khá đa dạng, phong phú, bao gồm: hợp tác mở các chương trình liên kết đào tạo, hợp tác nhận tài trợ cho các dự án nghiên cứu và hoạt động hỗ trợ, hợp tác đồng tổ chức hội thảo hội nghị, hợp tác trao đổi kinh nghiệm quản lý, hợp tác trao đổi giảng viên và sinh viên,... Trường đã có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học lớn trên thế giới, nhiều tổ chức quốc tế có uy tín. Có thể nói, hoạt động HTQT của Trường ĐH Mở TP.HCM trong 05 năm qua đã đạt những thành tựu quan trọng, đã có hiệu quả thực sự trong hợp tác, qua đó đã giúp Trường vừa hợp tác vừa tiếp thu những thành tựu của các trường quốc tế góp phần cải tiến, đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ, cải tiến công tác quản lý và tổ chức công việc của Trường.

Là một trường đại học công lập tự chủ về tài chính, Trường phải hoàn toàn chủ động trong việc cân đối các nguồn thu - chi để đảm bảo triển khai các hoạt động của nhà trường. Đây là một thách thức trong điều kiện phải nâng cao chất lượng. Trường đã đầu tư khá lớn vào phát triển cơ sở vật chất bằng nguồn vốn tự tích lũy của Trường. Cơ sở 35-37 Hồ Hảo Hớn, quận 1 khang trang, hiện đại được đưa vào sử dụng năm 2016. Hiện nay, tất cả các phòng học của nhà trường đều được trang bị máy lạnh. Đây là một cố gắng rất lớn của nhà trường trong điều kiện Trường phải tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động. Phòng học ngày càng khang trang, hiện đại. Quy mô sinh viên/1 lớp học được giảm dần để đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Trường cũng đã đầu tư khá lớn để phát triển hệ ĐTTX như phát triển học liệu, hệ thống elearning,... Trong thời gian qua, nguồn thu của Trường được sử dụng một cách hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng hoạt động NCKH, góp phần đáng kể trong việc phát triển CSVN, góp phần tăng thu nhập, đảm bảo đời sống cho CB-VC của Trường. Việc quản lý tài chính của Trường đã được thực hiện một cách công khai minh bạch, đúng theo quy định và được kiểm tra thường xuyên bởi các cơ quan có thẩm quyền.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM



Nguồn: Phòng Tổ chức - Nhân sự.

13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp Trường).

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Phúc	PGS-TS	0919083087	phuc.nv@ou.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	Vũ Hữu Đức	PGS-TS	0908197083	duc.vh@ou.edu.vn
	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sĩ	0903608249	nhan.tn@ou.edu.vn
3. Chủ tịch Hội đồng Trường	Lê Thị Thanh Thu	Tiến sĩ	0908297831	thu.ltt@ou.edu.vn

	Tên đơn vị/Bộ phận	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức danh /chức vụ
4. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, TN,	Đảng bộ	Nguyễn Văn Phúc	PGS-TS	Bí thư
	Công Đoàn	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sĩ	Chủ tịch
	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Trần Văn Trí	Cử nhân	Bí thư
	Hội SV Việt Nam	Lâm Phương Oanh	Sinh viên	Chủ tịch

	Tên đơn vị/Bộ phận	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức danh /chức vụ
Công đoàn...	Hội Cựu chiến binh	Lê Ngọc Quyền	Cử nhân	Chủ tịch
	Hội Thể thao	Lê Bảo Lâm	PGS-TS	Chủ tịch
5. Các phòng, ban chức năng (liệt kê)	Phòng HC-QT	Nguyễn Từ Hàn	Cử nhân	Trưởng Phòng
	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Tổng Hào Kiệt	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng (Phụ trách)
	Phòng Thanh tra	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng (Phụ trách)
	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Tấn Lượng	Thạc sĩ	Trưởng Phòng
	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Minh Hà	PGS-TS	Trưởng Phòng
	Phòng Hợp tác và QLKH	Lê Thái Thường Quân	Tiến sĩ	Trưởng Phòng
	Phòng Đầu tư - Xây dựng	Đỗ Sa Kỳ	Thạc sĩ	Trưởng Phòng
	Phòng CTSV	Tạ Thị Lan Anh	Thạc sĩ	Trưởng Phòng
	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ	Trưởng Phòng
	Phòng Pháp chế	Nguyễn Hoàng Thịnh	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng (Phụ trách)
	Thư viện	Âu Thị Cẩm Linh	Thạc sĩ	Giám đốc
	Ban Cơ bản	Ninh Xuân Hương	Thạc sĩ	Phó Trưởng Ban (Phụ trách)
	Ban Học liệu	Nguyễn Văn Phúc	PGS-TS	Trưởng Ban
	Tạp chí khoa học	Nguyễn Thuận	PGS-TS	Tổng Biên tập
	Trạm Y tế	Nguyễn Thị Bình	Bác sĩ	Trưởng Trạm
6. Các trung tâm	Trung tâm ĐTTX	Vũ Hữu Đức	PGS-TS	Giám đốc
	Trung tâm Quản lý Hệ thống thông tin	Ngô Minh Vương	Tiến sĩ	Giám đốc
	Trung tâm Đào tạo trực tuyến	Nguyễn Quang Trung	Tiến sĩ	Giám đốc
	Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ	Đỗ Ngọc Sơn	Thạc sĩ	Phó Giám đốc

	Tên đơn vị/Bộ phận	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức danh /chức vụ
	Trung tâm Nghiên cứu phát triển	Lê Bảo Lâm	PGS-TS	Giám đốc
	Trung tâm Đào tạo Ngắn hạn-Ngoại ngữ-Tin học	Hà Minh Đức	Thạc sĩ	Giám đốc
7. Các khoa	Khoa Công nghệ Sinh học	Nguyễn Minh Hà	PGS-TS	Trưởng Khoa
	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Xuân Trường	Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa (Phụ trách)
	Khoa Đào tạo Đặc biệt	Vân Thị Hồng Loan	Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa (Phụ trách)
	Khoa Đào tạo Sau đại học	Lê Thị Thanh Thu	Tiến sĩ	Trưởng Khoa
	Khoa Kế toán - Kiểm toán	Vũ Hữu Đức	PGS-TS	Trưởng Khoa
	Khoa Kinh tế và Quản lý công	Nguyễn Văn Phúc	PGS-TS	Trưởng Khoa
	Khoa Luật	Dư Ngọc Bích	Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa
	Khoa Quản trị Kinh doanh	Trịnh Thùy Anh	Tiến sĩ	Trưởng Khoa
	Khoa Ngoại Ngữ	Nguyễn Thúy Nga	Tiến sĩ	Trưởng Khoa
	Khoa Tài chính-Ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	PGS-TS	Trưởng Khoa
	Khoa Xã hội học-Công tác xã hội-Đông Nam Á	Hà Minh Trí	Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa (Phụ trách)
	Khoa Xây dựng và Điện	Trần Tuấn Anh	PGS-TS	Phó Trưởng Khoa (Phụ trách)
Cơ sở	Cơ sở 2 - Long Bình	Đỗ Sa Kỳ	Thạc sĩ	Giám đốc
	Cơ sở 3 - Bình Dương	Bùi Văn Minh	Thạc sĩ	Phó Giám đốc (Phụ trách)
	Cơ sở 5 - Ninh Hòa	Lê Nguyễn Quốc Khang	Tiến sĩ	Phó Giám đốc (Phụ trách)

Nguồn: Phòng Tổ chức - Nhân sự, cập nhật 30/6/2016

14. Các ngành/chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 02

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 06

Số lượng ngành đào tạo đại học: 18

Số lượng ngành đào tạo đại học (chất lượng cao): 05

Số lượng ngành đào tạo đại học (giáo dục thường xuyên): 15

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: (dừng năm 2012) 06

Số lượng ngành đào tạo TCCN: 00

Số lượng ngành đào tạo nghề: 00

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

** Ghi chú: Hệ Cao đẳng ngưng tuyển sinh từ năm 2013.*

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 14).

15. Các loại hình đào tạo của Trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☒	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

16. Tổng số các khoa đào tạo: 12

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Trường:

Đơn vị tính: Người

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	323	259	582
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên và hợp đồng	323	259	582

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	không xác định thời hạn)			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm)	157	147	304
	Tổng số	480	406	886

Nguồn: Phòng TC-NS, cập nhật 30/6/2016

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	5		3	0	2	0
2	Phó Giáo sư	70		5	9	56	0
3	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0
4	Tiến sĩ	287		67	24	192	4
5	Thạc sĩ	406		259	36	106	5
6	Đại học	116		6	0	104	6
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng số	884	0	340	69	460	15

Nguồn: Phòng TC-NS, cập nhật 30/6/2016

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - Cột (8) = **409** người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $409/582 = 70,28\%$.

Quy đổi số lượng giảng viên của Trường:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<i>Hệ số quy đổi</i>			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	5	4	0	3	0	1	0	16,0

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
2	Phó Giáo sư	3	28	0	5	9	14	0	31,5
3	Tiến sĩ khoa học	3							
4	Tiến sĩ	2	169	0	67	24	77	1	179,6
5	Thạc sĩ	1	498	0	259	36	202	1	310,4
6	Đại học	0.5	14	0	6	0	7	1	3,8
	Tổng		713	0	340	69	301	3	541,3

Nguồn: Phòng TC-NS, cập nhật 30/6/2016

19. Thống kê, phân loại GVCH theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

Đơn vị tính, người, %

Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
			Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
Giáo sư, Viện sĩ	3	0,7%	3	0	0	0	1	1	1
Phó Giáo sư	14	3,4%	12	2	0	1	5	6	2
Tiến sĩ khoa học									
Tiến sĩ	91	22,3%	63	28	0	25	30	19	17
Thạc sĩ	295	72,1%	144	151	37	165	67	25	1
Đại học	6	1,5%	3	3	2	2	1	1	1
Cao đẳng									
Trung cấp									
Trình độ khác									
Tổng	409	100%	225	184	39	193	104	52	21

Nguồn: Phòng TC-NS, cập nhật 30/6/2016

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10,0%	75,0%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	16,40%	14,10%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,40%	5,10%

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	26,40%	5,10%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	20,80%	0,70%
	Tổng	100%	100%

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **41,03 tuổi**

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Trường: **26,41%**

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Trường: **72,13%**

IV. Người học

Người học bao gồm SV, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào Trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Đơn vị: người

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2011-2012	27914	5282	18,92%	3926		15,44	
2012-2013	17612	4063	23,07%	3023		16,60	
2013-2014	14313	3776	26,38%	2159		18,12	
2014-2015	8229	4089	49,69%	2549		17,48	
2015-2016	-	2953	-	2741		20,11	
Cao đẳng							
2011-2012	363	339	93,39%	247		11,39	
2012-2013	102	187	183,33%	88		12,76	

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật ngày 30/6/2016

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường: **11.678** người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Nghiên cứu sinh		5	9	8	8
2. Học viên cao học	400	490	450	355	365
3. Sinh viên đại học	11.999	9.068	8.809	8.095	6.863
Trong đó:					
Hệ chính quy	3.926	3.023	2.159	2.549	2.741
Hệ không chính quy	8.073	6.045	5.650	5.546	4.122
4. Sinh viên cao đẳng	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác...					

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Đào tạo Sau đại học, Trung tâm Đào tạo từ xa, cập nhật 30/6/2016

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): **11.678**

Tổng số sinh viên quy đổi: **11.678**

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi) **21,57** Sinh viên/Giảng viên.

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi					

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá /tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây: Trường chỉ có Ký túc xá ở Cơ sở 2 - Long Bình, dùng để phục vụ học GDQP, GDTC, mỗi đợt học 300 SV).

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3552	3552	3552	3552	3552

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)					
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá					
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người					

Nguồn: Phòng HC-QT, cập nhật 30/6/2016 (Ghi chú

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học (SV Đại học) tham gia nghiên cứu khoa học:(sẽ bổ sung trong tuần sau)

Đơn vị: người

	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Số lượng (người)	136	371	406	544	437
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi					

Nguồn: Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	126	152	252	326	395
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	13.446	9.621	9.650	5.996	4.863
Trong đó:					
Hệ chính quy	3.574	3.902	3.274	3.117	1.341
Hệ không chính quy	9.872	5.719	6.376	2.879	3.522
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	666	682	266	130	23
Trong đó:					
Hệ chính quy	666	682	266	130	23
Hệ không chính quy	00	00	00	00	00
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	00	00	00	00	00
Hệ không chính quy	00	00	00	00	00

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
6. Sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy bằng thứ hai: Trong đó:					
Hệ chính quy	329	683	536	355	158
7. Sinh viên tốt nghiệp Liên thông từ CD lên ĐH					
Hệ chính quy	565	1145	1500	559	62

Nguồn: Khoa Đào tạo Sau đại học, Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm ĐTTX, cập nhật 30/6/2016

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Đơn vị: Người, %, triệu đồng

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011	2012	2013	2014	2015
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (ĐH, B2, LT) (người)		4649	5961	5139	3758
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)		46, 68	48, 57	70, 75	91, 00
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường: ¹ A. Trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		83,38%	83,22%	85,08%	87,19%
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		12,78%	10,81%	8,40%	6,68%
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		2,37%	2,15%	1,28%	1,02%
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên		68,81%	79,02%	57,88%	60,08%

¹ Ghi chú: Số mẫu khảo sát SV hợp lệ thu về: Năm 2012: 4604 mẫu; Năm 2013: 4605 mẫu; Năm 2014: 2284 mẫu; Năm 2015: 1468 mẫu.

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011	2012	2013	2014	2015
sau khi tốt nghiệp: A. Trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp		60,64%	72,64% 66,00%	73,86% 67,47%	72,33%
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)		7,86%	10,22%	9,31%	9,18%
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm		5,02	4,96	5,45	5,69
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Nguồn: Phòng CTSV, Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật 30/6/2016

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Đơn vị: Người, %

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011	2012	2013	2014	2015
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011	2012	2013	2014	2015
2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	-	-	-	-	-
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường: A. Trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi TN: A. Trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Trước 6 tháng tốt nghiệp					
- Sau 06 tháng đến 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu đồng)					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011	2012	2013	2014	2015
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Nguồn: Phòng CTSV, Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật 30/6/2016

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0							
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	4	1	2	1	1	9
3	Đề tài cấp trường	0,5	7	13	21	18	27	14	50
	Tổng		7	17	22	20	28	15	59

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

Tổng số đề tài quy đổi: **59**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $59/582=0,101$

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của Trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2011	807	50%	1.387
2	2012	189	16%	0.325
3	2013	406	290%	0.698
4	2014	700	53%	1.203
5	2015	450	46%	0.773
6	2016	459	22%	0.789

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của Trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	70	200	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	4	
Trên 6 đề tài	0	0	4	
Tổng số cán bộ tham gia		71	208	

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của Trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: cuốn

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	
1	Sách chuyên khảo	2	1	3	2	3	2	22
2	Sách giáo trình	1,5					1	1,5
3	Sách tham khảo	1	8	4	7	2	14	35
4	Sách hướng dẫn	0,5		5	5			5
	Tổng		9	12	14	5	17	63,5

Nguồn: Ban Học liệu, cập nhật 30/6/2016

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **57**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $=57/582=0,098$

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của Trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	11	-	70	5
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-

Tổng số cán bộ tham gia	11		70	5
--------------------------------	-----------	--	-----------	----------

Nguồn: Ban học liệu, cập nhật 30/6/2016

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: bài báo

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	1	4	3	10	7	8	49,5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	86	55	32	52	74	54	353
3	Tạp chí /tập san của cấp trường	0,5				4	5	5	7
	Tổng		87	59	35	66	86	67	409,5

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 405,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: = 405,5/582=0,697

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của Trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí /tập san của cấp Trường
Từ 1 đến 5 bài báo	55	274	19
Từ 6 đến 10 bài báo	4	16	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	0	7	0
Tổng số cán bộ tham gia	59	298	19

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: báo cáo khoa học

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	6	0	5	24	28	65
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	3	7	18	45	17	46,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25							
	Tổng		5	9	7	23	69	45	111,5

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 111,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $= 111,5/582 = 0,192$

- 36.** Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở Trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	79	96	
Từ 6 đến 10 báo cáo	5	4	
Từ 11 đến 15 báo cáo	2	0	
Trên 15 báo cáo	2	0	
Tổng số cán bộ tham gia	88	100	

Nguồn: Phòng Hợp tác và quản lý khoa học, cập nhật 30/6/2016

- 37.** Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2011 - 2012	00
2012 - 2013	00
2013 - 2014	00
2014 - 2015	00
2015 - 2016	00

- 38.** Nghiên cứu khoa học của sinh viên:

38.1. Số lượng sinh viên của Trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	73	1.559	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	14	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	73	1.559	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	55	98	138	117	49
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	7	24	7	10	18

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của Trường (tính bằng m²): **438.518,9m²**

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: **6.981,30 m²**
- Nơi học: **50.022,63 m²**
- Nơi vui chơi giải trí: **500m²**

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: **35.288,09m²**
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: **3,022m²/SV**

42. Tổng số đầu sách trong thư viện của Trường: **53.409** cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của Trường: 53.409 cuốn.

43. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: **352**
- Dùng cho sinh viên học tập: **713**
- Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên SV chính quy: **0,122 máy/SV.**

Ghi chú: Tần suất sử dụng (Mỗi ngày 02 ca học thực hành máy tính)

44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2011: **251.227.587.068** đồng;
- Năm 2012: **314.336.282.509** đồng;
- Năm 2013: **290.317.805.958** đồng;
- Năm 2014: **238.015.728.299** đồng;
- Năm 2015: **229.256.289.150** đồng.

45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm học 2011-2012: **165.360.007.267** đồng;
- Năm học 2012-2013: **173.517.026.090** đồng;
- Năm học 2013-2014: **157.405.441.845** đồng;
- Năm học 2014-2015: **135.229.223.817** đồng;
- Năm học 2015-2016: **134.629.551.390** đồng.

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): **409**
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): **70,27%**
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Trường: **26,41%**
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Trường: **72,13%**

2. Sinh viên:

- Tổng số sinh viên chính quy (người): **11.678**
- Tổng số sinh viên quy đổi (người): **11.678**
- Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): **21,57**
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): **58,26%**

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường:

- Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **84,718%**

- Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **9,668%**

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): **69,865%**
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm không đúng ngành đào tạo (%): **9,143%**
- Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): **5,278**

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):...
- Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,101**
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: **1,295** triệu đồng/cán bộ.
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,098**
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,697**
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,192**

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

- Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: **0,122 máy/sinh viên**
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: **3,022m²/SV**
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: **11,840 m²/SV**

B. Các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 134 /QĐ-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội khoá 13;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM gồm các Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá trường đại học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các Ông (Bà) lãnh đạo Phòng Khảo thí & KĐCL, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Tài chính - Kế toán, lãnh đạo các đơn vị liên quan và các Ông (Bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. KT&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG 
Nguyễn Văn Phúc



Phụ lục 1: DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 194 ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường ĐH Mở Tp. HCM)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Nguyễn Văn Phúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
02	Lê Thị Thanh Thu	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch TT
03	Nguyễn Thành Nhân	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
04	Vũ Hữu Đức	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
05	Nguyễn Thị Kim Cúc	Phó Trưởng phòng KT&KDCL	Ủy viên TT
06	Nguyễn Minh Hà	Trưởng Khoa Sau đại học	Ủy viên
07	Lê Thị Khoa Nguyên	Phó Trưởng Khoa KT-KT	Ủy viên
08	Trịnh Thùy Anh	Trưởng Khoa QTKD	Ủy viên
09	Nguyễn Văn Thuận	Trưởng Khoa TC-NH	Ủy viên
10	Nguyễn Thúy Nga	Phó trưởng Khoa NN	Ủy viên
11	Lâm Ánh Quyên	Phó trưởng Khoa XHH-CTXH-DNA	Ủy viên
12	Lê Anh Tuấn	Trưởng Khoa CNTT	Ủy viên
13	Đặng Văn Thanh	Trưởng Khoa KT&L	Ủy viên
14	Nguyễn Minh Kiều	Trưởng Khoa ĐTDB	Ủy viên
15	Lưu Trường Văn	Trưởng Khoa XD&Đ	Ủy viên
16	Bùi Thị Mỹ Hồng	Phó Trưởng Khoa CNSH	Ủy viên
17	Ninh Xuân Hương	Phó Trưởng Ban cơ bản	Ủy viên
18	Âu Thị Cẩm Linh	GD Thư viện	Ủy viên
19	Hồ Hữu Trí	GD Trung tâm ĐTTX	Ủy viên
20	Nguyễn Chính Thắng	Phó Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
21	Tạ Thị Lan Anh	Trưởng phòng CTSV	Ủy viên
22	Nguyễn Tấn Nhân	Trưởng phòng TC-NS	Ủy viên
23	Nguyễn Từ Hàn	Trưởng phòng HC-QT	Ủy viên
24	Lê Thái Thường Quân	Trưởng phòng HT-QLKH	Ủy viên
25	Đỗ Sa Kỳ	Trưởng phòng ĐT-XD	Ủy viên
26	Nguyễn Tấn Lượng	Phụ trách phòng TC-KT	Ủy viên
27	Nguyễn Ngọc Anh	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
28	Trần Thị Lệ Quyên	Chuyên viên P. QLĐT	Ủy viên thư ký

(Danh sách gồm có 28 người)



PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ TỔNG HỢP

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Nguyễn Thị Kim Cúc	Phó trưởng phòng KT&KĐCL	Trưởng ban thư ký
02	Nguyễn Chính Thắng	Phó trưởng phòng QLĐT	P. Trưởng ban
03	Trần Thị Lệ Quyên	Chuyên viên P. QLĐT	Ủy viên TT
04	Nguyễn Lê Minh Long	TLGV Khoa Kinh Tế và Luật	Ủy viên
05	Lê Thị Kiều Hạnh	Chuyên viên P. KT&KĐCL	Ủy viên
06	Trần Lê Trọng Phúc	Chuyên viên P. QLĐT	Ủy viên



PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Nguyễn Tấn Nhân	Trưởng phòng TC-NS	Trưởng nhóm TC-NS
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng phòng TC-NS	Thành viên
Nhóm 2	Nguyễn Từ Hàn	Trưởng phòng HC-QT	Trưởng nhóm HC-QT
	Trần Thị Tuyết Trinh	Phó trưởng phòng HC-QT	Thành viên
Nhóm 3	Nguyễn Tấn Lượng	Phó trưởng phòng TC-KT	Trưởng nhóm TC – KT
	Nguyễn Thị Tuyết Sương	Chuyên viên P. TC-KT	Thành viên
Nhóm 4	Đỗ Sa Kỳ	Trưởng phòng ĐT-XD	Trưởng nhóm ĐT-XD
	Hồ Thị Thảo	Phó trưởng phòng ĐT-XD	Thành viên
Nhóm 5	Lê Thái Thường Quân	Trưởng phòng HT-QLKH	Trưởng nhóm HT-QLKH
	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tổ Quyên	Phó trưởng phòng HT- QLKH	Thành viên
Nhóm 6	Nguyễn Minh Hà	Trưởng Khoa Sau đại học	Trưởng nhóm ĐT Sau ĐH
	Lê Thị Thu Hà	Chuyên viên K. SDH	Thành viên
Nhóm 7	Nguyễn Chính Thắng	Phó Trưởng phòng QLĐT	Trưởng nhóm ĐT Chính quy
	Phan Thị Thu Phương	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 8	Hồ Hữu Trí	GD Trung tâm ĐTTX	Trưởng nhóm ĐTTX-VLVH
	Hồ Ánh Hồng	GD Trung tâm ĐTTX	Thành viên
	Nguyễn Thị Anh Thảo	GD Trung tâm ĐTTX	Thành viên
Nhóm 9	Nguyễn Thị Kim Cúc	Phó TP KT&KĐCL	Trưởng nhóm KT – KĐ - TT
	Lê Thị Kiều Hạnh	Chuyên viên P. KT&KĐCL	Thành viên
Nhóm 10	Tạ Thị Lan Anh	Trưởng phòng CTSV	Trưởng nhóm CTCT-CTSV-HTSV
	Lê Văn Long	Chuyên viên P. CTSV	Thành viên
Nhóm 11	Âu Thị Cẩm Linh	GD Thư viện	Trưởng nhóm Thư viện – Y tế
	Nguyễn Thị Bình	Trưởng trạm Y tế	Thành viên
Nhóm 12	Nguyễn Ngọc Anh	Bí thư Đoàn trường	Trưởng nhóm các tổ chức Đoàn thể
	Tổng Hồng Lam	Chuyên viên VP. ĐU	Thành viên

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nhân sự tham gia công tác
tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội khoá 13;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ quyết định số 194/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nhân sự của nhóm chuyên trách số 8, thu thập minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM năm 2014.

Cô Nguyễn Thị Thanh Thủy thay thế cô Đỗ Thanh Kim Vy (do chuyển đơn vị công tác)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) lãnh đạo Phòng Khảo thí & KĐCL, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Tài chính - Kế toán, lãnh đạo các đơn vị liên quan và các Ông (Bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. KT&KĐCL.



QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung nhân sự tham gia công tác
tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội khoá 13;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ quyết định số 194/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung nhân sự nhóm chuyên trách phục vụ công tác tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM năm 2014:

1. Bà Dương Diễm Châu (Nhóm công tác 1)
2. Ông Tống Hào Kiệt (Nhóm công tác 1)
3. Ông Lê Nguyễn Quốc Khang (Nhóm công tác 4)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) lãnh đạo Phòng Khảo thí & KĐCL, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Tài chính - Kế toán, lãnh đạo các đơn vị liên quan và các Ông (Bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. KT&KĐCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Thu

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh thành viên hội đồng tự đánh giá chất lượng
Trường Đại học Mở Tp.HCM**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội khoá 13;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ quyết định số 194/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thành viên hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Mở Tp.HCM năm 2014.

Ông Trần Tuấn Anh (P. Trưởng khoa XD&Đ) thay thế Ông Lưu Trường Văn (do chuyển công tác)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) lãnh đạo Phòng Khảo thí & KĐCL, Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Tài chính - Kế toán, lãnh đạo các đơn vị liên quan và các Ông (Bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. KT&KĐCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Thu

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 850/QĐ-TTg ngày 12/06/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội khóa 13;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-ĐHM, ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

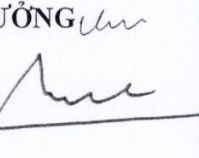
Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh (danh sách đính kèm).

Điều 2. Thành viên Hội đồng có nhiệm vụ triển khai cập nhật báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông/bà lãnh đạo Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Hành chính - Quản trị, Trường Phòng Tài chính - Kế toán và các Ông (Bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT./.

HIỆU TRƯỞNG 

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

(Kèm theo Quyết định số 1349 /QĐ-ĐHM, ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh)

TT	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1	Lê Thị Khoa Nguyên- Phó Trưởng khoa KT-KT	Hồ Hữu Thụy- Phó Trưởng khoa KT-KT
2	Nguyễn Văn Thuận – Trưởng khoa TC-NH	Nguyễn Minh Kiều – Trưởng khoa TC-NH
3	Lê Anh Tuấn – Trưởng Khoa CNTT	Lê Xuân Trường – Phó Trưởng Khoa CNTT
4	Nguyễn Minh Kiều – Trưởng khoa đào tạo đặc biệt	Vân Thị Hồng Loan – Phó Trưởng khoa đào tạo đặc biệt
5	Hồ Hữu Trí-GĐ Trung tâm đào tạo từ xa	Vũ Hữu Đức-Phó Hiệu trưởng kiêm GĐ Trung tâm đào tạo từ xa
6	Nguyễn Chính Thắng – Phó trưởng phòng QLĐT	Nguyễn Minh Hà – Trưởng phòng QLĐT
7	Nguyễn Tấn Nhân- Trưởng phòng TCNS	Tổng Hào Kiệt- Phó Trưởng phòng TCNS
8	Nguyễn Ngọc Anh- Bí thư Đoàn Trường	Trần Văn Trí- Bí thư Đoàn Trường
9	Trần Thị Lệ Quyên – Chuyên viên P.QLĐT	Lê Thị Kiều Hạnh – Chuyên viên P.Khảo thí T&ĐBCL
10	Nguyễn Minh Hà – Trưởng khoa ĐTSĐH	Lê Thị Thanh Thu-Chủ tịch HĐ Trường kiêm Trưởng khoa ĐTSĐH
11	Đặng Văn Thanh – Trưởng khoa KT&L	Đặng Văn Thanh – Phó Trưởng khoa KT&QLC
12		Dư Ngọc Bích – Phó trưởng khoa Luật
13		Nguyễn Thị Thảo – Sinh viên Khoa Luật

Danh sách gồm 13 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ TỔNG HỢP CỦA HỘI ĐỒNG
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

(Kèm theo Quyết định số 1349/QĐ-ĐHM ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh)

TT	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1	Nguyễn Chính Thắng – Phó Trưởng P.QLĐT- Phó Trưởng Ban Thư ký	Huỳnh Nguyễn Tuyết Quyên – Chuyên viên Trung tâm ĐTTX - Ủy viên
2		Phùng Thị Kim Ngọc – Chuyên viên P.Quản lý đào tạo - Ủy viên
3		Đoàn Thị Mỹ Hằng – Chuyên viên P.Tổ chức Nhân sự - Ủy viên
4		Nguyễn Thị Tuyết Sương – Chuyên viên P.Tài chính Kế toán - Ủy viên
5		Đoàn Lê Nguyên – Chuyên viên P.Hợp tác & QLKH - Ủy viên

Danh sách gồm 05 người./.

C. Kế hoạch Tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 254 /KH-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá:

Nhằm xác định thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, các vấn đề liên quan khác, điều chỉnh nguồn lực, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Hội đồng tự đánh giá:

3.1. Thành phần hội đồng tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo quyết định số 194/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp. HCM. Hội đồng gồm có 28 thành viên (Phụ lục 1).

3.2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Phụ lục 2, 3)

3.3. Phân công thực hiện: (Phụ lục 4)

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực:

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

4.1 Tập huấn về phương pháp tự đánh giá và cách thu thập minh chứng: thuê chuyên gia

4.2 Tham quan thực tế: dự kiến 3 trường

5. Công cụ đánh giá:

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn khác.

6. Thời gian biểu:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2	- Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; - Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Họp Hội đồng tự đánh giá để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá; - Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao; - Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.

Tuần 3 - 4	• Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...); • Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo); • Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5	Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 6 - 12	• Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; • Thu thập thông tin và minh chứng; • Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; • Mô tả thông tin và minh chứng thu được; • Phân tích, lý giải các kết quả đạt được.
Tuần 13	Họp Hội đồng tự đánh giá để: • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; • Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 14	• Thu thập, xử lý thông tin bổ sung; • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.
Tuần 15 - 17	• Thu thập thông tin bổ sung; • Các cuộc họp bổ sung; • Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 18 - 19	Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 20 - 21	• Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; • Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.
Tuần 22 - 25	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá
Tuần 26 - 27	Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
Tuần 28	• Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; • Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.

Nơi nhận:

- Đảng uỷ (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT&KĐCLGD.


HIỆU TRƯỞNG
MỖ
TP. HỒ CHÍ MINH
 Nguyễn Văn Phúc

BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Kèm theo kế hoạch số 254/KH-ĐHM, ngày 25/03/2014 của Trường Đại học Mở Tp.HCM)

Bảng phân công thực hiện được chia thành 12 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Họp phân công công việc (Ban Giám hiệu) 14g, thứ 4, 02/4/2014

Giai đoạn 2: Ban thư ký tổ chức tham quan thực tế (lần 1) và mời chuyên gia tập huấn công tác tự đánh giá (Thời gian thực hiện từ 08/4 đến 11/4/2014)

Giai đoạn 3: 12 nhóm công tác dưới đây tiến hành thu thập minh chứng theo lĩnh vực nhiệm vụ (Thời gian thực hiện từ 14/4 đến 09/5/2014)

Nhóm thu thập minh chứng

	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Nguyễn Tấn Nhân	Trưởng phòng TC-NS	Trưởng nhóm TC-NS
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng phòng TC-NS	Thành viên
Nhóm 2	Nguyễn Từ Hàn	Trưởng phòng HC-QT	Trưởng nhóm HC-QT
	Trần Thị Tuyết Trinh	Phó trưởng phòng HC-QT	Thành viên
Nhóm 3	Nguyễn Tấn Lượng	Phó trưởng phòng TC-KT	Trưởng nhóm TC – KT
	Nguyễn Thị Tuyết Sương	Chuyên viên P. TC-KT	Thành viên
Nhóm 4	Đỗ Sa Kỳ	Trưởng phòng ĐT-XD	Trưởng nhóm ĐT-XD
	Hồ Thị Thảo	Phó trưởng phòng ĐT-XD	Thành viên
Nhóm 5	Lê Thái Thường Quân	Trưởng phòng HT-QLKH	Trưởng nhóm HT-QLKH
	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tổ Quyên	Phó trưởng phòng HT-QLKH	Thành viên
Nhóm 6	Nguyễn Minh Hà	Trưởng Khoa Sau đại học	Trưởng nhóm ĐT Sau ĐH
	Lê Thị Thu Hà	Chuyên viên K. SDH	Thành viên
Nhóm 7	Nguyễn Chính Thắng	Phó Trưởng phòng QLĐT	Trưởng nhóm ĐT Chính quy
	Phan Thị Thu Phương	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 8	Hồ Hữu Trí	GD Trung tâm ĐTTX	Trưởng nhóm ĐTTX-VLVH
	Hồ Ánh Hồng	GD Trung tâm ĐTTX	Thành viên
	Nguyễn Thị Anh Thảo	GD Trung tâm ĐTTX	Thành viên
	Âu Anh Thông	Chuyên viên TT. ĐTTX	Thành viên
	Đỗ Thanh Kim Vy	Chuyên viên TT. ĐTTX	Thành viên
Nhóm 9	Nguyễn Thị Kim Cúc	Phó TP KT&KĐCL	Trưởng nhóm KT – Kiểm định
	Lê Thị Kiều Hạnh	Chuyên viên P. KT&KĐCL	Thành viên
Nhóm 10	Tạ Thị Lan Anh	Trưởng phòng CTSV	Trưởng nhóm CTCT-CTSV-HTSV
	Lê Văn Long	Chuyên viên P. CTSV	Thành viên
Nhóm 11	Âu Thị Cẩm Linh	GD Thư viện	Trưởng nhóm Thư viện – Y tế
	Nguyễn Thị Bình	Trưởng trạm Y tế	Thành viên
Nhóm 12	Nguyễn Ngọc Anh	Bí thư Đoàn trường	Trưởng nhóm các tổ chức Đoàn thể
	Tổng Hồng Lam	Chuyên viên VP. ĐU	Thành viên

Giai đoạn 4: Ban thư ký tổng hợp minh chứng từ 12 nhóm công tác, tiến hành phân loại minh chứng theo tiêu chí, mã hóa minh chứng (Thời gian thực hiện từ 12/5 đến 23/5/2014)

Giai đoạn 5: Ban thư ký tổ chức tham quan thực tế (lần 2) - (Thời gian thực hiện từ 26/5 đến 30/5/2014)

Giai đoạn 6: Căn cứ minh chứng do Ban thư ký cung cấp, nhóm được phân công viết Phiếu đánh giá tiêu chí tiến hành viết Phiếu đánh giá tiêu chí (Thời gian thực hiện từ 02/6 đến 13/6/2014)

Giai đoạn 7: Ý kiến góp ý của chuyên gia, Ban thư ký thu thập thông tin bổ sung (Thời gian thực hiện từ 16/6 đến 27/6/2014)

Giai đoạn 8: Nhóm viết báo cáo tự đánh giá phân tích minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí (Thời gian thực hiện 30/6 đến 01/8/2014)

Nhóm viết báo cáo tự đánh giá

	Tiêu chuẩn	Họ và tên	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	Sứ mạng, mục tiêu	Nguyễn Tấn Nhân	2 tiêu chí
Tiêu chuẩn 2	Tổ chức và quản lý	Nguyễn Từ Hàn Nguyễn Tấn Nhân	7 tiêu chí
Tiêu chuẩn 3	Chương trình giáo dục	Nguyễn Minh Hà Phan Thị Thu Phương Nguyễn Thị Anh Thảo	6 tiêu chí
Tiêu chuẩn 4	Hoạt động đào tạo	Nguyễn Minh Hà Nguyễn Chính Thắng Hồ Ánh Hồng	7 tiêu chí
Tiêu chuẩn 5	Đội ngũ CBQL, GV, NV	Nguyễn Thị Thu Thủy	8 tiêu chí
Tiêu chuẩn 6	Người học	Tạ Thị Lan Anh Nguyễn Ngọc Anh	9 tiêu chí
Tiêu chuẩn 7	NCKH, UD, PT và CGCN	Lê Thái Thường Quân	7 tiêu chí
Tiêu chuẩn 8	Hợp tác quốc tế	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên	3 tiêu chí
Tiêu chuẩn 9	Thư viện, trang thiết bị, CSVC	Nguyễn Từ Hàn Âu Thị Cẩm Linh Đỗ Sa Kỳ	9 tiêu chí
Tiêu chuẩn 10	Tài chính, quản lý tài chính	Nguyễn Tấn Lượng	3 tiêu chí

Giai đoạn 9: Ban thư ký tổng hợp – Dự thảo báo cáo tự đánh giá – Tổ chức tham quan thực tế lần 3 (Thời gian thực hiện từ 04/8 đến 29/8/2014)

Giai đoạn 10: Các đơn vị tiến hành góp ý cho dự thảo – Ban thư ký tổng hợp, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo tự đánh giá (Thời gian thực hiện từ 01/9 đến 12/09/2014 tuần)

Giai đoạn 11: Công bố báo cáo tự đánh giá chính thức (công bố công khai trong nội bộ từ 15/9 đến 28/9/2014)

Giai đoạn 12: Lưu trữ - Gửi báo cáo Bộ GD&ĐT ✓

D. Danh mục minh chứng

Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh